

Phụ lục 1
QUY ĐỊNH VIỆC GHI DẠNG BẢO CHẾ THUỐC THUỘC GÓI THẦU
GENERIC, GÓI THẦU THUỐC ĐƯỢC LIỆU, THUỐC CỔ TRUYỀN
TẠI KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

I. Bảng quy định việc ghi dạng bảo chế

STT	Dạng bảo chế ghi tại kế hoạch lựa chọn nhà thầu	Các dạng bảo chế được dự thầu chung
(1)	(2)	(3)
1	Thuốc viên uống	
1.1	Viên	Viên nén, viên bao phim, viên nén bao phim, viên bao đường, viên nén bao đường, viên nhũn lớp, viên ngậm, viên nhai, viên nén nhai, viên nén cũ trong miệng
1.2	Viên nang	Viên nang cứng, viên nang mềm ^(*) , viên nang chứa vi hạt (pellet, vi nang, vi cầu, tiểu phần nano) <u>Ghi chú:</u> Các dạng bảo chế ở mục này được dự thầu với các dạng bảo chế ở mục 1.1
1.3	Viên hoàn cứng	Hoàn cứng, hồ hoàn, lap hoàn, thây hoàn, hoàn nước - mặt, hoàn cứng bao đường, hoàn cứng bao phim
1.4	Viên hoàn giọt	Viên hoàn giọt
1.5	Viên hoàn mềm	Hoàn mềm, mặt hoàn
1.6	Viên bao tan ở ruột	Viên/viên nén/viên bao phim/viên nén bao phim/viên nang/viên nang cứng/viên nang mềm bao tan ở ruột hoặc tan trong ruột/bao tan trong ruột hoặc không dịch vị/bao không dịch vị hoặc chứa pellet/hạt vi hạt tan trong ruột/bao tan trong ruột hoặc không dịch vị/bao không dịch vị; Viên/viên nén/viên bao phim/viên nén bao phim/viên nang/viên nang cứng không acid dạ dày; Viên nang chứa pellet không acid dạ dày <u>Ghi chú:</u> Các dạng bảo chế ở mục này được dự thầu với các dạng bảo chế ở mục 1.1 và mục 1.2
1.7	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên/viên nén/viên nang/viên nén bao phim/viên bao phim giải phóng kéo dài; Viên/viên nén/viên nang/viên nén bao phim/viên bao phim phóng thích chậm/giải phóng chậm/giải phóng bền đôi/giải phóng kéo dài/giải phóng hoạt chất theo chương trình/giải phóng tại đích; Viên/viên nén/viên nang/viên nén bao phim/viên bao phim chứa hạt/pellet/vi hạt giải phóng có kiểm soát; Viên/viên nén/viên nang/viên nén bao phim/viên bao phim chứa hạt/pellet/vi hạt giải phóng kéo dài; Viên nang cứng dạng bead. <u>Ghi chú:</u> Các dạng bảo chế ở mục này được dự thầu với các dạng bảo chế ở mục 1.1 và mục 1.2

STT	Dạng bào chế ghi tại kế hoạch lựa chọn nhà thuốc	Các dạng bào chế được dự thảo chung
(1)	(2)	(3)
1.8	Viên hòa tan nhanh	Viên/viên nén hòa tan ^(*) ; Viên/viên nén rã nhanh (đồng khối, dạng hoa, in 3D) ^(*) ; Viên đồng khối ^(*) ; Viên/viên nén tan trong miệng ^(*) ; viên/viên nén phân rã ^(*) ; viên/viên nén phân rã trong miệng ^(*) . Ghi chú: Các dạng bào chế ở mục này được dự thảo với các dạng bào chế ở mục 1.1, mục 1.2
1.9	Viên sủi	Viên/viên nén sủi/viên nén sủi bọt. Ghi chú: Dạng bào chế ở mục này được dự thảo với các dạng bào chế ở mục mục 1.1, mục 1.2 và mục 1.8
1.10	Viên đặt dưới lưỡi	Viên/viên nén/viên nang đặt dưới lưỡi (hoặc đặt trong má); viên nén ngậm dưới lưỡi. Ghi chú: Dạng bào chế ở mục này được dự thảo với các dạng bào chế ở mục mục 1.1
2	Thuốc uống dạng cầm, bột, hạt, dung dịch, hỗn dịch, siro, nhũ dịch	
2.1	Bột/cầm/hạt pha uống	Cầm/bột/hạt pha uống/pha dung dịch uống/pha hỗn dịch uống. Ghi chú: Các dạng bào chế ở mục này được dự thảo với các dạng bào chế ở mục 2.2 nếu cùng nồng độ/hàm lượng
2.2	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Dung dịch uống, hỗn dịch uống, nhũ tương (nhũ dịch) uống, siro, elixir, cao thuốc uống (cao lỏng, cao đặc), cồn thuốc uống, nược thuốc uống, gel uống. Ghi chú: Các dạng bào chế ở mục này được dự thảo với các dạng bào chế ở mục 2.1 nếu cùng nồng độ/hàm lượng
2.3	Bột/cầm/hạt pha uống hòa tan nhanh	Cầm và bột/bột sủi bọt/hạt sủi bọt để pha dung dịch hoặc hỗn dịch uống. Ghi chú: Các dạng bào chế ở mục này được dự thảo với các dạng bào chế ở mục 2.1
2.4	Bột/cầm/hạt pha uống kháng dịch vị	Cầm/bột/hạt kháng dịch vị hoặc bao tan ở ruột. Ghi chú: Các dạng bào chế ở mục này được dự thảo với các dạng bào chế ở mục 2.1
2.5	Bột/cầm/hạt pha uống giải phóng có kiểm soát	Cầm/bột/hạt bao giải phóng có kiểm soát/phòng thích kéo dài/giải phóng kéo dài/phòng thích chậm/giải phóng tại đích/giải phóng hoạt chất theo chương trình/giải phóng biến đổi. Ghi chú: Các dạng bào chế ở mục này được dự thảo với các dạng bào chế ở mục 2.1
3	Thuốc tác dụng tại miệng	
3.1	Thuốc kết dính niêm mạc miệng	Viên/màng/miếng dán kết dính niêm mạc miệng, màng đặt dưới lưỡi (hoặc đặt trong má)
3.2	Thuốc tác dụng tại niêm mạc miệng	Dung dịch/hỗn dịch/cầm/bột/bột nhũ/gel bột/miếng dán niêm mạc miệng. Dung dịch/hỗn dịch/cầm/bột/bột nhũ-gel rỏ miệng. Thuốc xịt, thuốc súc miệng/vệ sinh khoang miệng

STT	Dạng bào chế ghi tại kế hoạch lựa chọn nhà thuốc	Các dạng bào chế được dự thảo chung
(1)	(2)	(3)
4	Thuốc xịt, phun mù, hít	
4.1	Dạng dịch/hỗn dịch khí dung	Dạng dịch khí dung, hỗn dịch khí dung, nhũ dịch khí dung
4.2	Thuốc hít định liều/phun mù định liều	Thuốc phun mù định liều, bột siêu mịn phân liều (chờ trong vỏ nang cứng) kèm dụng cụ để hít hoặc chứa trong thiết bị hít có bộ phận phân liều, dạng dịch để hít, bột dạng để hít, được chất lỏng/chất lỏng nguyên chất dùng để hít, hỗn dịch khí dung dùng để hít, hỗn dịch nên dưới áp suất dùng để hít, thuốc xịt dạng phun mù định liều; Hỗn dịch xịt qua bình định liều điều áp; Khí dung để chào liều
4.3	Thuốc xịt họng	Dạng dịch/hỗn dịch xịt họng
4.4	Thuốc xịt mũi	Dạng dịch/hỗn dịch xịt mũi
4.5	Thuốc xịt ngoài da	Dạng dịch/hỗn dịch xịt ngoài da; Gel xịt ngoài da; Phun mù xịt ngoài da
5	Thuốc nhỏ mắt, mũi, tai	
5.1	Thuốc nhỏ mắt	Dạng dịch nhỏ mắt (dung môi nước hoặc dầu), hỗn dịch nhỏ mắt (môi trường phân tán nước hoặc dầu), nhũ tương nhỏ mắt; gel nhỏ mắt; Bột vô khuẩn để pha dạng dịch hoặc hỗn dịch nhỏ mắt
5.2	Thuốc tra mắt	Thuốc mỡ/gel/cream tra mắt; Thuốc mỡ/gel/cream bôi má mắt
5.3	Thuốc nhỏ mắt tác dụng kéo dài	Dạng dịch/hỗn dịch/nhũ tương tác dụng kéo dài (dùng polymer, dầu, phos, wax) dùng cho nhãn khoa
5.4	Hệ cấy đặt vào mắt	Hệ cấy đặt vào mắt, implant tiềm trong dịch kính
5.5	Thuốc nhỏ mũi	Dạng dịch nhỏ mũi (dung môi nước hoặc dầu), hỗn dịch nhỏ mũi (môi trường phân tán nước hoặc dầu), bột để pha dạng dịch hoặc hỗn dịch nhỏ mũi
5.6	Thuốc rửa mũi	Bột pha dạng dịch/dạng dịch/hỗn dịch rửa mũi; Bột pha dạng dịch/dạng dịch/hỗn dịch vệ sinh mũi
5.7	Thuốc nhỏ tai	Dạng dịch nhỏ tai (dung môi nước hoặc dầu), hỗn dịch nhỏ tai (môi trường phân tán nước hoặc dầu), bột để pha dạng dịch hoặc hỗn dịch nhỏ tai
6	Thuốc tiêm, Gôm truyền	
6.1	Thuốc tiêm	Dạng dịch tiêm (dung môi nước hoặc dầu), hỗn dịch tiêm (môi trường phân tán nước hoặc dầu), nhũ tương/nhũ dịch gôm (dầu phân tán vào nước), bột pha tiêm (bột pha dạng dịch tiêm hoặc bột pha hỗn dịch tiêm), dạng dịch đậm đặc pha tiêm ^(*) , dịch truyền vô khuẩn, dung môi pha tiêm

STT	Dạng bào chế ghi tại kế hoạch lựa chọn nhà thầu	Các dạng bào chế được dự thầu chung
(1)	(2)	(3)
6.2	Thuốc tiêm đông khô	Thuốc tiêm đông khô, bột đông khô pha tiêm, bột đông khô pha tiêm truyền, bột đông khô pha dịch truyền, bột đông khô pha dung dịch đậm đặc độ pha dung dịch tiêm/truyền tĩnh mạch <u>Ghi chú:</u> Các dạng bào chế ở mục này được dự thầu với các dạng bào chế ở mục 6.1
6.3	Thuốc tiêm liposome/nano/phức hợp lipid	Thuốc tiêm dạng liposome, thuốc tiêm dưới dạng nano, thuốc tiêm dưới dạng phức hợp lipid <u>Ghi chú:</u> Các dạng bào chế ở mục này được dự thầu với các dạng bào chế ở mục 6.1
6.4	Thuốc tiêm nhân cầu	Thuốc tiêm nhân cầu, thuốc tiêm dịch kính, thuốc tiêm tiền phòng, thuốc tiêm dưới kết mạc, thuốc tiêm nhu mô giác mạc <u>Ghi chú:</u> Các dạng bào chế ở mục này được dự thầu với các dạng bào chế ở mục 6.1
6.5	Thuốc tiêm tác dụng kéo dài	Thuốc tiêm dạng polymer/gel/vi cầu/nano/biến dịch/nhũ tương tác dụng kéo dài <u>Ghi chú:</u> Các dạng bào chế ở mục này được dự thầu với các dạng bào chế ở mục 6.1
6.6	Thuốc tiêm đông sẵn trong dụng cụ tiêm	Bột tiêm phân liều, bơm tiêm phân liều; dung dịch tiêm/nhu dịch tiêm pha sẵn trong bơm; dung dịch tiêm/nhu dịch tiêm pha sẵn trong bơm tiêm/bơm tiêm <u>Ghi chú:</u> Các dạng bào chế ở mục này được dự thầu với các dạng bào chế ở mục 6.1
6.7	Thuốc cấy dưới da	Thuốc implant (đặt dưới da), thuốc tiêm dưới da (cấy phòng thích chạm), thuốc cấy dưới da giải phóng kéo dài chôn trong bơm tiêm, thuốc cấy dưới da (dạng bơm tiêm đông sẵn) <u>Ghi chú:</u> Các dạng bào chế ở mục này được dự thầu với các dạng bào chế ở mục 6.1
6.8	Thuốc tiêm truyền	Dung dịch/nhu dịch tiêm truyền, bột pha tiêm truyền, bột cô đặc độ pha dung dịch tiêm truyền, dung dịch đậm đặc pha tiêm truyền (*), dung môi pha tiêm truyền <u>Ghi chú:</u> Các dạng bào chế ở mục này được dự thầu với các dạng bào chế ở mục 6.1
7	Thuốc đặt, thuốc đặt hệ môn, âm đạo, niệu đạo	
7.1	Viên đặt âm đạo	Viên nén đặt âm đạo, viên nang đặt âm đạo, sản phẩm bán rắn đặt âm đạo (viên đặt đặt âm đạo, viên trong đặt âm đạo)

STT	Dạng bào chế ghi tại kế hoạch lựa chọn nhà thầu	Các dạng bào chế được dự thầu chung
(1)	(2)	(3)
7.2	Thuốc đặt âm đạo	Dạng dịch đặt âm đạo, hỗn dịch đặt âm đạo, nhũ tương đặt âm đạo, gel đặt đặt âm đạo, dạng dịch/gel/kem bôi âm đạo.
7.3	Vòng đặt âm đạo	Vòng đặt âm đạo, vòng giải hệ điều trị qua niêm mạc âm đạo, miếng đặt âm đạo, hệ điều trị đặt vào tử cung hoặc vòng tránh thai giải hệ điều trị đặt tử cung
7.4	Hệ phân phối thuốc đặt âm đạo	Hệ phân phối thuốc đặt âm đạo
7.5	Hệ phân phối thuốc đặt giải phóng có kiểm soát	Hệ phân phối thuốc đặt âm đạo có kiểm soát, hệ phân phối thuốc đặt trực tràng, hệ phóng thích thuốc qua dụng cụ đặt tử cung.
7.6	Thuốc đặt niệu đạo	Viên đặt niệu đạo, bột đặt niệu đạo, gel đặt niệu đạo
7.7	Thuốc đặt hậu môn/ trực tràng	Viên nén/viên đặt/sản phẩm bán rắn/gel đặt hậu môn/trực tràng
7.8	Thuốc đặt hậu môn/ trực tràng	Dạng dịch/hỗn dịch/nhũ tương/gel đặt hậu môn/trực tràng
8	Thuốc khác	
8.1	Thuốc dùng ngoài	Mỡ/kem/gel/ bột nhão/cồn thuốc/hỗn dịch/dạng dịch/nhũ tương/nhũ dịch/dầu xoa/cạo/bột bôi ngoài da/dùng ngoài, dầu xoa/cạo/kẹo/cồn xịt ngoài da/dùng ngoài.
8.2	Miếng dán	Miếng dán, tạo dán
8.3	Kẹo bọt (nhũ dịch) phun, xịt trên da	Kẹo bọt (nhũ dịch) phun, xịt trên da.
8.4	Hệ điều trị qua da	Hệ điều trị qua da.
8.5	Dạng dịch thẩm phân	Dạng dịch lọc máu, dạng dịch lọc thận, dịch lọc máu vô thẩm tách máu
8.6	Dạng dịch thẩm phân phúc mạc	Dạng dịch thẩm phân phúc mạc
8.7	Thuốc gột rửa	Gel/kem/dầu/dạng dịch/hỗn dịch gột (gột rửa)
8.8	Hỗn dịch dùng đường sủi khi cần	Hỗn dịch/bột pha hỗn dịch bơm ống nội khí quản
8.9	Dạng dịch gây tê	Dạng dịch gây tê, dạng dịch tẩm gây tê (pha khoa, tủy sống)
8.10	Thuốc gây mê đường hô hấp	Dạng dịch gây mê đường hô hấp; Chất lỏng dễ bay hơi dùng gây mê đường hô hấp; Thuốc mê đường hô hấp
8.11	Dạng dịch rửa vô khuẩn	Dạng dịch rửa vô khuẩn, dạng dịch tẩm/rửa nội soi bằng quang; Dạng dịch vô khuẩn dùng trong phẫu thuật

II. Hướng dẫn việc ghi dạng bào chế tại kế hoạch lựa chọn nhà thầu và việc dự thầu của các thuốc

1. Dạng bào chế tại kế hoạch lựa chọn nhà thầu ghi theo dạng bào chế tại cột số (2).

2. Các thuốc có dạng bào chế thuộc một trong các dạng bào chế tại Cột số (3) cùng hàng tương ứng với dạng bào chế tại cột số (2) sẽ được dự thầu chung.

Ví dụ:

- Dạng bào chế ghi tại kế hoạch lựa chọn nhà thầu là "viên" thì các thuốc cùng hoạt chất, hàm lượng có dạng bào chế "viên nén", "viên bao phim", "viên nén bao phim", "viên bao đường", "viên nén bao đường", "viên nhiều lớp", "viên ngậm", "viên nhai", "viên nén rã trong miệng" đều được dự thầu cùng nhau.

3. Đối với các dạng bào chế có đánh dấu (*) được ghi tách riêng tại kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo quy định tại khoản 2 Điều 12 của Thông tư này, cụ thể:

a) Chỉ được tách riêng khi có cùng dạng bào chế với thuốc biệt dược gốc, sinh phẩm tham chiếu hoặc các thuốc cấp phép, lưu hành tại các nước thuộc danh sách SRA hoặc EMA.

b) Trường hợp thuốc không thuộc điểm a Khoản này, cơ sở y tế phải thuyết minh rõ về tính cần thiết, nhu cầu sử dụng đối với dạng bào chế này và chỉ sử dụng trong trường hợp cần thiết khi không thể sử dụng dạng bào chế khác hoặc sử dụng dạng bào chế khác nhưng không đáp ứng điều trị.

4. Trường hợp cơ sở y tế có nhu cầu tách riêng một dạng bào chế cụ thể tại Cột (3) trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu ngoài khoản 3 Mục 1 Phụ lục này, Thủ trưởng cơ sở y tế được quyết định khi dạng bào chế đó đã có thuốc cùng hoạt chất, nồng độ/hàm lượng, đường dùng và nhận diện chỉ kỹ thuật của với thuốc OTC nhà sản xuất khác nhau đã được cấp Giấy đăng ký lưu hành hoặc Giấy phép nhập khẩu còn hiệu lực tại thời điểm lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu nên nguyên tắc bảo đảm nguyên tắc cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế trong mua sắm thuốc.

5. Trường hợp thuốc chưa có trong Bảng quy định việc ghi dạng bào chế tại Mục 1 Phụ lục này, Thủ trưởng cơ sở y tế quyết định việc ghi dạng bào chế tại kế hoạch lựa chọn nhà thầu trên cơ sở thông tin dạng bào chế thuốc đã được cấp phép lưu hành, thông tin dạng bào chế trên các công văn, quyết định phê duyệt của Cục Quản lý Dược, Cục Quản lý Y, Dược cổ truyền hoặc thông tin được công bố trên trang Thông tin điện tử của Cục Quản lý Dược, Cục Quản lý Y, Dược cổ truyền bản đảm nguyên tắc cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế trong mua sắm thuốc.

Phụ lục II
MẪU VĂN BẢN TRÌNH DUYỆT
Kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc

[ĐƠN VỊ TRÌNH¹]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: _____, ngày _____ tháng _____ năm _____

TỜ TRÌNH

Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc: _____
[dự án, dự toán mua sắm]

Kính gửi: _____ *[người phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu²]*

[Đơn vị trình] trình *[người phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu]* xem xét, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu trên cơ sở những nội dung dưới đây:

I. Mô tả tóm tắt dự án, dự toán mua sắm

Phần này giới thiệu khái quát thông tin về dự án, dự toán mua sắm như sau:

a) *Dự án, dự toán ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo niên độ ngân sách hoặc dự kiến dự án, dự toán ngân sách được cấp đối với trường hợp mua sắm cho năm tiếp theo hoặc mua sắm cho nhiều năm; dự kiến nguồn tài chính hợp pháp trong năm tài chính hoặc dự kiến nguồn tài chính hợp pháp cho các năm kế tiếp đối với trường hợp mua sắm cho năm tiếp theo hoặc mua sắm cho nhiều năm;*

b) *Giá trị phần công việc mua sắm đã thực hiện trong năm tài chính, năm ngân sách;*

c) *Phần kinh phí không đồng để mua sắm;*

d) *Dự toán mua sắm, được xác định bằng tính phí nên tại điểm a khoản này trừ kinh phí nên tại điểm b và điểm c khoản này.*

Trường hợp chủ đầu tư có sẵn kinh phí để mua sắm trong năm ngân sách, năm tài chính và không đồng nguồn thu dự kiến trong năm thì không phải xác định dự toán mua sắm như trên. Trong trường hợp này, dự toán mua sắm là khoản kinh phí có sẵn đồng để mua sắm trong năm ngân sách, năm tài chính. Trường hợp gói thầu có thời gian thực hiện hợp đồng dài hơn 01 năm thì nêu rõ dự toán mua sắm

¹ Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 40 và khoản 2 Điều 41 của Luật招标投标, trường hợp người có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu là đơn vị trình là chủ đầu tư, trường hợp chủ đầu tư được giao có trường hợp được người có thẩm quyền ủy quyền) hoặc người đứng đầu đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án trong trường hợp chưa có dự án được chủ đầu tư phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu là đơn vị trình là do chủ đầu tư hoặc người đứng đầu đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án quy định.

² Được xác định căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 40 và khoản 2 Điều 41 của Luật招标投标.

của năm ngân sách, năm tài chính và dự kiến dự toán mua sắm của các năm tiếp theo.

Trong phần này cũng nêu rõ tên chủ đầu tư, năm ngân sách, năm tài chính của dự toán mua sắm.

II. Căn cứ pháp lý

Căn cứ __[Luật Đấu thầu số 23/2023/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2023];

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;]

Căn cứ __[Giới số, ngày ban hành và nội dung văn bản là căn cứ để lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo quy định tại khoản 2 Điều 38 của Luật Đấu thầu số 23/2023/QH13];

Căn cứ Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch Đầu tư hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 03/2024/TT-BYT ngày 16 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành danh mục thuốc có ít nhất 03 hãng trong nước sản xuất trên dây chuyền sản xuất thuốc đáp ứng nguyên tắc, tiêu chuẩn EU-GMP hoặc tương đương EU-GMP và đáp ứng tiêu chí kỹ thuật theo quy định của Bộ Y tế và về chất lượng, giá, khả năng cung cấp;

Căn cứ Thông tư số 04/2024/TT-BYT ngày 20 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định danh mục mua sắm tập trung cấp quốc gia đối với thuốc;

Căn cứ Thông tư số __/2024/TT-BYT ngày __ tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định danh mục thuốc, vật tư y tế nghiệp, thiết bị y tế được áp dụng hình thức đàm phán giá và quy trình, thủ tục lựa chọn nhà thầu đối với các gói thuốc áp dụng hình thức đàm phán giá;

Căn cứ Thông tư số __/2024/TT-BYT ngày __ tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về đấu thầu thuốc tại cơ sở y tế công lập.

]

III. Phần công việc đã thực hiện⁽¹⁾

Bảng số 1

STT	Nội dung công việc hoặc tên gói thầu ⁽²⁾	Đơn vị thực hiện ⁽³⁾	Giá trị ⁽⁴⁾	Vấn bản phê duyệt ⁽⁵⁾
1				
2				
...				
Tổng giá trị (bù đắp chi phí và chi phí khác) của Bảng số 1				

Ghi chú:

(1) Phần công việc đã thực hiện bao gồm nội dung công việc liên quan đến chuẩn bị dự án, các gói thầu, công việc khác đã được thực hiện (gồm cả gói thầu đã được phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu nhưng chưa lựa chọn được nhà thầu, gói thầu đã lựa chọn nhà thầu nhưng chưa ký hợp đồng, gói thầu đã ký kết và đang thực hiện hợp đồng, gói thầu, nội dung mua sắm có giá không quá 50 triệu đồng đã thực hiện) với giá trị tương ứng và văn bản phê duyệt là căn cứ pháp lý để thực hiện.

(2) Ghi tên tất cả nội dung công việc hoặc tên các gói thầu đã thực hiện.

(3) Ghi cụ thể tên đơn vị thực hiện.

(4) Ghi giá trị của phần công việc, ghi cụ thể đồng tiền (ghi theo giá trị thanh lý, nghiệm thu hoặc giá hợp đồng, ... tùy theo giá trị nào gần nhất với thời điểm trình).

(5) Ghi tên văn bản phê duyệt (Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, Quyết định giao việc, ...).

IV. Phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu^{1b}

Bảng số 2

STT	Nội dung công việc ⁽¹⁾	Đơn vị thực hiện ⁽²⁾	Giá trị ⁽³⁾
1			
2			
...			
Tổng giá trị (có thể cộng cộng dồn trong cùng của bảng số 1)			

Ghi chú:

(1) Phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu bao gồm: hoạt động của ban quản lý dự án, tổ chức diễn bá giải phóng mặt bằng, trả lời vạ; các công việc do chủ đầu tư tự tiến hành bao gồm lập, thẩm định hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ để xuất, thẩm định kết quả sơ tuyển, kết quả mời quan tâm, kết quả lựa chọn nhà thầu; các công việc khác không áp dụng được các hình thức lựa chọn nhà thầu với giá trị tương ứng. Phần này bao gồm cả các gói thầu, nội dung mua sắm có giá không quá 50 triệu đồng dự kiến sẽ mua sắm theo quy trình quy định tại khoản 4 Điều 23 Luật Đấu thầu. Trường hợp gói thầu, nội dung mua sắm có giá không quá 50 triệu mà dự kiến hình thành gói thầu để tổ chức lựa chọn nhà thầu theo các hình thức: đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, chào hàng cạnh tranh, mua



năm trực tiếp, chỉ định thầu, tự thực hiện, tham gia của cộng đồng, lựa chọn nhà thầu theo trường hợp đặc biệt, chào giá trực tuyến, mua sắm trực tuyến thì các gói thầu này thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu nêu tại Mục V. Trường hợp chủ đầu tư chưa dự kiến được gói thầu, nội dung mua sắm có giá không quá 50 triệu đồng có thể phát sinh trong năm tài chính, năm ngân sách thì phần công việc này thuộc phần công việc chưa đủ điều kiện tập kế hoạch lựa chọn nhà thầu nêu tại Mục VI.

(2) Mô tả tóm tắt nội dung công việc và không bao gồm phần công việc đã kể tại Bảng 1.

(3) Ghi cụ thể tên đơn vị thực hiện (nếu có).

(4) Ghi giá trị của phần công việc; ghi cụ thể đồng tiền.

V. Phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu

1. Bảng tổng hợp phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu¹⁾:

Bảng số 3

STT	Tên gói thầu (a)	Ghi gói thầu (b)	Nguồn vốn ²⁾	Hình thức lựa chọn nhà thầu ³⁾	Phương thức lựa chọn nhà thầu ⁴⁾	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu ⁵⁾	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu ⁶⁾	Loại hợp đồng ⁷⁾	Thời gian thực hiện hợp đồng ⁸⁾	Tỷ trọng mua thêm ⁹⁾	Giám sát hoạt động đầu thầu ¹⁰⁾
1											
2											
...											
Tổng giá gói thầu											
(Ghi chi tiết trong nội dung chương trình của Bảng số 1)											

Ghi chú:

(1) Phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu phải ghi rõ số lượng gói thầu và nội dung của từng gói thầu. Đơn vị trình kế hoạch lựa chọn nhà thầu nêu rõ cơ sở của việc chia dự án, dự toán mua sắm thành các gói thầu tại Mục V.2 của từ trình này.

(2) Tên gói thầu, ghi gói thầu (bao gồm các gói thầu con):

+ Gói số ... – Gói thầu thuộc gói thầu/ghi tổng số danh mục thuộc gói thầu, trong đó ghi cụ thể số danh mục của từng nhóm, tổng giá kế hoạch của gói thầu, trong đó có ... danh mục thuộc có dạng bảo chế đặc biệt, tổng giá trị ... đã được Hội đồng Thẩm và Điều trị đơn vị để audit để đáp ứng nhu cầu điều trị đặc thù của đơn vị).



+ Gói số: Gói thầu thuốc Biệt dược gốc [ghi rõ số danh mục thuốc biệt dược gốc, sinh phẩm tham chiếu, tổng giá kế hoạch của gói thầu].

+ Gói số: Gói thầu thuốc được liệu, thuốc có kết hợp được chất với các dược liệu, thuốc cổ truyền [ghi rõ số danh mục thuốc được liệu, thuốc cổ truyền, trừ vị thuốc cổ truyền, trong đó ghi cụ thể số danh mục của từng nhóm, tổng giá kế hoạch của gói thầu].

+ Gói số: Gói thầu vị thuốc cổ truyền có dạng bào chế cao, cồn, bột, dịch chiết, tinh dầu, nhựa, gôm, thạch đã được tiêu chuẩn hóa [ghi rõ số danh mục được liệu, trong đó ghi cụ thể số danh mục của từng nhóm, tổng giá kế hoạch của gói thầu].

+ Gói số: gói thầu bán thành phẩm được liệu có dạng bào chế cao, cồn, bột, dịch chiết, tinh dầu, nhựa, gôm, thạch đã được tiêu chuẩn hóa [ghi rõ số danh mục vị thuốc cổ truyền, trong đó ghi cụ thể số danh mục của từng nhóm, tổng giá kế hoạch của gói thầu].

(Danh mục chi tiết các gói thầu tại Phụ lục kèm theo)

(3) Cơ sở y tế phải ghi rõ nguồn vốn theo quy định tại điểm khoản 3 Điều 39 Luật Đấu thầu và khoản 4 Điều 16 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

(4) Hình thức lựa chọn nhà thầu: hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 39 của Luật Đấu thầu; việc áp dụng từng hình thức lựa chọn nhà thầu thực hiện theo quy định tại Mục 1 Chương II và khoản 6 Điều 43 Luật Đấu thầu, Mục 2, Mục 3 Chương VII Nghị định số 24/2024/NĐ-CP và theo hướng dẫn tại Thông tư này, với theo từng phần của gói thầu;

Đối với gói thầu quy định tại điểm m khoản 1 Điều 23 Luật Đấu thầu, trường hợp để xuất áp dụng quy trình rút gọn thì ghi "chỉ định thầu rút gọn" vào Mục này; trường hợp để xuất áp dụng quy trình thông thường thì ghi "chỉ định thầu thông thường" vào Mục này.

Đối với chào giá trực tuyến, ghi rõ chào giá trực tuyến thông thường hoặc chào giá trực tuyến rút gọn theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 98 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP. Đối với lựa chọn nhà thầu tư vấn cá nhân, ghi rõ lựa chọn tư vấn cá nhân thông thường hoặc lựa chọn tư vấn cá nhân quy định rút gọn theo quy định tại khoản 2 Điều 71 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

(5) Phương thức lựa chọn nhà thầu thực hiện theo quy định tại Mục 1 Chương II của Luật Đấu thầu. Trong đó, phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ chỉ được áp dụng đối với đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế gói thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp đấu gói kỹ thuật cao theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ căn cứ quy định quy định tại khoản 1 Điều 31 Luật Đấu thầu; đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn.

Đối với gói thầu áp dụng hình thức chỉ định thầu theo quy trình rút gọn, đơn phân giá, tư thực hiện, tham gia thực hiện của cộng đồng thì không ghi nội dung này.

(6) Ghi tổng thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu (từ số ngày tốt nhất từ ngày phát hành hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đến khi có kết quả lựa chọn nhà thầu, bao gồm cả thời gian thẩm định). Trường hợp cần thiết, có thể ghi rõ thời gian đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất, thời gian thẩm định vào mục này.

Trường hợp gói thầu có lựa chọn danh sách ngân hàng thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu bao gồm cả thời gian lựa chọn danh sách ngân hàng tốt nhất từ ngày phát hành hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đến khi có kết quả lựa chọn danh sách ngân hàng (có thể ghi rõ thời gian đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ yêu cầu, thời gian thẩm định).

Đối với trường hợp xử lý thanh toán theo quy định tại khoản 4 Điều 131 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP và trường hợp hủy thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 17 của Luật Đấu thầu, không phải điều chỉnh thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

(7) Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 39 của Luật Đấu thầu.

(8) Loại hợp đồng thực hiện theo quy định tại Điều 64 của Luật Đấu thầu.

(9) Thời gian thực hiện gói thầu thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 39 của Luật Đấu thầu.

Thời gian thực hiện gói thầu vẫn phù hợp với tiến độ thực hiện dự án, dự toán mua sắm. Trường hợp gói thầu gồm nhiều phần riêng biệt thì quy định cụ thể thời gian thực hiện gói thầu cho từng phần.

Đối với mua sắm tập trung áp dụng thỏa thuận khung, thời gian thực hiện gói thầu cần có theo thỏa thuận khung.

(10) Tỷ chọn mua thêm theo thỏa thuận theo quy định tại khoản 6 Điều 39 của Luật Đấu thầu. Trường hợp áp dụng tỷ chọn mua thêm thì ghi rõ khối lượng, số lượng có thể mua bổ sung theo tỷ lệ phần trăm so với khối lượng hàng ứng của hợp đồng nhưng bảo đảm không vượt 50%; nên giá trị ước tính tương ứng. Trường hợp không áp dụng tỷ chọn mua thêm thì ghi "không áp dụng".

(11) Đối với gói thầu được đề xuất áp dụng giám sát, ghi rõ cá nhân, đơn vị được đề xuất thực hiện giám sát hoạt động đấu thầu kèm theo email, số điện thoại, địa chỉ liên hệ. Đối với gói thầu không đề xuất áp dụng giám sát hoạt động đấu thầu thì để trống nội dung này.

Đối với gói thầu có giá dưới 500 triệu đồng, chủ đầu tư để một người có thẩm quyền áp dụng hoặc không áp dụng việc chỉ cho phép nhà thầu sau được tham dự thầu: có từ 50% lao động trở lên là người không tập, thương binh, dân tộc thiểu số có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên và đến thời điểm đóng thầu vẫn còn hiệu lực theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP. Trường hợp người có thẩm quyền quyết định áp dụng mà không có nhà thầu tham dự hoặc không có nhà thầu đáp ứng yêu cầu thì tổ chức đấu thầu lại, nhà thầu không phải đáp ứng yêu cầu này. Việc áp dụng các hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp này cần có ghi chú (6).

2. Giải trình nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

Trong Mục này cần giải trình các nội dung tại Bảng số 3, cụ thể như sau:

a) Cơ sở phân chia các gói thầu: Thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số .../2024/TT-BYT ngày ... tháng 3 năm 2024 của Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập.

Lưu ý: Việc chia nhỏ các gói thầu để thực hiện chỉ định thầu không phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu.

b) Gói thầu:

c) Nguồn vốn:

d) Hình thức và phương thức lựa chọn nhà thầu: giải trình rõ lý do nếu không áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi;

đ) Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu;

e) Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu;

g) Loại hợp đồng;

h) Thời gian thực hiện gói thầu;

i) Nhu cầu sử dụng thuốc có dạng bào chế đặc biệt (giải trình chi tiết theo đề xuất của khoa/phòng có nhu cầu sử dụng thuốc để thuyết minh để Hội đồng Thuốc và Điều trị xem xét, thông qua).

k) Tỷ chọn mua thêm (nếu có);

l) Giám sát hoạt động đấu thầu (nếu có).

VI. Phần công việc chưa đã điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu (nếu có)

Trường hợp tại thời điểm lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu, dự án, dự toán mua sắm có những phần công việc chưa đã điều kiện để lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu thì cần nêu rõ nội dung và giá trị của phần công việc này tại Bảng số 4.

Bảng số 4

STT	Nội dung	Giá trị
1		
2		
3		
Tổng giá trị (bù chuẩn ứng với tổng tương ứng của Bảng số 3)		

VII. Tổng giá trị các phần công việc

Bảng số 5

STT	Nội dung	Giá trị
1	Tổng giá trị phần công việc đã thực hiện	
2	Tổng giá trị phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu	
3	Tổng giá trị phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu	
4	Tổng giá trị phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu (nếu có)	
Tổng giá trị các phần công việc		
Tổng dự toán mua sắm		[ghi giá trị]

VIII. Kiến nghị

Trên cơ sở những nội dung phân tích nêu trên, [đơn vị trình] đề nghị [người phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu] xem xét, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án, dự toán mua sắm: [ghi tên dự án, dự toán mua sắm].

Kính trình [người phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu] xem xét, quyết định./

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA ĐƠN VỊ TRÌNH
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Nơi nhận:

- Nhà trình;
- Đơn vị thẩm định;
- Lưu VT.

DANH MỤC TÀI LIỆU

(Kèm theo Từ trình phê duyệt kế hoạch lưu chọn nhỏ mẫu)

STT	Nội dung	Ghi chú
1	Tài liệu về tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị và cán bộ, công chức, viên chức, người lao động (nếu có)	Dẫn chứng
2	Văn bản pháp lý có liên quan	Dẫn chứng

III. Gốc số: Gốc phần thuốc được liệt kê, thuộc về truyền:

TT	Tên thành phần của thuốc	Nhóm TC/KT	Sở hữu, làm bằng (nếu có)	Phương dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kê hoạch (VNĐ)	Thành tiền
1	Cao đặc Axit clo				Viên				
		Nhóm 1					15.000	2.898	43.470.000
		Nhóm 2					20.000	2.400	48.000.000
		Nhóm 3							
2		...							
	Cộng								

IV. Gốc số: Gốc phần thuốc được liệt kê:

TT	Tên dược liệu	Nhóm TC/KT	Bộ phận dùng	Tên khoa học	Dạng sơ chế/ Phương pháp chế biến	Tên chuẩn chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kê hoạch (VNĐ)	Thành tiền
1	Ba kích thiên						Kg			
		Nhóm 1						100	1.500.000	150.000.000
		Nhóm 2								
		Nhóm 3						20	1.200.000	24.000.000
2		...								
	Cộng									

V. Gốc số,: Gốc phần vị thuốc về truyền:

TT	Tên vị thuốc	Nhóm TC/KT	Bộ phận dùng	Tên khoa học	Dạng sơ chế/ Phương pháp chế biến	Tên chuẩn chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kê hoạch (VNĐ)	Thành tiền
1	Ba kích thiên						Kg			

		Nhóm 1					100	2.000.000	200.000.000
		Nhóm 2							
		Nhóm 3					50	1.500.000	75.000.000
		...							
T		Cộng							

VI. Tổng hợp:

1. Gói số 1: Gói thuê:

(Tổng số danh mục thuộc như sau: generic, trong đó số tương với tổng có thể chia tổng nhóm, tổng gói kế hoạch của gói gốc).

2. Gói số 2: Gói thuê.....:

(Tổng số danh mục trong gói được xác định: gốc, tổng gói kế hoạch của gói thuê).

3.:

Tổng giá trị dự kiến của gói thuê tổng (Bảng chi đồng).

BÀI DIỆN HỢP PHÁP CỦA ĐƠN VỊ TRÌNH

(gửi kèm, chức danh, họ tên và đóng dấu)

II. Gói số, ...: Gói thuê bao tiếp được gốc:

T	Tên loại chức	Tên thuê	Năng độ, hàm lượng	Đường đồng, đăng bán chức	Số GPNK	Bon vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (VNĐ)	Dai giá đã trùng thừa (VNĐ) ⁽¹⁾	Cân cơ bản giá ⁽²⁾	
										Cơ sở kinh doanh được bán giá	Báo giá (VNĐ)
1	Alfredson	Xuân 88 Sng	5mg	---	---	Vườn	15.000	7.520	7.500- 7.530	---	993.280
2	Isoluxon	Vidopar- Tôngm x100ml	20mg Pail, 100ml	Tiền truyền, Đang dịch tiền	VN 18123- 14	Chai	1.000	993.250	---	Tiền DN Tiền DN Tiền DN	993.231 993.231 993.251
	Cộng	---									

III. Gói số, ...: Gói thuê bao được hiệu, thuộc cơ truyền:

T	Tên thành phần của thuộc	Nhóm TCNKT	Năng độ, hàm lượng (hiệu có)	Đường đồng, đăng bán chức	Bon vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (VNĐ)	Dai giá đã trùng thừa (VNĐ) ⁽¹⁾	Cân cơ bản giá ⁽²⁾		
									Cơ sở kinh doanh được báo giá	Tiền doanh	Báo giá (VNĐ)
1	Cục địa Acetis		long		Vườn						
		Màu 1				15.000	2.400	2.400-3.150			
		Màu 2				20.000	2.400		---	Tiền DN ---	2.100 2.245 2.450
		Màu 3							---	Tiền DN ---	
2		---	---								
	Cộng	---									

IV. Gói số: Gói thuê được liên:

T	Tên thuê liên	Nhóm TCKT	Bộ phận dùng	Tên khoa học	Dạng sơ đồ Phương pháp chế biến	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (VNĐ)	Đại giá đã trúng thầu (VNĐ) ¹⁰	Cân cứ báo giá 11		
										Cơ sở kinh doanh được báo giá	Tên thuê liên	Báo giá (VNĐ)
1	Ba kích tần					Kg						
		Nhóm 1					15.000	2.100	2.700-3.150			
		Nhóm 2					20.000	2.100		...Tên DN...	...	2.150
										...Tên DN...	...	2.245
		Nhóm 3								...Tên DN...	...	2.450
2	...											
	Cộng	...										

V. Gói số: Gói thuê vị thuộc cơ truyền:

T	Tên vị thuộc	Nhóm TCKT	Bộ phận dùng	Tên khoa học	Dạng sơ đồ Phương pháp chế biến	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (VNĐ)	Đại giá đã trúng thầu (VNĐ) ¹⁰	Cân cứ báo giá 11		
										Cơ sở kinh doanh được báo giá	Tên vị thuộc	Báo giá (VNĐ)
1	Ba kích tần					Kg						
		Nhóm 1					15.000	2.800	2.700-3.150			
		Nhóm 2					20.000	2.100		...Tên DN...	...	2.150
										...Tên DN...	...	2.245
										...Tên DN...	...	2.450

T	Tên vị thuộc	Nhiệm TƯK	Bộ phận đang dùng	Tên khóa học	Dạng sơ chế/ Phương pháp chế biến	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (VNĐ)	Đơn giá đã trình thẩm (VNĐ) ⁽¹⁾	Căn cứ báo giá ⁽²⁾		Giá trị (VNĐ)
										Cứ số kinh doanh được báo giá	Tên vị thuộc	Giá trị (VNĐ)
2	...	Nhiệm 3	...	...	...	...	...	...	...			
	Cộng	...	...	...	...	...	...	...	...			

Ghi chú:

(1) Giá trị đã: giá trị trong thẩm trong vòng (2) tháng trước công bố trên hệ thống trong dân chúng quốc gia. Ví dụ: 2.700.312.20

(VNĐ) triệu

(2) Giá trị trên một hàng của mã báo giá, giá chào

(3) Công cấp các báo giá báo theo /

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA ĐƠN VỊ TRÌNH

(Người ra, chức danh, lý do và đóng dấu)

✓

Phụ lục III
MẪU BÁO CÁO

Thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc

[ĐƠN VỊ THẨM ĐỊNH] CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: _____ ngày _____ tháng _____ năm _____

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH

Thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc: _____
[Ghi dự án, dự toán mua sắm]

Kính gửi: _____ [Người phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu]

Trên cơ sở tờ trình của _____ [đơn vị nhận] và việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu và các tài liệu liên quan được cung cấp, _____ [đơn vị thẩm định] đã tiến hành thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án, dự toán mua sắm _____ [ghi tên dự án, dự toán mua sắm] từ ngày _____ tháng _____ năm _____ [ngày nhận được đầy đủ hồ sơ trình duyệt] và báo cáo về kết quả thẩm định như sau:

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ THÔNG TIN CƠ BẢN

1. Căn cứ pháp lý

Căn cứ _____ [Luật Đấu thầu số 22/2023/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2023]

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ _____ [Ghi số, ngày ban hành và nội dung văn bản là căn cứ để lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo quy định tại khoản 2 Điều 38 của Luật Đấu thầu số 22/2023/QH13]

Căn cứ Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT ngày 16 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn việc cung cấp, đồng minh thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 01/2024/TT-BYT ngày 16 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành danh mục thuốc có ít nhất 03 hãng trong nước sản xuất trên dây chuyền sản xuất thuốc đáp ứng nguyên tắc, tiêu chuẩn EU-GMP hoặc tương đương EU-GMP và đáp ứng tiêu chí kỹ thuật theo quy định của Bộ Y tế và về chất lượng, giá, khả năng cung cấp;

¹ Trạng thái của các tài liệu theo quy định tại khoản 1 Điều 10 và khoản 2 Điều 41 của Luật Đấu thầu

Căn cứ Thông tư số 04/2024/TT-BYT ngày 20 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định danh mục mua sắm tập trung cấp quốc gia đối với thuốc;

Căn cứ Thông tư số ____/2024/TT-BYT ngày ____ tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định danh mục thuốc, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế được áp dụng hình thức đấu thầu phân giá và quy trình, thủ tục lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu áp dụng hình thức đấu thầu phân giá;

Căn cứ Thông tư số ____/2024/TT-BYT ngày ____ tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về đấu thầu thuốc tại cơ sở y tế công lập;

.../...

- Căn cứ ____/ văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ của tổ thẩm định, văn bản giao nhiệm vụ thẩm định/

2. Thông tin cơ bản

Phần này giới thiệu khái quát thông tin về dự án, dự toán mua sắm như sau:

- Chủ đầu tư;
- Giá trị dự án, dự toán mua sắm;
- Năm ngân sách, năm tài chính của dự án, dự toán mua sắm.

3. Tóm tắt nội dung văn bản trình duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

Đơn vị thẩm định tóm tắt các nội dung theo tờ trình của đơn vị trình, cụ thể như sau:

- a) Tổng giá trị phần công việc đã thực hiện ____ [ghi giá trị];
- b) Tổng giá trị phần công việc chưa thực hiện mà không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu: ____ [ghi giá trị];
- c) Tổng giá trị phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu: ____ [ghi giá trị];
- d) Tổng giá trị phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu (nếu có): ____ [ghi giá trị];
- e) Tổng giá trị các phần công việc: ____ [tổng tổng các giá trị tại điểm a, b, c và d ở mục này];
- e) Tổng dự án, dự toán mua sắm: ____ [ghi giá trị].

4. Tổ chức thẩm định:

a) Đơn vị thẩm định:

Đơn vị thẩm định là ____ [ghi rõ tên đơn vị, phòng, ban thực hiện thẩm định theo chức năng, nhiệm vụ được phân công hoặc tên đơn vị tư vấn đấu thầu được thuê theo hợp đồng].

b) Cách thức làm việc

Phẩm này nêu rõ cách thức làm việc của đơn vị thẩm định là theo nhóm hoặc độc lập trong quá trình thẩm định và cách thức thẩm định khi có một hoặc một số thành viên có ý kiến thẩm định khác biệt với đa số thành viên còn lại.

II. TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH

1. Căn cứ pháp lý để lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

a) Tổng hợp kết quả thẩm định về căn cứ pháp lý:

Kết quả thẩm định về căn cứ pháp lý của việc lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu được tổng hợp theo Bảng số 1 dưới đây:

Bảng số 1

STT	Nội dung kiểm tra	Kết quả thẩm định	
		Có	Không có
	(1)	(2)	(3)
1	Vấn bản pháp lý có liên quan		

Chú chú:

- Cột (1) ghi rõ tên, số, ngày, thẩm quyền ban hành và trích yếu của văn bản.

- Cột (2) đánh dấu "X" vào các ô tương ứng đối với từng văn bản tại cột (1) mà đơn vị thẩm định nhận được.

- Cột (3) đánh dấu "X" vào các ô tương ứng đối với từng văn bản tại cột (1) mà đơn vị thẩm định không nhận được (sau khi đã yêu cầu bổ sung tài liệu).

b) Ý kiến thẩm định về căn cứ pháp lý: ___[căn cứ vào tài liệu chủ đầu tư trình và kết quả thẩm định được tổng hợp tại Bảng số 1, đơn vị thẩm định đưa ra ý kiến nhận xét về cơ sở pháp lý của việc lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu và những lưu ý cần thiết (nếu có)].

2. Phân chia dự án thành các gói thầu:

[Đơn vị thẩm định kiểm tra và có ý kiến nhận xét về việc phân chia dự án, dự toán sơ bộ thành các gói thầu căn cứ theo tính chất kỹ thuật, trình tự thực hiện, tính đồng bộ của dự án và quy mô gói thầu hợp lý.]

3. Nội dung tờ trình phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

a) Phần công việc không thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

- Phần công việc đã thực hiện: ___[đơn vị thẩm định kiểm tra và có ý kiến về sự phù hợp giữa phần công việc đã thực hiện với kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã được phê duyệt trước đây].

- Phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu: ___[đơn vị thẩm định kiểm tra và có ý kiến đối với phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu].



- Phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu (nếu có):.../.../... (đơn vị thẩm định kiểm tra và có ý kiến đối với phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu).

b) Phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

Đơn vị thẩm định kiểm tra và có ý kiến về kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với các nội dung theo Bảng số 2 dưới đây:

Bảng số 2

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH NỘI DUNG KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU			
STT	Nội dung thẩm định	Kết quả thẩm định	
		Tuân thủ, phù hợp	Không tuân thủ hoặc không phù hợp
	(1)	(2)	(3)
1	Tên gói thầu		
2	Giá gói thầu		
3	Nguồn vốn		
4	Hình thức lựa chọn nhà thầu		
5	Phương thức lựa chọn nhà thầu		
6	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu		
7	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu		
8	Loại hợp đồng		
9	Thời gian thực hiện gói thầu		
10	Nhu cầu sử dụng thuốc rõ ràng hoặc chế đặc biệt		
11	Tùy chọn mua thêm		
12	Giám sát hoạt động đấu thầu		

Ghi chú:

- Cột số (2): đánh dấu "X" vào các ô tương ứng đối với từng nội dung tại cột số (1) nếu kết quả kiểm tra về nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu của đơn vị thẩm định là tuân thủ quy định của pháp luật về đấu thầu, pháp luật liên quan, phù hợp với yêu cầu của dự toán mua sắm.

- Cột số (3): đánh dấu "X" vào các ô tương ứng đối với từng nội dung tại cột số (1) nếu kết quả kiểm tra về nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu của đơn vị

thẩm định là không tuân thủ quy định của pháp luật về đấu thầu và pháp luật có liên quan hoặc không phù hợp với yêu cầu của dự toán mua sắm. Đối với trường hợp này phải nêu rõ lý do không tuân thủ hoặc có nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu và pháp luật liên quan hoặc không phù hợp với dự toán mua sắm kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã được phê duyệt, tính chất, yêu cầu của gói thầu.

- Ý kiến thẩm định về nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu: ____/căn cứ tài liệu do kế chức có trách nhiệm trình duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu và kết quả thẩm định được tổng hợp tại Bảng số 2, đơn vị thẩm định đưa ra những ý kiến thẩm định về nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu căn cứ vào quy định của pháp luật về đấu thầu, pháp luật liên quan, yêu cầu của dự toán mua sắm và những lưu ý cần thiết khác (nếu có).

Đối với nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu được đánh giá là không tuân thủ hoặc không phù hợp hoặc có nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện sẽ được thuyết minh tại phần này lý do và cách thức cần thực hiện để bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật về đấu thầu. Những nội dung không tuân thủ hoặc không phù hợp cần được nêu cụ thể.

c) Ý kiến thẩm định về tổng giá trị của các phần công việc: ____/kiểm tra tổng giá trị của phần công việc đã thực hiện, phần công việc chưa thực hiện mà không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu, phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu, phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu (nếu có) và giá trị các gói thầu đã được phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu mà chưa ký hợp đồng không được vượt dự toán mua sắm nếu những nội dung cần chỉnh sửa cho phù hợp.

d) Thông tin chi tiết gói thầu

STT	Tên gói thầu	Tổng số danh mục		Tổng số tiền (VND)		Chênh lệch	Ghi chú
		Đề xuất	Thẩm định	Đề xuất	Thẩm định		
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Gói số 1: Gói thầu thuốc generic						
	Nhóm 1						
	Nhóm 2						
	Nhóm 3						
	Nhóm 4						
	Nhóm 5						
2	Gói số 2: Gói thầu thuốc biệt dược gốc						

STT	Tên gói thầu	Tổng số danh mục		Tổng số tiền (VND)		Chênh lệch	Ghi chú
		Đề xuất	Thẩm định	Đề xuất	Thẩm định		
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3	Gói số 3: Gói thầu thuốc được liệt, thuốc cổ truyền						
	Nhóm 1						
	Nhóm 2						
	Nhóm 3						
4	Gói số 4: Gói thầu được liệt						
	Nhóm 1						
	Nhóm 2						
	Nhóm 3						
5	Gói số 5: Gói thầu vj thuốc cổ truyền						
	Nhóm 1						
	Nhóm 2						
	Nhóm 3						
	Tổng số:						

Ghi chú:

- Cột (7): Ghi toàn tất nguyên nhân chính phần chênh lệch tổng, gồm:
- Chi tiết các gói thầu được thông qua theo phụ lục đính kèm.

1Phần chi tiết các gói thầu yêu cầu điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung

STT	Tên gói thầu	Tổng số danh mục	Tổng số tiền (VND)	Ghi chú
	(1)	(2)	(3)	(4)
1	Gói số 1: Gói thầu thuốc generic			
	Nhóm 1			
	Nhóm 2			
	Nhóm 3			



STT	Tên gói thầu	Tổng số danh mục	Tổng số tiền (VND)	Ghi chú
	(1)	(2)	(3)	(4)
	Nhóm 4			
	Nhóm 5			
2	Gói số 1: Gói thầu thuốc bột được gốc			
3	Gói số 3: Gói thầu thuốc được liệu, thuốc cổ truyền			
	Nhóm 1			
	Nhóm 2			
	Nhóm 3			
4	Gói số 4: Gói thầu được liệu			
	Nhóm 1			
	Nhóm 2			
	Nhóm 3			
5	Gói số 5: Gói thầu v) thuốc cổ truyền			
	Nhóm 1			
	Nhóm 2			
	Nhóm 3			
	Tổng số:			

Chi tiết các gói thầu được thống qua theo phụ lục đính kèm.

III. NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ

1. Nhận xét về nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu

Trên cơ sở tổng hợp kết quả thẩm định theo từng nội dung nêu trên, Ban vị thẩm định đưa ra nhận xét chung về kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Trong phần này cần đưa ra ý kiến thống nhất hay không thống nhất với đề nghị của chủ đầu tư về kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Trường hợp không thống nhất phải đưa ra lý do cụ thể.

Phần này nêu rõ ý kiến báo lưu của thành viên thẩm định trong quá trình thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu.



Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, đơn vị thẩm định có ý kiến đối với việc người có thẩm quyền cá nhân, đơn vị thực hiện giám sát hoạt động đấu thầu.

2. Kiến nghị

a) Trường hợp nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu, pháp luật liên quan và đáp ứng yêu cầu thì đơn vị thẩm định đề nghị người có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo nội dung dưới đây:

Trên cơ sở tờ trình của ____ [chủ đầu tư] về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu và kết quả thẩm định, phân tích như trên, ____ [đơn vị thẩm định] đề nghị ____ [người có thẩm quyền]:

- Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu ____ [ghi tên dự toán].
- Cá nhân, đơn vị thực hiện giám sát hoạt động đấu thầu đối với gói thầu: ____ [ghi tên gói thầu] trong nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu để bảo đảm việc thực hiện tuân thủ quy định của pháp luật về đấu thầu (nếu có).

b) Trường hợp đơn vị thẩm định không thống nhất với đề nghị của đơn vị trình thì cần đề xuất hiệu pháp giải quyết để trình người có thẩm quyền xem xét, quyết định.

[ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA ĐƠN VỊ THẨM ĐỊNH]

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

Nơi nhận:

- Nơi gửi;
- Đơn vị trình;
- Lưu VT.

DANH MỤC TÀI LIỆU

(Kèm theo Báo cáo thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu)

STT	Nội dung	Ghi chú
1	Văn bản trình kế hoạch lựa chọn nhà thầu	Bản chính/Bản chụp
2	Văn bản của đơn vị thẩm định đề nghị đơn vị trình kế hoạch lựa chọn nhà thầu bổ sung tài liệu, giải trình (nếu có)	Bản chính/Bản chụp
3	Văn bản giải trình, bổ sung tài liệu của đơn vị trình kế hoạch lựa chọn nhà thầu (nếu có)	Bản chính/Bản chụp
4	Ý kiến của các cơ quan liên quan (nếu có)	Bản chính/Bản chụp
5	Biên bản họp thẩm định của đơn vị thẩm định (nếu có)	Bản chính/Bản chụp
6	Ý kiến bảo lưu của cá nhân thuộc đơn vị thẩm định (nếu có)	Bản chính/Bản chụp
7	Danh sách các thành viên tham gia đơn vị thẩm định và phân công công việc giữa các thành viên (nếu có); Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu ⁽¹⁾ ; Chứng chỉ liên quan khác (nếu có).	Bản chính/bản chụp
8	Các tài liệu có liên quan khác.	

Ghi chú:

(1) Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu, trừ trường hợp thành viên không phải có chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu theo quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 19 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.



PHỤ LỤC IV

(Ban hành kèm theo Thông tư số 07/2024/TT-BYT ngày 17 tháng 5 năm 2024 của Bộ
Y tế)

**MẪU HỒ SƠ MỜI TRAU MUA DƯỢC LIỆU, VỊ THUỐC CỎ TRUYỀN QUA
MẠNG ÁP DỤNG PHƯƠNG THỨC MỘT GIAI ĐOẠN MỘT TÚI HỒ SƠ**

HỒ SƠ MỜI THẦU

Số hiệu gói thầu và số thông báo mời thầu (trên Hệ thống):

Tên gói thầu (theo nội dung thông báo mời thầu trên Hệ thống):

Dự án/Dự toán mua sắm (theo nội dung thông báo mời thầu trên Hệ thống):

Phát hành ngày (theo nội dung thông báo mời thầu trên Hệ thống):

Ban hành kèm theo Quyết định (theo nội dung thông báo mời thầu trên Hệ thống):

MỤC LỤC

HỒ SƠ MỜI THẦU

MÔ TẢ TÓM TẮT

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

Phần 1. THỦ TỤC ĐẦU THẦU

Chương I. Chỉ dẫn sơ khởi

Chương II. Bảng dự liên danh thầu

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu

Chương IV. Biện pháp mời thầu và cơ chế

Phần 2. YÊU CẦU VỀ PHẠM VI CUNG CẤP

Chương V. Phạm vi cung cấp

Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng

Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng

Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng

Phần 4. PHỤ LỤC

MÔ TẢ TÓM TẮT

Phần 1. THỦ TỤC ĐẦU THẦU

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

- Chương này cung cấp thông tin nhằm giúp nhà thầu chuẩn bị hồ sơ dự thầu và thực hiện theo Chương này. Thông tin bao gồm các quy định về việc chuẩn bị, nộp hồ sơ dự thầu, mở thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu và trao hợp đồng.

- Chương này được cô đọng theo định dạng tệp tin PDF và đăng tải trên Hệ thống.

Chương II. Bảng dữ liệu đầu thầu

- Chương này quy định cụ thể các nội dung của Chương I khi áp dụng đối với từng gói thầu và thực hiện theo Chương này.

- Chương này được số hóa dưới dạng các biểu mẫu trên Hệ thống (webform). Bên mời thầu nhập các nội dung thông tin vào BDL trên Hệ thống.

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu

Chương này bao gồm các tiêu chí để đánh giá hồ sơ dự thầu và đánh giá về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu.

Chương IV. Biểu mẫu dự thầu

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà Bên mời thầu và nhà thầu sẽ phải hoàn chỉnh để thành một phần nội dung của hồ sơ mời thầu và hồ sơ dự thầu.

Phần 2. YÊU CẦU VỀ PHẠM VI CUNG CẤP

Chương V. Phạm vi cung cấp

Chương này bao gồm phạm vi, tần độ cung cấp được liệt, vị thuốc cổ truyền, yêu cầu về tiêu chuẩn kỹ thuật của được liệt, vị thuốc cổ truyền, các nội dung về kiểm tra và kiểm nghiệm được liệt, vị thuốc cổ truyền.

Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng

Chương này gồm điều khoản chung được áp dụng cho tất cả các hợp đồng của các gói thầu khác nhau. Chỉ được sử dụng mà không được sửa đổi các quy định tại Chương này.

Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng

Chương này bao gồm dữ liệu hợp đồng và Điều kiện cụ thể, trong đó có điều khoản cụ thể cho mỗi hợp đồng. Điều kiện cụ thể của hợp đồng nhằm chi tiết hóa, bổ sung nhưng không được thay thế Điều kiện chung của Hợp đồng.

Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng

Chương này gồm các biểu mẫu mà sau khi được hoàn chỉnh sẽ trở thành một bộ phận của thành của hợp đồng. Các mẫu biểu liên quan thực hiện hợp đồng (Thu bảo lãnh) và Bảo lãnh tiền tạm ứng (nếu có yêu cầu về tạm ứng) do nhà thầu trình bày hoàn chỉnh trước khi hợp đồng có hiệu lực.

Phần 4. PHỤ LỤC

Bảng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

CĐNT	Chỉ dẫn nhà thầu
BĐL	Bảng dữ liệu đầu thầu
E - HSMT	Hồ sơ mời thầu của mạng
E - HSDT	Hồ sơ dự thầu của mạng
ĐKC	Điều kiện chung của hợp đồng
ĐKCT	Điều kiện cụ thể của hợp đồng
VND	Đồng Việt Nam
THMT	Thông báo mời thầu

Phần 1. THỰC TỤC ĐẦU THẦU **Chương 1. CHỈ DẪN NHÀ THẦU**

1. Phạm vi gói thầu	1.1. Chỉ dẫn quy định tại BDL phát hành hệ E - HSMT này để lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu mua sắm được liệt kê, vì thuộc cổ truyền thực hiện hợp đồng mua sắm trong Phần 2 - Yêu cầu về phạm vi cung cấp theo phương thức một gói đơn một tài sản. 1.2. Tên gói thầu; dự án dự toán mua sắm số lượng, số hiệu các phần (quy định gói thầu của thành phần độc lập) thuộc gói thầu quy định tại BDL. Trường hợp gói thầu mua được liệt kê, vì thuộc cổ truyền cổ truyền một hàng, mỗi một hàng được liệt kê, vì thuộc cổ truyền thuộc gói thầu vì thuộc cổ truyền, được liệt kê (theo quy định tại Điều 10 và Điều 11 Thông tư này) được coi là một phần độc lập của gói thầu. 1.3. Thời gian hiệu lực thỏa thuận không đổi với đầu thầu tập trung và thời gian thực hiện hợp đồng quy định tại BDL. 1.4. Thời điểm đóng thầu là thời điểm kết hạn nhận E-HSMT và được quy định trong E-TBMT trên Hệ thống. 1.5. Ngày là ngày theo dương lịch, bao gồm cả ngày nghỉ cuối tuần, nghỉ lễ, nghỉ Tết theo quy định của pháp luật về lao động. 1.6. Thời gian và ngày tháng trên Hệ thống là thời gian và ngày tháng được hiển thị trên Hệ thống (GMT+7).
2. Nguồn vốn	Nguồn vốn để sử dụng cho gói thầu được quy định tại BDL.
3. Hình thức tổ chức	3.1. Đơn, nhận, mỗi gói thầu. 3.2. Lợi dụng chức vụ quyền hạn để can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động đấu thầu dưới mọi hình thức. 3.3. Thông thầu, bao gồm các hành vi sau đây: a) Diễn xướng, thỏa thuận, ép buộc để một hoặc các bên chuẩn bị E - HSMT hoặc rút E - HSMT để một bên trúng thầu; b) Diễn xướng, thỏa thuận để từ chối cung cấp được liệt kê, vì thuộc cổ truyền, không ký hợp đồng thầu phụ hoặc thực hiện các hành vi thỏa thuận khác nhằm hạn chế cạnh tranh để một bên trúng thầu; c) Nhà thầu có năng lực, kinh nghiệm đã tham dự thầu và đáp ứng yêu cầu của E - HSMT nhưng cố ý không cung cấp tin tức để chứng minh năng lực, kinh nghiệm khi được bên mời thầu yêu cầu làm rõ E - HSMT hoặc khi được yêu cầu đối chiếu tài liệu nhằm tạo điều kiện để một bên trúng thầu. 3.4. Gian lận, bao gồm các hành vi sau đây: a) Làm giả hoặc làm sai lệch thông tin, hồ sơ, tài liệu trong đầu thầu; b) Cố ý cung cấp thông tin, tài liệu không trung thực, không khách quan trong E - HSMT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu. 3.5. Can thiệp, bao gồm các hành vi sau đây:

a) Hủy hoại, làm dối, thay đổi, che giấu chứng cứ hoặc báo cáo sai sự thật; đe dọa, quấy rối hoặc gợi ý đối với bất kỳ bên nào tham gia chọn việc làm rõ hành vi phạm, nhận, miễn giảm hối lộ, gian lận hoặc thông đồng đối với cơ quan có chức năng, thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán;

b) Cản trở người có thẩm quyền, chủ đầu tư, bên mời thầu, nhà thầu trong lựa chọn nhà thầu;

c) Cản trở cơ quan có thẩm quyền giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán đối với hoạt động đấu thầu;

d) Cố tình khiến rạn, vỡ rêu, kiện nghị sai sự thật để cản trở hoạt động đấu thầu;

đ) Cố hành vi vi phạm pháp luật về an toàn, an ninh mạng nhằm can thiệp, cản trở việc đấu thầu qua mạng.

3.6. Không hạn đàm công bằng, minh bạch, bao gồm các hành vi sau đây:

a) Tham dự thầu với tư cách là nhà thầu đối với gói thầu do mình làm Bên mời thầu, Chủ đầu tư hoặc thực hiện các nhiệm vụ của Bên mời thầu, Chủ đầu tư không đúng quy định của Luật Đấu thầu;

b) Tham gia lậ, đồng thời tham gia thẩm định E - HSMT đối với cùng một gói thầu;

c) Tham gia đánh giá E - HSMT đồng thời tham gia thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu đối với cùng một gói thầu;

d) Là cá nhân thuộc Bên mời thầu, Chủ đầu tư nhưng trực tiếp tham gia quá trình lựa chọn nhà thầu hoặc tham gia tổ chuyên gia, tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc là người có thẩm quyền, người đứng đầu Chủ đầu tư, Bên mời thầu đối với các gói thầu do người có quan hệ gia đình theo quy định của Luật Doanh nghiệp đồng tên dự thầu hoặc là người đại diện theo pháp luật của nhà thầu tham dự thầu;

đ) Nhà thầu tham dự thầu gói thầu cùng cấp được lựa, vi thuộc có truyền do nhà thầu do cùng cấp dịch vụ tư vấn lậ, thẩm định hồ sơ mời thầu; đánh giá hồ sơ dự thầu; kiểm định hàng hóa; thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu; giám sát thực hiện hợp đồng;

ch) Đăng vấn tham dự thầu gói thầu thuộc dự án do Chủ đầu tư, Bên mời thầu là cơ quan, tổ chức nơi mình đã công tác và giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong thời hạn 12 tháng, kể từ khi không còn làm việc tại cơ quan, tổ chức đó;

g) Nếu yêu cầu cơ thể về nhân lực, xuất xứ được lựa, vi thuộc có truyền trong E - HSMT, từ trường hợp quy định tại điểm e khoản 3 Điều 10, khoản 2 Điều 44 và khoản 1 Điều 56 của Luật Đấu thầu;

h) Nếu điều kiện trong E - HSMT nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng, vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 44 và khoản 2 Điều 48 của Luật Đấu thầu.

	1.7. Tiết lộ, nộp nhũn những tài liệu, thông tin về quá trình lựa chọn nhà thầu, trừ trường hợp cung cấp thông tin theo quy định tại điểm b khoản 8 và điểm g khoản 9 Điều 77, khoản 11 Điều 78, điểm a khoản 1 Điều 79, khoản 4 Điều 80, khoản 4 Điều 81, khoản 2 Điều 82, điểm b khoản 4 Điều 93 của Luật Đấu thầu, bao gồm: a) Nội dung E - HSMT trước thời điểm phát hành theo quy định; b) Nội dung E - HSDT; nội dung yêu cầu làm rõ E - HSDT của bên mời thầu và trả lời của nhà thầu trong quá trình đánh giá E - HSDT; báo cáo của bên mời thầu, báo cáo của tổ chuyên gia, báo cáo thẩm định, báo cáo của nhà thầu tư vấn, báo cáo của cơ quan chuyên môn có liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu; tài liệu ghi chép, biên bản cuộc họp xét thầu, các ý kiến nhận xét, đánh giá đối với từng E - HSDT trước khi được công khai theo quy định; c) Kết quả lựa chọn nhà thầu trước khi được công khai theo quy định; d) Các tài liệu khác trong quá trình lựa chọn nhà thầu được xác định chứa nội dung bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật. 1.8. Chuyển nhượng thầu, bao gồm các hành vi: a) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu ngoài giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ và khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ đặc biệt đã nêu trong hợp đồng; b) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu chưa vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng nhưng ngoài phạm vi công việc dành cho nhà thầu phụ để để xuất trong E - HSDT mà không được chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận; c) Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc quy định tại điểm a khoản này; d) Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc quy định tại điểm b khoản này mà vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng.
A. Tư cách hợp lệ của nhà thầu	4.1. Nhà thầu là tổ chức đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: a) Hoạt toán tài chính độc lập; b) Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản; c) Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định tại BID; d) Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của Luật Đấu thầu; e) Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; g) Không trong trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống;

	g) Có giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh được do cơ quan có thẩm quyền cấp với phạm vi kinh doanh là sản xuất dược liệu, vị thuốc cổ truyền hoặc bào chế được liệu, vị thuốc cổ truyền. 4.2. Nhà thầu là hộ kinh doanh đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: a) Có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật; b) Không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; chỉ hộ kinh doanh không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; c) Đáp ứng điều kiện quy định tại điểm c, d và điểm e Mục 4.1 CDNT; d) Có giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh được do cơ quan có thẩm quyền cấp với phạm vi kinh doanh là sản xuất dược liệu, vị thuốc cổ truyền hoặc bào chế được liệu, vị thuốc cổ truyền. 4.3. Việc áp dụng mua hàng, hóa từ nhà thầu có từ 50% lao động trở lên là người khuyết tật, thương binh, dân tộc thiểu số có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên và đến thời điểm đăng thầu vẫn hợp đồng vẫn còn hiệu lực được tham dự thầu quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP thực hiện theo BDL.
5. Tình hợp lệ của dược liệu, vị thuốc cổ truyền	5.1. Dược liệu, vị thuốc cổ truyền dự thầu được coi là phù hợp khi đáp ứng các điều kiện sau đây: 5.1.1. Phải có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng theo quy định tại mục 13.5 của chương này. 5.1.2. Bảo đảm về chất lượng: a) Nhà thầu bảo đảm các tiêu chuẩn chất lượng của dược liệu, vị thuốc cổ truyền theo yêu cầu quy định tại Thông tư số 38/2021/TT-BYT. b) Dược liệu tham dự thầu không bị thu hồi theo Điều 62 Luật Dược số 105/2016/QH13; c) Dược liệu tự chế, vị thuốc cổ truyền được sản xuất tại cơ sở đạt "Thực hành tốt sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc" (GACP) có phạm vi sản xuất dược liệu và/hoặc vị thuốc cổ truyền hoặc được cấp giấy chứng nhận đạt GACP hoặc tương đương và đảm bảo chất lượng theo quy định tại Thông tư số 38/2021/TT-BYT. d) Dược liệu, vị thuốc cổ truyền tham dự thầu không có thông báo thu hồi theo quy định tại Thông tư số 38/2021/TT-BYT ngày 31/12/2021; đ) Vị thuốc cổ truyền tham dự thầu không bị thu hồi giấy đăng ký lưu hành theo quy định tại khoản 1 Điều 58 Luật dược số 105/2016/QH13 ngày 06/4/2016; e) Trường hợp một hoặc một số lô dược liệu, vị thuốc cổ truyền bị thu hồi thì các lô dược liệu, vị thuốc cổ truyền không bị thu hồi vẫn được phép lưu hành hợp pháp và chỉ bị trừ điểm dock với nêu chi kỹ thuật tại mục 2 và mục 3 Phụ lục 4 - Bảng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật của Thông tư này.

	5.2. Dược liệu, vị thuốc có truyền dự thầu vào gói thầu, nhằm tiêu chí kỹ thuật phù hợp theo quy định tại E - HSMT. 5.3. Để chứng minh tính hợp lệ của dược liệu, vị thuốc có truyền dự thầu quy định tại Mục 5.1 CDNT, nhà thầu cần nêu rõ thông tin sau: 5.3.1. Đối với dược liệu: số giấy đăng ký lưu hành hoặc số công bố của chuẩn chất lượng hoặc được chiết các nước hoặc số giấy chứng nhận dược liệu đạt GACP, hoặc số giấy phép nhập khẩu dược liệu và các tài liệu kèm theo để minh chứng tính hợp lệ của dược liệu quy định tại BDL. 5.3.2. Đối với vị thuốc có truyền: số giấy đăng ký lưu hành hoặc số giấy phép nhập khẩu và các tài liệu kèm theo để minh chứng tính hợp lệ của vị thuốc có truyền quy định tại BDL. 5.4. Tài liệu chứng minh tính hợp lệ của dược liệu, vị thuốc có truyền dự thầu được phép làm rõ quy định tại Mục 23 CDNT.
6. Nội dung của E - HSMT	6.1. E - HSMT gồm có các Phần 1, 2, 3, Phần 3A (hoặc Phần 3B), 4 và cùng với tài liệu sửa đổi, làm rõ E - HSMT theo quy định tại Mục 7 và 8 CDNT (nếu có), trong đó cụ thể bao gồm các nội dung sau đây: Phần 1. Thủ tục dẫn thầu: - Chương I. Chi đạo nhà thầu; - Chương II. Bảng dữ liệu đầu thầu; - Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E - HSMT; - Chương IV. Biểu mẫu dự thầu. Phần 2. Yêu cầu về phạm vi cung cấp: - Chương V. Phạm vi cung cấp. Phần 3. Điều kiện hợp đồng và Biểu mẫu hợp đồng: - Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng; - Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng; Phần 3B. Thỏa thuận khung (Áp dụng trường hợp mua sắm tập trung sử dụng thỏa thuận khung) - Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng. Phần 4. Phụ lục 6.2. Chủ đầu tư sẽ không chịu trách nhiệm về tính chính xác, hoàn chỉnh của E - HSMT, tài liệu giải thích làm rõ E - HSMT hay các tài liệu sửa đổi E - HSMT theo quy định tại Mục 7 và 8 CDNT nếu các tài liệu này không được cung cấp bởi Chủ đầu tư. E - HSMT do Chủ đầu tư phát hành trên Hệ thống sẽ là cơ sở để xem xét, đánh giá. 6.3. Nhà thầu phải nghiên cứu mọi thông tin của TBMT, E - HSMT, bao gồm các nội dung sửa đổi, làm rõ E - HSMT, biên bản hội nghị công bố thầu (nếu có) để chuẩn bị E - HSMT theo yêu cầu của E - HSMT cho phù hợp.
7. Sửa đổi E - HSMT	7.1. Trường hợp sửa đổi E - HSMT thì bên mời thầu đăng tải quyết định sửa đổi kèm theo các nội dung sửa đổi và E - HSMT đã được sửa đổi cho phù hợp (wordlorn và file đính kèm). Việc sửa đổi E - HSMT được

	thực hiện trong thời gian tối thiểu là 10 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu; đối với gói thầu có giá gói thầu không quá 10 tỷ đồng, việc sửa đổi E - HSMT được thực hiện trong thời gian tối thiểu là 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu và báo đảm đủ thời gian để nhà thầu hoặc chính E - HSDT, trường hợp không báo đảm đủ thời gian như nêu trên thì phải gửi báo thời điểm đóng thầu. 7.2. Nhà thầu chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để cập nhật thông tin về việc sửa đổi E - HSMT, thay đổi thời điểm đóng thầu (nếu có) để làm cơ sở chuẩn bị E - HSDT.
8. Làm rõ E - HSMT	8.1. Trường hợp cần làm rõ E - HSMT, nhà thầu phải gửi đề nghị làm rõ đến Bên mời thầu thông qua Hệ thống trong khoảng thời gian tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu để xem xét, xử lý. Bên mời thầu tiếp nhận nội dung làm rõ để xem xét, làm rõ theo đề nghị của nhà thầu và thực hiện làm rõ trên Hệ thống nhưng không muộn hơn 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu, trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà thầu đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi E - HSMT thì Chủ đầu tư nên hành sửa đổi E - HSMT theo quy định tại Mục 7.1 CDNT. 8.2. Bên mời thầu chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để kịp thời làm rõ E - HSMT theo đề nghị của nhà thầu. 8.3. Trường hợp cần thiết, Chủ đầu tư tổ chức hội nghị tiền đấu thầu để trao đổi về những nội dung trong E - HSMT mà các nhà thầu chưa rõ theo quy định tại BDL. Bên mời thầu đăng tải giấy mời tham dự hội nghị tiền đấu thầu trên Hệ thống. Nội dung trao đổi giữa Chủ đầu tư và nhà thầu phải được gửi lại đánh biên bản và lập thành văn bản làm rõ E - HSMT đăng tải trên Hệ thống trong thời gian tối đa 02 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc hội nghị tiền đấu thầu. 8.4. Trường hợp E - HSMT cần phải sửa đổi sau khi tổ chức hội nghị tiền đấu thầu, Chủ đầu tư thực hiện việc sửa đổi E - HSMT theo quy định tại Mục 7.1 CDNT. Biên bản hội nghị tiền đấu thầu không phải là văn bản sửa đổi E - HSMT. Việc nhà thầu không tham dự hội nghị tiền đấu thầu hoặc không có giấy xác nhận để tham dự hội nghị tiền đấu thầu không phải là lý do để loại bỏ E - HSDT của nhà thầu.
9. Chi phí dự thầu	E - HSMT được phát hành miễn phí trên Hệ thống ngay sau khi Bên mời thầu đăng tải thành công TBMT trên Hệ thống. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến việc chuẩn bị và nộp E - HSDT theo quy định tại BDL. Trong mọi trường hợp, Chủ đầu tư sẽ không phải chịu trách nhiệm về các chi phí liên quan đến việc tham dự thầu của nhà thầu.
10. Ngôn ngữ của E - HSDT	E - HSDT cũng như tất cả văn bản và tài liệu liên quan đến E - HSDT được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong E - HSDT có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thỏa thuận khác, nếu cần thiết, Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung.

11. Thành phần của E - HSDT	E - HSDT phải bao gồm các thành phần sau: 11.1. Đơn dự thầu theo quy định tại Mục 12 CDNT và Mẫu số 01 Chương IV - Biểu mẫu dự thầu; 11.2. Thỏa thuận liên danh theo Mẫu số 03 Chương IV - Biểu mẫu dự thầu (đối với trường hợp nhà thầu liên danh); 11.3. Bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18 CDNT; 11.4. Tài liệu chứng minh sự cách hợp lệ của nhà thầu theo quy định tại Mục 4 CDNT; 11.5. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu theo quy định tại Mục 16 CDNT; 11.6. Đề xuất về kỹ thuật và các tài liệu chứng minh sự phù hợp của được liệu, vị thuộc cơ truyền theo quy định tại Mục 15 CDNT; 11.7. Đề xuất về giá và các bằng biểu được ghi đầy đủ thông tin theo quy định tại Mục 12 và Mục 13 CDNT; 11.8. Các nội dung khác theo quy định tại BDL.
12. Đơn dự thầu và các bằng biểu	Nhà thầu điền đầy đủ thông tin về đơn dự thầu, thỏa thuận liên danh (nếu có), bằng giá dự thầu, cần độ cung cấp vào các Mẫu ở Chương IV - Biểu mẫu dự thầu. Nhà thầu kiểm tra thông tin được Hệ thống trích xuất để hoàn thành E - HSDT. Đối với các bằng biểu còn lại, nhà thầu lập trong ứng theo các mẫu quy định tại Chương IV - Biểu mẫu dự thầu và đính kèm trong E - HSDT.
13. Giá dự thầu và giám giá	Đối với gói thầu mua sắm không phải là mua sắm tập trung mà việc lựa chọn nhà thầu của cơ theo khả năng cung cấp, Hệ thống trích xuất như sau: 13.1. Gói dự thầu ghi trong đơn và trong bằng giá cùng với các khoản giám giá phải đáp ứng các quy định trong Mục này: a) Gói dự thầu là giá do nhà thầu chào trong đơn dự thầu (chưa bao gồm giám giá), bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện gói thầu. Hệ thống sẽ tự động trích xuất giá dự thầu từ Mẫu số 05 Chương IV vào đơn dự thầu. b) Tất cả các phần (đối với gói thầu chia thành nhiều phần) và các hạng mục phải được chia giá riêng trong bằng giá dự thầu. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giám giá thì có thể thực hiện theo một trong hai cách sau: - Cách thứ nhất: ghi giá trị tỷ lệ phần trăm giám giá vào đơn dự thầu (trong trường hợp này được coi là nhà thầu giám giá đều theo tỷ lệ cho tất cả phần mà nhà thầu tham dự). - Cách thứ hai: ghi tỷ lệ phần trăm giám giá cho từng phần vào worksheet trên Hệ thống. c) Đối với gói thầu không chia phần, trường hợp nhà thầu có đề xuất giám giá thì ghi giá trị tỷ lệ phần trăm giám giá vào đơn dự thầu. Giá trị giám giá này được hiểu là giám đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục trong các bằng giá dự thầu.

đ) Nhà thầu nộp E - HSDT cho toàn bộ công việc yêu cầu trong E - HSMT và ghi đơn giá dự thầu cho từng một hàng được liệt, v. thuộc có truyền theo Mẫu số 05 Chương IV.

13.2. Trường hợp gói thầu được chia thành nhiều phần độc lập và cho phép dự thầu theo từng phần như quy định tại BDL thì nhà thầu có thể dự thầu một hoặc nhiều phần của gói thầu. Nhà thầu phải dự thầu đầy đủ các hạng mục trong phần mà mình tham dự. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì thực hiện theo một trong hai cách sau đây:

a) Cách thứ nhất: ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá vào đơn dự thầu (trong trường hợp này được coi là nhà thầu giảm giá đều theo tỷ lệ cho tất cả phần mà nhà thầu tham dự).

b) Cách thứ hai: ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá cho từng phần vào webform nêu Hệ thống.

13.3. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về giá dự thầu để thực hiện, hoàn thành các công việc theo đúng yêu cầu của yêu cầu trong E - HSMT. Trường hợp nhà thầu có đơn giá thấp khác thường, ảnh hưởng đến chất lượng gói thầu thì Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ về tính khả thi của đơn giá thấp khác thường đó theo quy định tại khoản 11 Điều 131 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

13.4. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì E - HSDT của nhà thầu sẽ bị loại.

Đối với gói thầu mua sắm là mua sắm tập trung mà việc lựa chọn nhà thầu căn cứ theo khả năng cung cấp, Hệ thống trích xuất như sau:

13.1. Giá dự thầu ghi trong đơn và trong các bảng giá cùng với các khoản giảm giá phải đáp ứng các quy định trong học này:

a) Giá dự thầu là giá do nhà thầu chào trong đơn dự thầu, bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện khối lượng công việc mà nhà thầu chào (theo khả năng cung cấp (chưa tính giảm giá)). Hệ thống sẽ tự động trích xuất giá dự thầu từ Mẫu số 05 Chương IV vào đơn dự thầu.

b) Một tập các phần (đối với gói thầu chia thành nhiều phần) và một hoặc các hạng mục phải được chào giá riêng trong các bảng giá dự thầu.

c) Đối với gói thầu không chia phần, trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá vào đơn dự thầu. Giá trị giảm giá này được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục trong các bảng giá dự thầu. Đối với loại hợp đồng theo đơn giá cố định, đơn giá biến động, giá u) giảm giá được tính trên giá dự thầu không bao gồm dự phòng.

đ) Nhà thầu nộp E - HSDT cho các công việc mà nhà thầu có khả năng cung cấp trong số các công việc nêu trong E - HSMT và ghi đơn giá dự thầu cho các công việc này trong Mẫu số 05 Chương IV.

	13.2. Trường hợp gói thầu được chia thành nhiều phần độc lập và cho phép dự thầu theo từng phần thì nhà thầu có thể dự thầu một, hoặc nhiều phần của gói thầu, trong mỗi phần nhà thầu có thể chào đủ số lượng, hạng mục theo yêu cầu của E - HSMT đối với phần đó hoặc chào theo số lượng, hạng mục mà nhà thầu có khả năng cung cấp (không đủ số lượng theo E - HSMT đối với phần đó). Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá để thực hiện theo một trong hai cách sau đây: a) Cách thứ nhất: ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá vào đơn dự thầu (trong trường hợp này được coi là nhà thầu giảm giá đều theo tỷ lệ cho tất cả phần mà nhà thầu tham dự). b) Cách thứ hai: ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá cho từng phần vào worksheet trên Hệ thống. 13.3. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về giá dự thầu để thực hiện, hoặc thành các công việc theo khối lượng công việc nhà thầu đã chào. Trường hợp nhà thầu có đơn giá thấp khác thường, ảnh hưởng đến chất lượng gói thầu thì Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ về tính khả thi của đơn giá thấp khác thường đó theo quy định tại khoản 11 Điều 131 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP. 13.4. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì E - HSDT của nhà thầu sẽ bị loại.
14. Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán	Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán là VND.
15. Tài liệu chứng minh sự phù hợp của dược liệu/vị thuốc cổ truyền	15.1. Để chứng minh sự phù hợp của dược liệu/vị thuốc cổ truyền so với yêu cầu của E - HSMT, nhà thầu phải cung cấp các tài liệu là một phần của E - HSDT để chứng minh rằng dược liệu/vị thuốc cổ truyền được lựa chọn của nhà thầu cung cấp đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật quy định tại Chương V - Phạm vi cung cấp. 15.2. Tài liệu chứng minh sự phù hợp của dược liệu, vị thuốc cổ truyền phải bao gồm một phần mô tả chi tiết thân sống không mất về đặc tính kỹ thuật dược liệu, vị thuốc cổ truyền, quá đủ chứng minh sự đáp ứng cơ bản của dược liệu, vị thuốc cổ truyền so với các yêu cầu của HSMT. 15.3. Thuật ngữ “xuất xứ” dược liệu là quốc gia hoặc vùng lãnh thổ nơi dược liệu, vị thuốc cổ truyền được khai thác, nuôi, trồng trực, sơ chế hoặc chế biến tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ đó. Nhà thầu phải kê khai xuất xứ của dược liệu, vị thuốc cổ truyền trong Mẫu số D5a, 05b Chương IV. 15.4. Các thông tin tiêu chuẩn kỹ thuật liên quan đến mặt hàng tham dự thầu do Bên mời thầu quy định tại Chương V - Phạm vi cung cấp của mẫu số định mô tả và không nhằm mục đích hạn chế nhà thầu. 15.5. Tài liệu chứng minh nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng

	- Tài liệu chứng minh nguồn gốc, xuất xứ của được hậu: Nhà thầu phải có Biên cam kết về tài liệu chứng minh nguồn gốc, xuất xứ của các được hậu sẽ cung cấp vào cơ sở y tế. Nhà thầu phải bảo đảm cung cấp các được hậu tham gia dự thầu có nguồn gốc, xuất xứ đúng với được hậu được cung cấp theo lệ tại cơ sở y tế trong quá trình cung ứng. - Tài liệu chứng minh nguồn gốc, xuất xứ của vi thuốc cổ truyền theo quy định tại khoản 4 Điều 13 Thông tư số 38/2021/TT-BYT.
16. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu	16.1. Nhà thầu kê khai các thông tin cần thiết vào các mẫu trong Chương IV - Mẫu dự thầu để chứng minh năng lực, kinh nghiệm và kinh nghiệm quy định tại Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá E - HSDT. Trong quá trình làm hồ sơ dự thầu, nhà thầu được mời vào để chuyển tài liệu, nhà thầu phải chuẩn bị sẵn sàng các tài liệu để đối chiếu với thông tin nhà thầu kê khai, đính kèm trong E - HSDT và để Chủ đầu tư lựa chọn. 16.2. Các tài liệu để chứng minh năng lực thực hiện hợp đồng của nhà thầu nêu được trong mẫu theo quy định tại BDL. 16.3. Yêu cầu về tài liệu để chứng minh năng lực thực hiện hợp đồng của nhà thầu nêu được trong mẫu thực hiện theo E-BDL. 16.4. Trường hợp gói thầu đã áp dụng sơ tuyển, nếu có sự thực tế về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu khi nộp E-HSDT và khi tham dự sơ tuyển thì phải cập nhật lại năng lực và kinh nghiệm của mình.
17. Thời hạn có hiệu lực của E - HSDT	17.1. E - HSDT phải có hiệu lực không ngắn hơn thời hạn quy định tại BDL. 17.2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của E - HSDT, Bên mời thầu có thể đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu lực của E - HSDT, đồng thời yêu cầu nhà thầu gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bản đảm dự thầu (bằng thời gian hiệu lực E - HSDT sau khi gia hạn cộng thêm 30 ngày). Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn hiệu lực của E - HSDT thì E - HSDT của nhà thầu sẽ không được xem xét tiếp, trong trường hợp này, nhà thầu không phải nộp bản gốc thu báo lãnh cáo Bên mời thầu. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn E - HSDT không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của E - HSDT, trừ việc gia hạn hiệu lực của bản đảm dự thầu. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận hoặc không chấp thuận gia hạn được thực hiện trên Hệ thống.
18. Bảo đảm dự thầu	18.1. Khi tham dự thầu qua mạng, nhà thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu trước thời điểm đóng thầu theo một hoặc các hình thức sau đây: do đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm hạn lệnh của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành. Trường hợp giá trị bản đảm dự thầu nhỏ hơn 20 triệu đồng thì thực hiện theo quy định tại mục 18.7 CDNT. Đối với bảo lãnh do

thần hoặc chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy, nhà thầu quốc (scs) thư bảo lãnh của ngân hàng hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh và đính kèm khi nộp E - HSĐT. Đối với bảo lãnh dự thầu điện tử, nhà thầu chọn bảo lãnh dự thầu điện tử được phát hành, lưu trữ trên Hệ thống. Trường hợp E - HSĐT được gia hạn hiệu lực theo quy định tại Mục 17.2 CDNT thì hiệu lực của bảo đảm dự thầu cũng phải được gia hạn tương ứng. Đối với nhà thầu liên danh, các thành viên liên danh phải sử dụng cùng thể thức bảo lãnh dự thầu: bảo lãnh dự thầu điện tử hoặc bằng giấy.

Trường hợp liên danh thì phải thực hiện hiện pháp bảo đảm dự thầu theo một trong hai cách sau:

a) Từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện riêng rẽ bảo đảm dự thầu nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục 18.2 CDNT; nếu bảo đảm dự thầu của một thành viên trong liên danh được xác định là không hợp lệ thì E - HSĐT của liên danh đó sẽ không được xem xét, đánh giá tiếp. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm h Mục 18.5 CDNT thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.

b) Các thành viên trong liên danh thỏa thuận để một thành viên chịu trách nhiệm thực hiện hiện pháp bảo đảm dự thầu cho thành viên liên danh đó và cho thành viên khác trong liên danh. Trong trường hợp này, bảo đảm dự thầu có thể bao gồm tên của liên danh hoặc tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện hiện pháp bảo đảm dự thầu cho cả liên danh nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục 18.2 CDNT. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm h Mục 18.5 CDNT thì giá trị bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.

18.2. Giá trị, đồng tiền và thời gian hiệu lực của bảo đảm dự thầu theo quy định tại BDL. Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo đảm dự thầu (thời điểm kết thúc hiệu lực của bảo đảm dự thầu nằm trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo đảm dự thầu mà không cần thiết phải đến hết 24 giờ của ngày đó).

18.3. Bảo đảm dự thầu được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 CDNT, không đúng tên đơn vị thu hàng, không có chữ ký (ký số đối với bảo lãnh dự thầu điện tử) hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E - HSMT, có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư. Bên mời thầu (trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết theo quy định tại Mẫu số 04A, 04B Chương IV). Trường hợp áp dụng thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo lãnh bảo lãnh thì thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tin dụng nước ngoài

chỉ nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam, doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chỉ nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có).

18.4. Nhà thầu không được lựa chọn sẽ được hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu theo thời hạn quy định BDL. Đối với nhà thầu được lựa chọn, bảo đảm dự thầu được hoàn trả hoặc giải tỏa sau khi hợp đồng có hiệu lực.

18.5. Các trường hợp phải nộp bản gốc thu bảo lãnh dự thầu, giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh (đối với trường hợp sử dụng bảo lãnh dự thầu bằng văn bản giấy) cho bên mời thầu:

a) Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu;

b) Nhà thầu vi phạm quy định của pháp luật về đấu thầu dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu trong các trường hợp sau đây:

- Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E - HSDT, nhà thầu có văn bản rút E - HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E - HSDT theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu;

- Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 Luật Đấu thầu hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d và điểm đ khoản 1 Điều 17 của Luật Đấu thầu;

- Nhà thầu không thực hiện hiện pháp bảo đảm dự thầu theo hợp đồng theo quy định tại Điều 68 của Luật Đấu thầu;

- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký hiện bản đối chiếu tài liệu, và trường hợp bất khả kháng;

- * Đối với gói thầu mua sắm không phải là mua sắm tập trung:

- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu, và trường hợp bất khả kháng;

- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, và trường hợp bất khả kháng;

- * Đối với gói thầu mua sắm là mua sắm tập trung sử dụng thỏa thuận khung:

- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện thỏa thuận khung trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu;

- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết thỏa thuận khung nhưng từ chối hoặc không ký thỏa thuận khung, và trường hợp bất khả kháng;

18.6. Trong vòng 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của bên mời thầu, nếu nhà thầu từ chối hoặc không nộp bản gốc thu bảo lãnh dự thầu, giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh (đối với trường hợp sử dụng bảo lãnh dự thầu bằng văn bản giấy) theo yêu cầu của Bên mời

	thầu chỉ nhà thầu sẽ bị xử lý theo đúng cam kết của nhà thầu trong đơn dự thầu. 18.7. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập, nhà thầu có thể lựa chọn nộp bảo đảm dự thầu theo một trong hai cách sau đây: a) Bảo đảm dự thầu chung cho tất cả các phần mà mình tham dự thầu (giá trị bảo đảm dự thầu sẽ bằng tổng giá trị của các phần nhà thầu tham dự). Trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu do nhà thầu nộp nhỏ hơn tổng giá trị cộng gộp thì Bên mời thầu được quyền quyết định lựa chọn bảo đảm dự thầu đó được sử dụng cho phần nào trong số các phần mà nhà thầu tham dự. b) Bảo đảm dự thầu riêng cho từng phần mà nhà thầu tham dự. Trường hợp nhà thầu vi phạm dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 CDNT thì việc không hoàn trả bảo đảm dự thầu được tính trên phần mà nhà thầu vi phạm. 18.8. Đối với gói thầu có giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18.2 CDNT nhỏ hơn 20 triệu đồng, tại thời điểm đóng thầu, nhà thầu không phải đính kèm thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh theo quy định tại Mục 18.1 CDNT mà phải cam kết trong đơn dự thầu (không phải đính kèm vào kết nối bằng văn bản) là nếu được mời vào đối chiếu tài liệu hợp đồng hoặc vi phạm quy định tại điểm b Mục 18.5 CDNT thì phải nộp một khoản tiền hoặc Séc bảo chi (trong trường hợp thời hạn hiệu lực của Séc bảo chi đáp ứng yêu cầu của chủ đầu tư) hoặc bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh với giá trị quy định tại Mục 18.2 CDNT. Trường hợp nhà thầu không thực hiện theo cam kết nêu trên, nhà thầu bị xử lý theo đúng cam kết của nhà thầu nêu trong đơn dự thầu (bị nêu tên trên Hồ sơ mời thầu và bị khóa tài khoản trong vòng 06 tháng, kể từ ngày Cục Quản lý đấu thầu, Bộ Kế hoạch và Đầu tư nhận được văn bản đề nghị của Chủ đầu tư). Trường hợp nhà thầu vi phạm quy định nêu tại điểm b Mục 18.5 CDNT thì nhà thầu sẽ không được hoàn trả khoản tiền bảo đảm dự thầu này. 18.9. Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa là mua sắm tập trung mà việc lựa chọn nhà thầu căn cứ theo khả năng cung cấp, bảo đảm dự thầu của nhà thầu tương ứng với giá dự thầu nêu trong đơn dự thầu sau khi giảm giá (nếu có) với tỷ lệ bảo đảm dự thầu quy định tại E-BĐL.
19. Thời điểm đóng thầu	19.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm quy định tại TBMT. 19.2. Chủ đầu tư có thể gia hạn thời điểm đóng thầu bằng cách sửa đổi TBMT. Khi gia hạn thời điểm đóng thầu, mọi trách nhiệm của Chủ đầu tư và nhà thầu theo thời điểm đóng thầu trước đó sẽ được thay đổi theo thời điểm đóng thầu mới được gia hạn.
20. Nộp, rút và sửa đổi E - HSDT	20.1. Nộp E - HSDT. Nhà thầu chỉ nộp một bộ E - HSDT đối với một TBMT khi tham gia đấu thầu qua mạng. Trường hợp liên danh, thành viên đồng đầu liên danh (theo thỏa thuận trong liên danh) nộp E - HSDT sau khi được sự chấp thuận của tất cả các thành viên trong liên danh.

	20.2. Sửa đổi, nộp lại E - HSDT: Trường hợp các sửa đổi E - HSDT đã nộp, nhà thầu phải tiến hành rút toàn bộ E - HSDT để nộp trước đề đề sửa đổi cho phù hợp. Sau khi hoàn thiện E - HSDT, nhà thầu cần hành nộp lại E - HSDT mới. Trường hợp nhà thầu đã nộp E - HSDT trước khi chủ đầu tư thực hiện sửa đổi E - HSDT (nếu có) thì nhà thầu phải nộp lại E - HSDT mới cho phù hợp với E - HSDT đã được sửa đổi. 20.3. Rút E - HSDT: nhà thầu được rút E - HSDT trước thời điểm đóng thầu. Hệ thống thông báo cho nhà thầu tình trạng rút E - HSDT (thành công hay không thành công). Hệ thống ghi lại thông tin về thời gian rút E - HSDT của nhà thầu. 20.4. Nhà thầu chỉ được rút, sửa đổi, nộp lại E - HSDT trước thời điểm đóng thầu. Sau thời điểm đóng thầu, tất cả các E - HSDT nộp thành công trên Hệ thống đều được mở thầu để đánh giá. 20.5. Trường hợp sau thời điểm đóng thầu, nhà thầu rút không tham dự thì vẫn phải nộp đủ giá trị bảo đảm dự thầu của phần đó.
21. Mở thầu	21.1. Bên mời thầu phải tiến hành mở thầu và công khai biên bản mở thầu trên Hệ thống trong thời hạn không quá 02 giờ, kể từ thời điểm đóng thầu. Trường hợp có 01 hoặc 02 nhà thầu nộp E - HSDT, Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét, xử lý tình huống theo quy định tại khoản 5 Điều 131 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu. Trường hợp không có nhà thầu nộp E - HSDT, Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét gia hạn thời điểm đóng thầu hoặc tổ chức lại việc lựa chọn nhà thầu qua mạng (hủy E-TBMT này và đăng E-TBMT mới) theo quy định tại khoản 4 Điều 131 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu. 21.2. Biên bản mở thầu được đăng tải công khai trên Hệ thống, bao gồm các nội dung chủ yếu sau: a) Thông tin về gói thầu: - Số TBMT; - Tên gói thầu; - Tên chủ đầu tư; - Hình thức lựa chọn nhà thầu; - Loại hợp đồng; - Thời điểm hoàn thành mô thầu; - Tổng số nhà thầu tham dự; b) Thông tin về các nhà thầu tham dự: - Tên nhà thầu; - Giá dự thầu; - Tỷ lệ phần trăm (%) giảm giá;

	- Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có); - Giá trị và hiệu lực bảo đảm dự thầu; - Thời gian có hiệu lực của E - HSDT; (Hệ thống tự động tính trên cơ sở tính trên lại chỉ phù hợp phòng sau khi giảm giá); - Thời gian thực hiện gói thầu; - Các thông tin liên quan khác (nếu có). c) Trường hợp gói thầu chứa thành phần phức tạp độc lập thì phải bao gồm các thông tin về giá dự thầu cho từng phần như điểm b) Mục này.
22. Bảo mật	22.1. Thông tin liên quan đến việc đánh giá E - HSDT và đề nghị trao hợp đồng phải được giữ bí mật và không được phép tiết lộ cho các nhà thầu hay bất kỳ người nào không có liên quan chính thức đến quá trình lựa chọn nhà thầu cho tới khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu. Trong mọi trường hợp không được tiết lộ thông tin trong E - HSDT của nhà thầu này cho nhà thầu khác, trừ thông tin được công khai trong biên bản mở thầu. 22.2. Trừ trường hợp làm rõ E - HSDT (nếu cần thiết) và đề chữa tài liệu, nhà thầu không được phép tiếp xúc với Chủ đầu tư, Bên mời thầu về các vấn đề liên quan đến E - HSDT của mình và các vấn đề khác liên quan đến gói thầu trong suốt thời gian từ khi mở thầu cho đến khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu.
23. Làm rõ E - HSDT	23.1. Sau khi mở thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ E - HSDT theo yêu cầu của bên mời thầu, kể cả về tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu. Trường hợp E - HSDT của nhà thầu thiếu tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm thì Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ, bổ sung tài liệu để chứng minh tư cách hợp lệ của nhà thầu tại Mục 3 CDNT của được liên, vị thuộc cổ phiếu tại Mục 3 CDNT, năng lực và kinh nghiệm. Đối với các nội dung để xuất về kỹ thuật, tài chính nêu trong E - HSDT của nhà thầu, việc làm rõ phải tuân theo nguyên tắc không làm thay đổi nội dung cơ bản của E - HSDT đã nộp, không thay đổi giá dự thầu. Bên mời thầu có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của nhà thầu để xem xét, đánh giá; các tài liệu làm rõ được coi như một phần của E - HSDT. 23.2. Bên mời thầu gọi yêu cầu làm rõ của nhà thầu theo 1 trong 2 cách sau gồm: gọi trực tiếp cho nhà thầu hoặc thông qua Hệ thống. Trường hợp bên mời thầu gọi yêu cầu làm rõ trực tiếp cho nhà thầu thì nhà thầu phải thông báo cho Bên mời thầu về việc đã nhận được văn bản yêu cầu làm rõ E - HSDT bằng một trong những cách sau: gọi văn bản trực tiếp, theo đường bưu điện, fax hoặc e-mail. Trong trường hợp này, yêu cầu làm rõ của Bên mời thầu và phản hồi của nhà thầu phải được thực hiện bằng văn bản. 23.3. Việc làm rõ E - HSDT chỉ được thực hiện giữa Bên mời thầu và nhà thầu có E - HSDT cần phải làm rõ. Nội dung làm rõ E - HSDT được Bên mời thầu báo quản trị một phần của E - HSDT. Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách hợp lệ, năng

	lực, kinh nghiệm và yêu cầu về kỹ thuật, tài chính nếu quá thời hạn làm rõ mà nhà thầu không có văn bản làm rõ hoặc có văn bản làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của Bên mời thầu thì Bên mời thầu sẽ đánh giá E - HSDT của nhà thầu theo E - HSDT nộp trước thời điểm đóng thầu. Bên mời thầu phải dành cho nhà thầu một khoảng thời gian hợp lý để nhà thầu được hoàn việc làm rõ E - HSDT. 23.4, Bên mời thầu có thể gửi văn bản yêu cầu nhà thầu có khả năng trúng thầu tiếp tục làm việc trực tiếp với Bên mời thầu hoặc thông qua Hệ thống để làm rõ E - HSDT. Trường hợp làm rõ trực tiếp với nhà thầu thì nội dung làm rõ E - HSDT phải được ghi cụ thể thành biên bản. Việc làm rõ E - HSDT trong trường hợp này phải bảo đảm tính khách quan, minh bạch. Trường hợp có nghi ngờ về tính xác thực của các tài liệu do nhà thầu cung cấp, chủ đầu tư, bên mời thầu được xác minh với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến nội dung của tài liệu.
24. Các sai khác, đặt điều kiện và bỏ sót nội dung	Các định nghĩa sau đây sẽ được áp dụng cho quá trình đánh giá E - HSDT: 24.1. "Sai khác" là các khác biệt so với yêu cầu nêu trong E - HSMT; 24.2. "Đặt điều kiện" là việc đặt ra các điều kiện có tính hạn chế hoặc thể hiện sự không chấp nhận hoàn toàn đối với các yêu cầu nêu trong E - HSMT; 24.3. "Bỏ sót nội dung" là việc nhà thầu không cung cấp được một phần hoặc toàn bộ thông tin hay tài liệu theo yêu cầu nêu trong E - HSMT.
25. Xác định tính đáp ứng của E - HSDT	25.1. Bên mời thầu sẽ xác định tính đáp ứng của E - HSDT dựa trên nội dung của E - HSDT theo quy định tại Mục 11 CDNT. 25.2. E - HSDT đáp ứng cơ bản là E - HSDT đáp ứng các yêu cầu nêu trong E - HSMT mà không có các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản. Sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản nghĩa là những điều trong E - HSDT mà: a) Nếu được chấp nhận thì sẽ gây ảnh hưởng đáng kể đến phạm vi, chất lượng, được tiếp, vị thuốc có truyền; gây hạn chế đáng kể và không tương thích với E - HSMT đối với quyền lợi của Chủ đầu tư hoặc nghĩa vụ của nhà thầu trong hợp đồng; b) Nếu được sửa lại thì sẽ gây ảnh hưởng không công bằng đến vị thế cạnh tranh của nhà thầu khác có E - HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu của E - HSMT. 25.3. Bên mời thầu phải kiểm tra các khía cạnh kỹ thuật của E - HSDT theo quy định tại Mục 15 và Mục 16 CDNT nhằm khẳng định rằng tất cả các yêu cầu quy định tại Phần 2 - Yêu cầu về phạm vi cung cấp đã được đáp ứng và E - HSDT không có những sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót các nội dung cơ bản. 25.4. Nếu E - HSDT không đáp ứng cơ bản các yêu cầu nêu trong E - HSMT thì E - HSDT đó sẽ bị loại, không được phép sửa đổi các sai

	khác, đặc biệt hoặc bỏ sót nội dung cơ bản trong E - HSDT do nhằm làm cho nó trở thành đáp ứng cơ bản E - HSMT.
26. Sai sót không nghiêm trọng	26.1. Với điều kiện E - HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong E - HSMT thì Bên mời thầu, tổ chuyên gia có thể chấp nhận các sai sót mà không phải là những sai khác, đặc biệt hoặc bỏ sót nội dung cơ bản trong E - HSDT. 26.2. Với điều kiện E - HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong E - HSMT, Bên mời thầu, tổ chuyên gia có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các thông tin hoặc tài liệu cần thiết trong thời hạn hợp lý để sửa chữa những điểm chưa phù hợp hoặc sai sót không nghiêm trọng trong E - HSDT liên quan đến các yêu cầu về tài liệu. Yêu cầu cung cấp các thông tin và các tài liệu để khắc phục các sai sót này không được liên quan đến bất kỳ khía cạnh nào của giá dự thầu. Nếu không đáp ứng yêu cầu nêu trên của Bên mời thầu thì E - HSDT của nhà thầu có thể sẽ bị loại. 26.3. Với điều kiện E - HSDT đáp ứng cơ bản E - HSMT, Bên mời thầu, tổ chuyên gia điều chỉnh các sai sót không nghiêm trọng và có thể định lượng được liên quan đến giá dự thầu; giá dự thầu sẽ được điều chỉnh để phản ánh chi phí cho các hạng mục bị thiếu hoặc chưa đáp ứng yêu cầu; việc điều chỉnh này chỉ hoàn toàn nhằm mục đích so sánh các E - HSDT.
27. Nhà thầu phụ	27.1. Nhà thầu phụ là tổ chức, cá nhân ký hợp đồng với nhà thầu để thực hiện các dịch vụ liên quan. Nhà thầu phải kê khai Nhà thầu phụ và các hạng mục công việc dành cho Nhà thầu phụ theo mẫu số 12 Chương IV. 27.2. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các trách nhiệm của nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các trách nhiệm khác đối với phần công việc do nhà thầu phụ thực hiện. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá E - HSDT của nhà thầu. Bên thầu nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm (không xét đến năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ). 27.3. Yêu cầu về nhà thầu phụ nêu tại BEM. 27.4. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ nêu trong E - HSDT hoặc ký với nhà thầu phụ được chủ đầu tư chấp thuận để tham gia thực hiện công việc. 27.5. Nhà thầu có hành vi vi phạm nhượng quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 16 Luật Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật. 27.6. Chủ đầu tư, Bên mời thầu không được chấp thuận cho nhà thầu sử dụng nhà thầu phụ mà nhà thầu phụ này có tham gia thực hiện cung cấp dịch vụ tư vấn cho gói thầu mà nhà thầu đã trúng thầu và các công việc tư vấn này bao gồm: Thẩm định giá, giám sát thực hiện hợp đồng, kiểm định, lập, thẩm định E-HSMST, E-HSMT; đánh giá E-HSDST, E-HSDT; thẩm định kết quả sơ tuyển, kết quả lựa chọn nhà thầu; tư vấn

	quản lý dự án, quản lý hợp đồng, tư vấn khác mà các dịch vụ tư vấn này có phần công việc liên quan trực tiếp tới gói thầu.
28. Ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu	28.1. Nguyên tắc ưu đãi: Nhà thầu được hưởng ưu đãi khi cung cấp được liệu/ vị thuốc cổ truyền mà được liệu/ vị thuốc cổ truyền đó có chi phí sản xuất trong nước chiếm tỷ lệ từ 30% trở lên. 28.2. Việc tính ưu đãi được thực hiện trong quá trình đánh giá E - HSDT để sơ sãi, xếp hạng E - HSDT: Được liệu/ vị thuốc cổ truyền chỉ được hưởng ưu đãi khi nhà thầu chứng minh được được liệu/ vị thuốc cổ truyền đó có chi phí sản xuất trong nước chiếm tỷ lệ từ 30% trở lên trong giá được liệu/ vị thuốc cổ truyền. Tỷ lệ % chi phí sản xuất trong nước của được liệu/ vị thuốc cổ truyền được tính theo công thức sau đây: $D(\%) = G^*/G(\%)$ Trong đó: - G^*: Là chi phí sản xuất trong nước được tính bằng giá chào của được liệu/ vị thuốc cổ truyền trong E - HSDT trừ đi giá trị thuế và các chi phí nhập ngoại bao gồm có phí, lệ phí (nếu có); - G: Là giá chào của được liệu/ vị thuốc cổ truyền trong E - HSDT trừ đi giá trị thuế; - D: Là tỷ lệ % chi phí sản xuất trong nước của được liệu/ vị thuốc cổ truyền. $D \geq 30\%$ thì được liệu/ vị thuốc cổ truyền đó được hưởng ưu đãi theo quy định tại Mục này. 28.3. Cách tính ưu đãi được thực hiện theo quy định tại BDL. 28.4. Trường hợp được liệu/ vị thuốc cổ truyền do các nhà thầu chào đều không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thì không tiến hành đánh giá và xác định giá trị ưu đãi. 28.5. Trường hợp nội dung về ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu tại Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dân thầu về lựa chọn nhà thầu chưa được quy định tại Mục này hoặc quy định khác tại Chủ đầu tư quy định tại E-BDL, căn cứ Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dân thầu về lựa chọn nhà thầu. Trong trường hợp này, việc ưu đãi thực hiện theo quy định của Nghị định này.
29. Đánh giá E - HSDT	29.1. Ban mời thầu sẽ áp dụng các tiêu chí đánh giá liệt kê trong Mục này và phương pháp đánh giá theo quy định tại BDL để đánh giá các E - HSDT. Không được phép sử dụng bất kỳ tiêu chí hay phương pháp đánh giá nào khác. 29.2. Đánh giá tính hợp lệ của E - HSDT: a) Việc đánh giá tính hợp lệ của E - HSDT được thực hiện theo quy định tại Mục I Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá E - HSDT bao gồm kèm theo Mẫu này.

b) Nhà thầu có E - HSDT hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp về năng lực và kinh nghiệm.

29.3. Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm:

a) Việc đánh giá về năng lực và kinh nghiệm được thực hiện theo tiêu chuẩn đánh giá quy định tại Mục 2 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá E - HSDT;

b) Nhà thầu có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu được xem xét, đánh giá tiếp về kỹ thuật.

29.4. Đánh giá về kỹ thuật và đánh giá về giá:

a) Việc đánh giá về kỹ thuật được thực hiện theo tiêu chuẩn và phương pháp đánh giá quy định tại Mục 3 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá E - HSDT;

b) Nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật được xem xét đánh giá tiếp về giá theo quy định tại Mục 4 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá E - HSDT.

29.5. Sau khi đánh giá về tài chính, Ban mời thầu lập danh sách xếp hạng nhà thầu. Việc xếp hạng nhà thầu thực hiện theo quy định tại BDĐ. Trường hợp có một nhà thầu vượt qua bước đánh giá về tài chính thì không cần phải phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu.

Đối với mua sắm tập trung áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, danh sách xếp hạng nhà thầu theo thứ tự từ thấp đến cao giá dự thầu sau giảm giá (nếu có) trên nền mỗi đơn vị hàng mục hàng hóa mà nhà thầu dự thầu.

Nhà thầu xếp hạng thứ nhất được mời vào đối chiếu tài liệu theo quy định tại Mục 30 CDNT.

Đối với mua sắm tập trung áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, các nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu là tổ hợp các nhà thầu xếp hạng từ thấp đến cao đảm bảo tổng số lượng hàng hóa mà các nhà thầu chào thầu không thấp hơn số lượng hàng hóa cần mua trong E - HSDT.

29.6. Cho phép dự thầu theo từng phần theo quy định tại Mục 13.3 CDNT thì việc đánh giá E - HSDT thực hiện theo quy định tại Mục 5 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá E - HSDT tương ứng với phần tham dự thầu của nhà thầu.

29.7. Nguyên tắc đánh giá E - HSDT:

Trường hợp có sự sai khác giữa thông tin về bảo đảm dự thầu mà nhà thầu kê khai trên webform và thông tin trong file scan bảo đảm dự thầu đính kèm thì căn cứ vào thông tin trong file scan bảo đảm dự thầu (đối với trường hợp áp dụng bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo lãnh bảo lãnh bằng văn bản giấy) để đánh giá.

Đối với các nội dung còn lại, trường hợp có sự không thống nhất giữa thông tin kê khai trên webform và file đính kèm thì thông tin trên webform là cơ sở để xem xét, đánh giá.

30. Đối chiếu tài liệu	30.1. Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu. Nhà thầu phải nộp một bộ tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm cho bên mời thầu để đối chiếu với thông tin nhà thầu kê khai trong E - HSDT, bao gồm: a) Bản gốc bản đảm bảo thầu (đối với trường hợp sử dụng thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo lãnh bảo lãnh bằng văn bản giấy) hoặc tiền mặt hoặc Séc bảo chi theo quy định tại Mục 18.8 CDNT; b) Các tài liệu chứng minh về tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm mà nhà thầu đã đính kèm trong E - HSDT; c) Tài liệu khác (nếu có). Đối với mua sắm tập trung áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, các nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu là tổ hợp các nhà thầu xếp hạng từ thấp đến cao đảm bảo tổng số lượng hàng hóa mà các nhà thầu chào thầu không thấp hơn số lượng hàng hóa nêu trong E - E - HSMT. 30.2. Nhà thầu có tài liệu đối chiếu phù hợp sẽ được xét duyệt trúng thầu. Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu không đáp ứng quy định của E - HSMT thì nếu nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu mà không phải xếp hạng lại nhà thầu.
31. Điều kiện xét duyệt trúng thầu	Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: 31.1. Có E - HSDT hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá E - HSDT; 31.2. Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 2 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá E - HSDT; 31.3. Có đề xuất về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 3 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá E - HSDT; 31.4. Đáp ứng điều kiện theo quy định tại BDL; 31.5. Ngoài ra, một hãng được lựa, ví thuộc cổ tuyển trúng thầu còn phải đáp ứng các điều kiện sau đây: a) Một hãng được lựa, ví thuộc cổ tuyển trúng thầu phải đáp ứng quy định sau: - Giá đề nghị trúng thầu của từng một hãng được lựa, ví thuộc cổ tuyển không được cao hơn giá trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã được người có thẩm quyền phê duyệt. - Tuân thủ các quy định khác về quản lý giá được lựa, ví thuộc cổ tuyển, đấu thầu được lựa, ví thuộc cổ tuyển có liên quan. b) Một hãng được lựa, ví thuộc cổ tuyển của nhà thầu có giá dự thầu trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất hoặc giá đánh giá thấp nhất theo quy định thì được xem xét đề nghị trúng thầu. c) Trường hợp giá đề nghị trúng thầu hoặc giá dự thầu trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) hoặc giá đánh giá bằng nhau thì lựa chọn một hãng được

liệu, vị thuốc cổ truyền để xem xét để ứng dụng theo thứ tự ưu tiên như sau:

- Trao thầu cho doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ theo quy định của pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (nếu có);

- Trao thầu cho nhà thầu có giá để nghị trúng thầu thấp nhất;

- Trao thầu cho nhà thầu có điểm kỹ thuật cao hơn hoặc mặt hàng được liệu có nguồn gốc trong nước hoặc vị thuốc cổ truyền được sản xuất và chế tạo có nguồn gốc trong nước có chất lượng tương đương;

- Mặt hàng có điểm kỹ thuật bằng nhau thì xem xét theo thứ tự ưu tiên như sau:

- + Mặt hàng được sản xuất theo dây chuyền đạt Thực hành tốt sản xuất được liệu, vị thuốc cổ truyền (GMP) và kiểm soát chất lượng tại Phòng thí nghiệm đạt Thực hành tốt phòng thí nghiệm thuốc, nguyên liệu làm thuốc (GLP);

- + Mặt hàng của nhà thầu có kinh nghiệm, uy tín trong cùng cấp được liệu, vị thuốc cổ truyền vào cơ sở y tế: Căn cứ vào kinh nghiệm cùng cấp của nhà thầu, uy tín của nhà thầu trong cùng cấp được liệu, vị thuốc cổ truyền tại cơ sở y tế như việc bảo đảm chất lượng, tiến độ cung cấp, có hệ thống phân phối trên địa bàn v.v.....

- Trao thầu cho nhà thầu có trụ sở chính ở địa phương nơi miền khai gói thầu;

- Trao thầu cho nhà thầu có sử dụng số lượng lao động là thương binh, người khuyết tật từ 25% trở lên có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên, đến thời điểm đóng thầu vẫn còn hiệu lực;

- Trao thầu cho nhà thầu có sử dụng số lượng lao động là dân tộc thiểu số từ 25% trở lên có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên, đến thời điểm đóng thầu vẫn còn hiệu lực;

- Trao thầu cho nhà thầu có sử dụng số lượng lao động là nữ giới từ 25% trở lên có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên, đến thời điểm đóng thầu vẫn còn hiệu lực;

- Cho phép các nhà thầu này chào lại giá dự thầu để tạo chọn nhà thầu có giá chào thấp nhất. Nhà thầu không được chào giá cao hơn giá nhà thầu đã chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có). Việc chào lại giá dự thầu thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 8 Điều này;

- Mời các nhà thầu này tham gia chào giá trực tuyến theo quy trình rút gọn. Nhà thầu không được chào giá cao hơn giá nhà thầu đã chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có)

32. Huy thầu

32.1. Các trường hợp huy thầu bao gồm:

a) Tất cả E - HSĐT không đáp ứng được các yêu cầu của E - HSMT;

b) Thay đổi mục tiêu, phạm vi đầu tư trong quyết định đầu tư đã được phê duyệt làm thay đổi khối lượng công việc, tiêu chuẩn đánh giá đã

	ghi trong E - HSMT; c) E - HSMT không tuân thủ quy định của Luật Đấu thầu, quy định khác của pháp luật có liên quan dẫn đến nhà thầu được lựa chọn không đáp ứng yêu cầu đề thực hiện gói thầu; d) Nhà thầu vi phạm thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu; đ) Tổ chức, cá nhân khác ngoài nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu dẫn đến sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu. 32.2. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định pháp luật về đấu thầu dẫn đến hủy thầu (theo quy định tại điểm c, d và điểm d Mục 32.1 CDNT) phải bồi trả chi phí cho các bên liên quan và bị xử lý theo quy định của pháp luật. 32.3. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại Mục 32.1 CDNT, trong thời hạn 05 ngày làm việc, Chủ đầu tư, Bên mời thầu phải hoàn trả hoặc gửi tài sản bảo đảm dự thầu cho các nhà thầu dự thầu đã nộp bản gốc bảo đảm dự thầu, và trường hợp nhà thầu vi phạm quy định tại điểm d và điểm d Mục 32.1 CDNT.
33. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu	33.1. Chủ đầu tư đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống kèm theo báo cáo đánh giá E - HSMT trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu. Nội dung thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu như sau: a) Thông tin về gói thầu: - Số TĐMT; - Tên gói thầu; - Giá gói thầu hoặc dự toán được duyệt (nếu có); - Tên Chủ đầu tư; - Hình thức lựa chọn nhà thầu; - Loại hợp đồng; - Thời gian thực hiện gói thầu. b) Thông tin về nhà thầu trúng thầu: - Mã số thuế; - Tên nhà thầu; - Giá dự thầu; - Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có); - Điểm kỹ thuật (nếu có); - Giá đánh giá (nếu có); - Gói riêng thầu; - Thời gian thực hiện gói thầu.

	e) Doanh sách nhà thầu không được lựa chọn và tuân thủ về tỷ lệ không được lựa chọn của từng nhà thầu. 33.2. Trường hợp lựa thầu theo quy định tại điểm a Mục 32.1 CDNT, trong thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu và trên Hệ thống phải nêu rõ tỷ lệ do hủy thầu. 33.3. Sau khi thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định tại Mục 33.1 CDNT, nếu nhà thầu không được lựa chọn có văn bản hỏi về tỷ lệ không được lựa chọn thì trong thời gian tối đa là 05 ngày làm việc, kể từ ngày thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu Bên mời thầu phải có văn bản trả lời gửi cho nhà thầu.
34. Thay đổi số lượng thuộc cơ sở cung cấp với điều kiện sự thay đổi đó không vượt quá tỷ lệ quy định tại BDL và không có bất kỳ thay đổi nào về đơn giá hay các điều kiện, điều khoản khác của E - HSDT và E - HSMT. Tỷ lệ tăng, giảm khối lượng thuộc không vượt quá 10%. 34.2. Tùy chọn mua thêm: Trước khi hợp đồng kết hiệu lực, Chủ đầu tư có quyền mua bổ sung khối lượng được liệt, vị thuộc cơ sở truyền ngoài khối lượng nêu trong Chương IV với điều kiện không vượt quá tỷ lệ quy định tại BDL và đáp ứng quy định tại khoản 8 Điều 39 của Luật Đầu tư. Khối lượng hàng hóa, dịch vụ bổ sung này không được sử dụng để đánh giá về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu. Đối với nhà thầu liên danh, việc phân chia trách nhiệm thực hiện khối lượng bổ sung theo tùy chọn mua thêm được hiện theo tỷ lệ phân chia công việc theo hợp đồng đã ký, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.	34.1. Vào thời điểm trao hợp đồng, Bên mời thầu có quyền tăng hoặc giảm số lượng được liệt vị thuộc cơ sở truyền nêu trong Chương V - Phạm vi truyền.
35. Thông báo chấp thuận E - HSDT và trao hợp đồng	Sau khi Chủ đầu tư đồng ý thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, Bên mời thầu gửi thông báo chấp thuận E - HSDT và trao hợp đồng thông qua Hệ thống, bao gồm cả yêu cầu về biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng, thời gian hoàn thiện, ký kết hợp đồng theo quy định tại Mẫu số 14 Chương VIII - Biên mẫu hợp đồng cho nhà thầu trúng thầu với điều kiện nhà thầu đã được xác minh là đủ năng lực để thực hiện hợp đồng. Thông báo chấp thuận E - HSDT và trao hợp đồng là một phần của hồ sơ hợp đồng. Trường hợp nhà thầu trúng thầu không hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận E - HSDT và trao hợp đồng thì nhà thầu sẽ bị loại và không được nhận lại bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 CDNT. Thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận E - HSDT được tính kể từ ngày bên mời thầu gửi thông báo chấp thuận này cho nhà thầu trúng thầu trên Hệ thống.
36. Điều kiện ký kết hợp đồng	36.1. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, E - HSDT của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực. 36.2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện gói

	thầu. Nếu có đầu thầu nhà thầu không đáp ứng số lượng tại E - HSMT, chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu chứng minh số lượng được hiệu vi thuộc các truyền của doanh nghiệp đáp ứng số lượng tại E - HSMT như yêu cầu bổ sung thể kho thể hiện tuân nhập tồn một hàng được hiệu vi thuộc các truyền dự thảo và hóa đơn mua vào, bán ra tương ứng. Trường hợp thực tế nhà thầu không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm theo quy định nêu trong E - HSMT thì Chủ đầu tư sẽ có chức ký kết hợp đồng với nhà thầu. Chủ đầu tư sẽ hủy quyết định phê duyệt kế, quá lựa chọn nhà thầu, thông báo chấp thuận E - HSDT và trao hợp đồng trước đó và mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đợt chào tài liệu. 16.3. Chủ đầu tư phải báo điện các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán và các điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói thầu theo đúng tiến độ.
37. Bảo đảm thực hiện hợp đồng	37.1. Trước khi ký kết hợp đồng hoặc hợp đồng có hiệu lực, nhà thầu trúng thầu phải cung cấp một bảo đảm thực hiện hợp đồng bằng một hoặc các hình thức sau: a) Đặt cọc bằng Séc bảo chi đối với bảo đảm thực hiện hợp đồng có giá trị dưới 50 triệu đồng và thời gian có hiệu lực của Séc bảo chi phù hợp với thời gian thực hiện gói thầu; b) Nộp thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng trong nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam; c) Nộp giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam. Trường hợp nhà thầu sử dụng thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng thì phải sử dụng Mẫu số 15 Chương VIII - Biểu mẫu hợp đồng hoặc một mẫu khác được Chủ đầu tư chấp thuận. 37.2. Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây: a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực; b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng; c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối giải hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.
38. Giải quyết khiếu nại trong thầu	38.1. Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nhà thầu, cơ quan, tổ chức được khiếu nại người có thẩm quyền, chủ đầu tư xem xét lại các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định tại các Điều 89, 90 và 91 của Luật Đấu thầu. 38.2. Trường hợp khiếu nại lên Chủ đầu tư, nhà thầu, cơ quan, tổ chức gọi khiếu nại trực tiếp lên Hệ thống. Trường hợp khiếu nại lên Người có thẩm quyền, nhà thầu gọi khiếu nại theo địa chỉ quy định tại BDL.

39. Giám sát quá trình lựa chọn nhà thầu, nhà thầu có trách nhiệm thông báo cho tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ giám sát theo quy định tại BDL.

Chương II. BẢNG DỮ LIỆU ĐẦU THẦU

CDNT 1.1	Tên Chủ đầu tư: _____ [Theo tên đăng ký trên (tập thống)].
CDNT 1.2	Tên gói thầu: _____ [Hệ thống tự động trích xuất]. Tên dự án/dự toa/mua sắm là: _____ [Hệ thống tự động trích xuất]. Số lượng và số hợp các phần thuộc gói thầu: _____ [Theo Mục 18.1 BDL].
CDNT 1.3	Thời gian thực hiện hợp đồng: _____ [ghi thời gian cụ thể theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt]. Hoặc: Thời gian liệu học theo thuận không đổi với đầu thầu tập trung: _____ [ghi thời gian cụ thể theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt].
CDNT 2	Nguồn vốn (hoặc phương thức huy tập vốn): _____ [Theo DBMT].
CDNT 4.4	- Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp trên 10% với: _____ [ghi đầy đủ tên và địa chỉ Chủ đầu tư, Bên mời thầu], trừ trường hợp: (i) Nhà thầu là công ty thành viên, công ty con của tập đoàn, tổng công ty nhà nước có ngành, nghề sản xuất, kinh doanh chính phù hợp với tính chất gói thầu của tập đoàn, tổng công ty nhà nước đó. (ii) Nhà thầu là công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên trong tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước mà sản phẩm, dịch vụ thuộc gói thầu thuộc ngành nghề sản xuất kinh doanh chính của tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước và gói thầu này là của công ty con, công ty thành viên. - Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp với các nhà thầu tư vấn không cũng có cổ phần hoặc vốn góp trên 20% của một tổ chức, cá nhân khác với từng bên. Cụ thể như sau: + Tư vấn thẩm định giá: _____ [ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn (nếu có)]. + Tư vấn giám sát thực hiện hợp đồng, kiểm định: _____ [ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn (nếu có)]. + Tư vấn lập, thẩm định E - HSMT: _____ [ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn (nếu có)]. + Tư vấn định giá E - HSDT: _____ [ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn (nếu có)]. + Tư vấn thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu: _____ [ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn (nếu có)]. + Tư vấn quản lý dự án, quản lý hợp đồng, tư vấn khác mà các dịch vụ tư vấn này có phần công việc liên quan trực tiếp tới gói thầu: _____ [ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn (nếu có)]. Nhà thầu tham dự thầu không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý với nhà thầu tư vấn (đã nêu trên). Nhà thầu tham dự thầu không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý với Chủ đầu tư, bên mời thầu, trừ trường hợp nhà thầu là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan quản lý nhà nước có chức năng.

	nhệm vụ được giao phù hợp với tính chất gói thầu của cơ quan quản lý nhà nước đó. Trường hợp nhà thầu tham dự thầu với tư cách liên danh hoặc nhà thầu tư vấn được lựa chọn với tư cách liên danh, tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong liên danh được xác định theo công thức sau: $\text{Tỷ lệ sở hữu vốn} = \sum_{i=1}^n X_i \times Y_i$ Trong đó: X_i: Tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong thành viên liên danh thứ i; Y_i: Tỷ lệ phần trăm (%) khối lượng công việc của thành viên liên danh thứ i trong thỏa thuận liên danh; n: Số thành viên tham gia trong liên danh. Trường hợp uối đúng về bảo đảm cạnh tranh tại Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu chưa được quy định tại Mục này thì Chủ đầu tư quy định tại BDL của dự án phải tuân thủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.
CDNT 5.3.1	Tài liệu, thông tin chứng minh về tính hợp lệ của được lựa dự thầu: - Các thông tin phải phù hợp với thông tin về được lựa trong đơn hàng chấp thuận hoặc bản công bố nội chuẩn chất lượng được lựa hoặc Được chấp thuận hoặc giấy đăng ký lưu hành của được lựa do Bộ Y tế (Cơ quan Quản lý Y Dược có thẩm quyền Quản lý Dược) cấp. - Đối với trường hợp nội hàng tham dự thầu là được lựa nằm trong đơn hàng chấp thuận kết hoặc tự hoặc có giấy đăng ký lưu hành kết hoặc tự hoặc hết thời hạn gia hạn hoặc tự trước thời điểm được chấp thuận, nhà thầu cần cung cấp các tài liệu chứng minh được lựa được chấp thuận hoặc vẫn xuất trong thời hạn hiệu lực của đơn hàng chấp thuận hoặc giấy đăng ký lưu hành hoặc thời hạn gia hạn hoặc tự của giấy đăng ký lưu hành và được lựa đủ số lượng cung ứng theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu (tài liệu chứng minh về nguồn gốc, xuất xứ, thời hạn sử dụng xuất nhập khẩu hàng dự thầu và hóa đơn mua vào, bán ra tương ứng). - Đối với trường hợp giấy chứng nhận đáp ứng thực hành tốt vẫn xuất được lựa (GMP) hết hiệu lực trước thời điểm được chấp thuận, nhà thầu cần cung cấp các tài liệu chứng minh được lựa được vẫn xuất trong thời hạn hiệu lực của giấy chứng nhận GMP và được lựa đủ số lượng cung ứng theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu (hồ sơ thể hiện xuất nhập khẩu hàng dự thầu và hóa đơn mua vào, bán ra tương ứng).
CDNT 5.3.2	Tài liệu, thông tin chứng minh về tính hợp lệ của v) thuộc cơ quyền dự thầu:

	- Các thông tin phải phù hợp với thông tin về vị thuốc cổ truyền trong giấy đăng ký lưu hành hoặc đơn hàng nhập khẩu của vị thuốc cổ truyền được Bộ Y tế (Cục Quản lý Y, Dược cổ truyền/Cục Quản lý Dược) cấp. - Đối với trường hợp một hãng tham dự đấu là vị thuốc cổ truyền nằm trong đơn hàng nhập khẩu hết hiệu lực hoặc có giấy đăng ký lưu hành hết hiệu lực hoặc hết thời hạn giá hạn hiệu lực trước thời điểm đăng thầu, nhà thầu cần cung cấp các tài liệu chứng minh vị thuốc cổ truyền được sản xuất trong thời hạn hiệu lực của đơn hàng nhập khẩu hoặc giấy đăng ký lưu hành hoặc thời hạn giá hạn hiệu lực của giấy đăng ký lưu hành và đảm bảo đủ số lượng cung ứng theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu (tài liệu chứng minh về nguồn gốc, xuất xứ, thể thao thể hiện nước nhập tồn một hãng dự thầu và hóa đơn mua vào, bán ra tương ứng). - Đối với trường hợp giấy chứng nhận đáp ứng thực hành tốt sản xuất vị thuốc cổ truyền (GMP) hết hiệu lực trước thời điểm đăng thầu, nhà thầu cần cung cấp các tài liệu chứng minh vị thuốc cổ truyền được sản xuất trong thời hạn hiệu lực GMP và đảm bảo đủ số lượng cung ứng theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu (thể thao thể hiện nước nhập tồn một hãng dự thầu và hóa đơn mua vào, bán ra tương ứng).
CDNT 8.3	Hội nghị tiền đấu thầu: ____ [ghi "có" hoặc "không". Trường hợp "có" thì ghi rõ thời gian, địa điểm tổ chức hội nghị tiền đấu thầu, số điện thoại của người chịu trách nhiệm tổ chức hội nghị tiền đấu thầu]
CDNT 9	Chi phí nộp E - HSDT: ____ [thông tự trích xuất theo quy định hiện hành]
CDNT 11.8	Nhà thầu phải nộp cùng với E - HSDT các tài liệu sau đây: ____ [ghi tên các tài liệu cần thiết khác mà nhà thầu cần nộp cùng với E - HSDT theo yêu cầu trên cơ sở phù hợp với quy mô, tính chất của gói thầu và không làm hạn chế sự tham dự thầu của nhà thầu. Nếu không có yêu cầu thì phải ghi rõ là "không yêu cầu"]
CDNT 13.2	Các phần của gói thầu: Mỗi mặt hàng thuốc là một phần của gói thầu. Nhà thầu có thể tham gia một hoặc nhiều mặt hàng (phần gói thầu) thuốc trong gói thầu mà nhà thầu có khả năng cung cấp. Bên mời thầu đánh giá E - HSDT theo từng mặt hàng (phần gói thầu) mà nhà thầu tham dự, giá trị báo giá dự thầu là tổng giá trị báo giá dự thầu của từng mặt hàng mà nhà thầu tham dự.
CDNT 16.2	Các tài liệu để chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu: a) Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược. Trưng phạm vi kinh doanh phải ghi rõ sản xuất được liên, vị thuốc cổ truyền và/hoặc bán buôn dược liệu, vị thuốc cổ truyền. b) Thông tin về đáp ứng nguyên tắc, tiêu chuẩn thực hành tốt theo từng loại hình kinh doanh: - Đối với cơ sở nhập khẩu dược liệu, vị thuốc cổ truyền: Giấy chứng nhận đạt GSP (Thực hành tốt bán buôn thuốc), nguyên liệu làm thuốc, phạm vi bán buôn dược liệu, vị thuốc cổ truyền).

	- Đối với cơ sở sản xuất được hiệu, vị thuốc cổ truyền: Giấy chứng nhận đạt GACP (Thực hành tốt phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc, phân phối vi sản xuất được hiệu, vị thuốc cổ truyền). - Đối với cơ sở sản xuất được hiệu, vị thuốc cổ truyền: Giấy chứng nhận đạt GACP (Thực hành tốt sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc, phân phối vi sản xuất được hiệu, vị thuốc cổ truyền). - Đối với được hiệu đạt GACP: Giấy chứng nhận được hiệu đạt GACP. - Nhà thầu ghi đầy đủ thông tin theo quy định tại mẫu số 03 (Đa và 5b) của Biên bản dự thầu để phục vụ việc đánh giá về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu theo Mục 1, Phần 4, Phụ lục "Bảng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật". c) Thông báo trúng thầu hoặc Hợp đồng cung ứng được hiệu, vị thuốc cổ truyền hoặc hòa đơn bán được hiệu, vị thuốc cổ truyền cho các cơ sở y tế, cơ sở kinh doanh hoặc các tài liệu khác để chứng minh kinh nghiệm cung ứng được hiệu, vị thuốc cổ truyền đã đánh giá theo quy định tại Mục 3, Chương III "Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm". d) Các tài liệu nêu rõ nguồn gốc, xuất xứ của được hiệu, được hiệu làm nguyên liệu sản xuất vị thuốc cổ truyền bao gồm các tài liệu sau: - Các tài liệu chứng minh nguồn gốc, xuất xứ được hiệu, được hiệu làm nguyên liệu sản xuất vị thuốc cổ truyền theo quy định tại Điều 13 Thông tư số 38/2021/TT-BYT ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về chất lượng được hiệu, vị thuốc cổ truyền, thuốc cổ truyền. - Tài liệu chứng minh nhà thầu là đơn vị trực tiếp khai thác/muối tổng, thu hái, chế biến được hiệu, hoặc - Hòa đơn, chứng từ hợp lệ mua được hiệu từ các nhà cung cấp được Bộ Y tế hoặc Sở Y tế cấp giấy chứng nhận sản xuất, kinh doanh được hiệu, vị thuốc cổ truyền; hoặc - Hợp đồng hoặc hòa đơn với tổ chức, cá nhân khai thác/muối tổng, thu hái, chế biến được hiệu; hoặc - Hòa đơn chứng từ khác; Để đánh giá theo quy định tại Mục 4 Phần 4 Phụ lục Bảng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật; Các tài liệu do nhà thầu cung cấp khi tham dự thầu là cam kết có đúng đầu vào nhận của nhà thầu đồng thời nhà thầu phải chuẩn bị sẵn sàng các tài liệu gốc để phục vụ việc xác minh khi có yêu cầu của Ban mời thầu. Nhà thầu chịu trách nhiệm đối với các tài liệu cung cấp trong E - HSDT. Chủ đầu tư có thể yêu cầu bổ sung các tài liệu khác và chịu trách nhiệm giải trình đối với các tài liệu đó.
CDNT 17.1	Thời hạn hiệu lực của E - HSDT là ≥ ____ ngày (trích xuất theo ZEAT), kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.

CDNT 18.1	Nội dung báo đảm dự thầu: - Giá trị và đồng tiền báo đảm dự thầu: <i>(Xác định theo Mẫu số 09/Chương IV)</i> - Đối với nhà thầu có tên trong danh sách nhà thầu có các hình vi quy định tại khoản 1 Điều 18 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP và được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia phải thực hiện hoàn pháp báo đảm dự thầu với giá trị gấp 03 lần giá trị yêu cầu nêu trên trong thời hạn 02 năm kể từ lần cuối thực hiện các hình vi này. Trường hợp nhà thầu liên diện, thành viên liên danh có các hình vi quy định tại khoản 1 Điều 18 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP nêu trên phải thực hiện hoàn pháp báo đảm dự thầu với giá trị gấp 03 lần giá trị báo đảm dự thầu tương ứng với tỷ lệ giá trị công việc thành viên đó đảm nhận tương ứng, danh trong thời hạn 02 năm kể từ lần cuối công thực hiện hình vi này. - Thời gian có hiệu lực của báo đảm dự thầu: <i>(Hội đồng tích xuất từ TBA47)</i> <i>(Trường hợp gói thầu được chia làm nhiều phần thì phải nêu rõ giá trị báo đảm dự thầu của từng phần)</i>
CDNT 18.4	Thời gian hoàn trả hoặc giải tài báo đảm dự thầu đối với nhà thầu không được lựa chọn: ____ ngày, kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu được phê duyệt (gồm cả thời số ngày nhưng không quá 14 ngày kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu được phê duyệt).
CDNT 18.9	Tỷ lệ báo đảm dự thầu: ____ <i>(Trường hợp nhà thầu nộp trung dự dạng lực chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, chủ đầu tư ghi tỷ lệ % giá dự thầu sau giảm giá (nếu có) để xác định giá trị báo đảm dự thầu của nhà thầu phải thực hiện. Trường hợp không áp dụng mức nộp trung dự dạng lực chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, ghi “Không áp dụng”).</i>
CDNT 27.3	Giá trị số đã định cho nhà thầu phải ____ giá dự thầu của nhà thầu <i>(Xác định theo quy mô, nội chất gói thầu, Chủ đầu tư ghi tỷ lệ %).</i>
CDNT 28.3	Cách tính ưu đãi: vi Ưu đãi đối với được liệu, vi thuốc có truyền có xuất xứ Việt Nam có tỷ lệ chi phí sản xuất trong nước dưới 50% và không có được liệu, vi thuốc có truyền sản có chi phí sản xuất trong nước từ 50% trở lên được xác định như sau: - Trường hợp áp dụng phương pháp giá thấp nhất, được liệu, vi thuốc có truyền không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi phải cộng thêm một khoản tiền bằng 7,5% giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của được liệu, vi thuốc có truyền đó vào giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của nhà thầu để so sánh, xếp hạng; - Trường hợp áp dụng phương pháp giá đánh giá, được liệu, vi thuốc có truyền không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi phải cộng thêm một khoản tiền bằng 7,5% giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của được liệu, vi thuốc có truyền đó vào giá đánh giá của nhà thầu để so sánh, xếp hạng.

- Đối với các trường hợp quy định tại các điểm trên, nhà thầu chào được liệu, vị thuốc cổ truyền có xuất xứ Việt Nam có tỷ lệ chi phí sản xuất trong nước dưới 50% mà cơ sở sản xuất có từ 50% lao động là người khuyết tật, thương binh, dân tộc thiểu số có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên và đến thời điểm đóng thầu hợp đồng vẫn còn hiệu lực thì được hưởng hệ số ưu đãi 10% thay cho hệ số ưu đãi 7,5%.

h). Ưu đãi đối với dược liệu, vị thuốc cổ truyền có xuất xứ Việt Nam có tỷ lệ chi phí sản xuất trong nước từ 50% trở lên được xác định như sau:

- Trường hợp áp dụng phương pháp giá thấp nhất, dược liệu, vị thuốc cổ truyền không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi phải cộng thêm một khoản tiền bằng 10% giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của dược liệu, vị thuốc cổ truyền đó vào giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của nhà thầu để so sánh, xếp hạng; dược liệu, vị thuốc cổ truyền thuộc đối tượng ưu đãi mà có tỷ lệ chi phí sản xuất trong nước dưới 50% phải cộng thêm một khoản tiền bằng 2,5% giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của dược liệu, vị thuốc cổ truyền đó vào giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của nhà thầu để so sánh, xếp hạng; dược liệu, vị thuốc cổ truyền có xuất xứ Việt Nam có tỷ lệ chi phí sản xuất trong nước dưới 50% mà cơ sở sản xuất có từ 50% lao động là người khuyết tật, thương binh, dân tộc thiểu số có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên và đến thời điểm đóng thầu hợp đồng vẫn còn hiệu lực thì không phải cộng thêm tiền vào giá dự thầu của nhà thầu để so sánh, xếp hạng;

- Trường hợp áp dụng phương pháp giá đánh giá, dược liệu, vị thuốc cổ truyền không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi phải cộng thêm một khoản tiền bằng 10% giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của dược liệu, vị thuốc cổ truyền đó vào giá đánh giá của nhà thầu để so sánh, xếp hạng; dược liệu, vị thuốc cổ truyền thuộc đối tượng ưu đãi mà có tỷ lệ chi phí sản xuất trong nước dưới 50% phải cộng thêm một khoản tiền bằng 2,5% giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của dược liệu, vị thuốc cổ truyền đó vào giá đánh giá của nhà thầu để so sánh, xếp hạng; dược liệu, vị thuốc cổ truyền có xuất xứ Việt Nam có tỷ lệ chi phí sản xuất trong nước dưới 50% mà cơ sở sản xuất có từ 50% lao động là người khuyết tật, thương binh, dân tộc thiểu số có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên và đến thời điểm đóng thầu hợp đồng vẫn còn hiệu lực thì không phải cộng thêm tiền vào giá đánh giá của nhà thầu để so sánh, xếp hạng;

- Đối với các trường hợp quy định tại các điểm trên, nhà thầu chào được liệu, vị thuốc cổ truyền có xuất xứ Việt Nam có tỷ lệ chi phí sản xuất trong nước từ 50% trở lên mà cơ sở sản xuất có từ 50% lao động là

	người khuyết tật, thương binh, dân tộc thiểu số có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 90 tháng trở lên, đến thời điểm đóng thầu hợp đồng vẫn còn hiệu lực thì được hưởng lệ số ưu đãi 12% thay cho hệ số ưu đãi 10%.
CDNT 28.5	Ưu đãi: <i>[ghi nội dung về ưu đãi quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu (nếu có)].</i>
CDNT 29.1	Phương pháp đánh giá E - HSDT là: a) Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm: sử dụng tiêu chí đạt/không đạt; b) Đánh giá về kỹ thuật: áp dụng phương pháp chấm điểm; c) Đánh giá về giá: <i>[ghi cụ thể phương pháp đánh giá về giá, đến nơi thầu của các gói thầu, tính chất của gói thầu mà áp dụng phương pháp giá thấp nhất hoặc phương pháp giá đánh giá cho phù hợp với yêu cầu đánh giá quy định tại Mục 4 Chương III - Nội chuẩn đánh giá E - HSDT].</i> Đối với mua sắm tập trung áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, Hệ thống trích xuất phương pháp giá thấp nhất.
CDNT 29.5	Nếp hàng nhà thầu: <i>[Hệ thống trích xuất khi chọn phương pháp đánh giá tại Mục 29.1 CDNT như sau:</i> - Chọn phương pháp giá thấp nhất thì trích xuất: "nhà thầu có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất"; - Chọn phương pháp giá đánh giá thì trích xuất: "nhà thầu có giá đánh giá thấp nhất được xếp hạng thứ nhất".
CDNT 31.4	Đối với gói thầu được chia làm nhiều phần (lô), việc đánh giá E - HSDT và xét duyệt trúng thầu sẽ được thực hiện trên cơ sở báo đảm. <i>[Hệ thống trích xuất khi chọn phương pháp đánh giá tại Mục 29.1 như sau:</i> - Chọn phương pháp giá thấp nhất thì trích xuất: giá đề nghị trúng thầu của mỗi phần trong gói thầu là thấp nhất và giá đề nghị trúng thầu của phần đó không vượt giá trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã được phê duyệt. Trường hợp có một phần hoặc nhiều phần thuộc gói thầu không có nhà thầu tham gia đấu thầu hoặc không có nhà thầu đáp ứng yêu cầu nêu trong E - HSDT, Chủ đầu tư báo cáo Người có thẩm quyền để điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu của gói thầu theo hướng tách các phần đó thành gói thầu riêng với gói gói thầu là tổng chi phí ước tính tương ứng của các phần; việc lựa chọn nhà thầu đối với các phần có nhà thầu tham gia và được đánh giá đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật vẫn phải báo đảm nguyên tắc đánh giá như trên. Trường hợp một nhà thầu trúng thầu tại cả các phần thì gói thầu có một hợp đồng. Trường hợp nhiều nhà thầu trúng thầu các phần khác nhau từ gói thầu có nhiều hợp đồng. - Chọn phương pháp giá đánh giá thì trích xuất: giá đánh giá của mỗi phần trong gói thầu là thấp nhất và giá đề nghị trúng thầu của phần đó không vượt giá trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã được phê duyệt.

	Trường hợp có một phần hoặc nhiều phần thuộc gói thầu không có nhà thầu tham gia đấu thầu hoặc không có nhà thầu đáp ứng yêu cầu nêu trong E - HSMT, Chủ đầu tư báo cáo Người có thẩm quyền để điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu của gói thầu theo hướng tích các phần đã thành gói thầu riêng với giá gói thầu là tổng chi phí ước tính tương ứng của các phần; việc lựa chọn nhà thầu đối với các phần có nhà thầu tham gia và được đoàn giá đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật vẫn phải tuân thủ nguyên tắc đánh giá như trên; Trường hợp một nhà thầu trúng thầu tất cả các phần thì gói thầu có một hợp đồng. Trường hợp nhiều nhà thầu trúng thầu các phần khác nhau thì gói thầu có nhiều hợp đồng. Đối với trường hợp mua sắm tập trung áp dụng lựa chọn nhà thầu theo thủ tục công khai, [Hội đồng tích xuất như sau: "các nhà thầu có giá dự thầu của gói thầu dự thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu và được hưởng lợi ích mà các nhà thầu trúng thầu chào thầu bằng số lượng hàng hóa nêu trong E - HSMT"]
CDNT 34.1	Tỷ lệ tăng số lượng tối đa là: [gói tỷ lệ % nhưng không vượt 10%]; Tỷ lệ giảm số lượng tối đa là: [gói tỷ lệ % nhưng không vượt 10%].
CDNT 34.2	- Tỷ lệ chọn mua thêm: _____ [gói "có áp dụng" hoặc "không áp dụng" theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt. Trường hợp "có áp dụng" thì ghi rõ tỷ lệ của khối lượng mua thêm nhưng không vượt quá 10% của khối lượng hợp mục thuộc chương nêu trong Chương IV]; - Tỷ lệ tỷ chọn mua thêm tối đa là: _____ [gói tỷ lệ %].
CDNT 38	- Người có thẩm quyền: _____ [ghi đầy đủ tên người có thẩm quyền]; + Địa chỉ: _____ [ghi đầy đủ tên, địa chỉ, số điện thoại, số fax, email của người có thẩm quyền]; + E-mail: _____ [ghi rõ Email của người có thẩm quyền để nhận đơn khiếu nại của nhà thầu]; - Bộ phận thường trực giúp việc Chủ tịch Hội đồng tư vấn: + Địa chỉ: _____ [ghi đầy đủ tên, địa chỉ, số điện thoại, số fax, email của Bộ phận thường trực giúp việc Chủ tịch Hội đồng tư vấn]; + E-mail: _____ [ghi rõ Email của bộ phận thường trực giúp việc Chủ tịch Hội đồng tư vấn để nhận đơn khiếu nại của nhà thầu].
CDNT 39	Địa chỉ của tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ theo dõi, giám sát: _____ [ghi đầy đủ tên, địa chỉ, số điện thoại, số fax của tổ chức, cá nhân được Người có thẩm quyền giao nhiệm vụ thực hiện theo dõi, giám sát quá trình lựa chọn nhà thầu của gói thầu này (nếu có)].

Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ E - HSDT

Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của E - HSDT

E - HSDT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

a) Cơ sở pháp lý dự thầu không vi phạm một trong các trường hợp quy định tại Mục 18.3 CDNT. Thư báo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký xác, đóng dấu (chấn cổ) với giá trị bảo lãnh, thời hạn có hiệu lực và đơn vị thụ hưởng theo yêu cầu của E - HSDT (đối với bảo lãnh dự thầu điện tử thì phải được ký số). Thư báo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh không được ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E - HSDT, không được kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư. Bên mời thầu (trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết theo quy định tại Mẫu số 04A, 04B Chương IV). Đối với bảo lãnh dự thầu hoặc chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy, trường hợp có sự sai khác giữa thông tin về bảo đảm dự thầu mà nhà thầu kê khai trên Hệ thống và thông tin trong file quét (scan) thư báo lãnh đính kèm thì căn cứ vào thông tin trong file quét (scan) thư báo lãnh dự thầu để đánh giá. Đối với nội dung liên danh, các thành viên liên danh phải sử dụng cùng thể thức báo lãnh dự thầu, bảo lãnh dự thầu điện tử hoặc bằng giấy. Đối với gói thầu có giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 20 triệu đồng, nhà thầu có cam kết trong đơn dự thầu theo quy định tại Mục 18.3 CDNT.

b) Trong trường hợp liên danh thì thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện theo Mẫu số 03 Chương IV - Biểu mẫu dự thầu. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu quy định tại Mẫu số 05 Chương IV; không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này.

c) Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 4 CDNT.

d) Mọi hàng được liệt kê, vị thuốc có truyền hóa đơn tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 5 CDNT.

e) Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (kỹ kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhất sự thực hiện hành vi vi phạm) bị tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích che giấu nhà thầu đó trúng thầu.

Nhà thầu có E - HSDT hợp lệ được xem xét, đánh giá bước tiếp theo.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

Đối với nhà thầu liên danh thì năng lực, kinh nghiệm được xác định bằng tổng năng lực, kinh nghiệm của các thành viên liên danh song phải bảo đảm từng thành viên liên danh phải đáp ứng tư cách hợp lệ của nhà thầu đối với gói thầu mà nhà thầu liên danh tham dự; đồng thời đáp ứng năng lực, kinh nghiệm đối với phần việc mà thành viên đó đảm nhận trong liên danh, nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh không đáp ứng tư cách hợp lệ nhà thầu và không đáp ứng về năng lực, kinh nghiệm đối với phần việc mà thành viên đó đảm nhận trong liên danh thì nhà thầu liên danh được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu.

Đối với gói thầu cấu thành nhiều phần độc lập, năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu sẽ được đánh giá tương ứng với từng các phần mở nhà thầu dựa dự thầu trong gói thầu.

Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá I - HSDT của nhà thầu chính (trừ trường hợp E - HSDMT quy định được phép sử dụng nhà thầu phụ đặc biệt). Nhà thầu nhà thầu chính phải đáp ứng các tiêu chí về năng lực và kinh nghiệm (không xét đến năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ).

Trường hợp gói thầu không áp dụng sơ tuyển thì việc đánh giá về năng lực và kinh nghiệm được thực hiện theo các tiêu chuẩn đánh giá quy định tại Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm dưới đây. Căn cứ và quy mô, tính chất của gói thầu và định hình thực tế của ngành, địa phương để quy định cho phù hợp, đảm bảo mục tiêu đầu thầu cạnh tranh công bằng, minh bạch, hiệu quả kinh tế và không vi phạm các hành vi bị cấm trong đấu thầu và các quy định hiện hành có liên quan. Nhà thầu được đánh giá là đạt về năng lực và kinh nghiệm khi đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn đánh giá.

Bản mời thầu không được bổ sung thêm các tiêu chí đánh giá về năng lực và kinh nghiệm đã quy định tại Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm dưới đây gây hạn chế nhà thầu tham dự.

2.1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

Việc đánh giá về năng lực và kinh nghiệm được thực hiện theo Bảng tiêu chuẩn dưới đây:

BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu của bản thầu			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Tổng thành viên liên danh	
1	Lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu	Từ ngày 01 tháng 01 năm ⁽¹⁾ đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có hợp đồng không hoàn thành do lỗi của nhà thầu ⁽²⁾ .	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 16
2	Thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế	Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế ⁽¹⁾ của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Cam kết trong đơn dự thầu
3	Năng lực tài chính					



3.1	Kết quả hoạt động tài chính	Nộp báo cáo tài chính từ năm ____ đến năm ____ ⁽¹⁾ để chứng minh tính lành tài chính lành mạnh của nhà thầu. Giá trị tài sản ròng của nhà thầu trong năm gần nhất phải dương (+).	Phải đáp ứng yêu cầu này	Không áp dụng	Phải đáp ứng yêu cầu này	Báo cáo tài chính
3.2	Đánh giá từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	Đánh giá của ít nhất 01 trong ____ ⁽²⁾ năm gần đây phải đạt tiêu chuẩn là ____ ⁽³⁾ VND	Phải đáp ứng yêu cầu này	Phải đáp ứng yêu cầu này	Phải đáp ứng yêu cầu (tương đương với phần công việc đảm nhận)	Mẫu số 09
4	Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp được liệt kê thuộc cơ truyền trong dự	Số lượng hợp đồng tương tự ⁽¹⁾ mà nhà thầu đã hoàn thành với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) hoặc nhà thầu phụ ⁽²⁾ trong vòng ____ ⁽³⁾ năm trở lại đây (tính đến thời điểm đóng thầu): ____ hợp đồng. ⁽¹⁾⁽²⁾	Phải đáp ứng yêu cầu này	Phải đáp ứng yêu cầu này	Phải đáp ứng yêu cầu (tương đương với phần công việc đảm nhận)	Mẫu số 08 (a, b)

Giải thích:

(1) Ghi thời gian yêu cầu, thông thường từ 03 đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Ví dụ: từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến thời điểm đóng thầu.

(2) Hợp đồng cung cấp không hoàn thành do lỗi của nhà thầu bao gồm:

- Hợp đồng cung cấp bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành và nhà thầu không phản đối.

- Hợp đồng cung cấp bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành, không được nhà thầu chấp thuận nhưng đã được trọng tài hoặc tòa án kết luận theo hướng bất lợi cho nhà thầu.

Các hợp đồng cung cấp không hoàn thành không bao gồm các hợp đồng mà quyết định của Chủ đầu tư đã bị bác bỏ bằng cơ chế giải quyết tranh chấp. Việc xác định hợp đồng không hoàn thành phải dựa trên tất cả những bằng tin về tranh chấp hoặc kiện tụng được giải quyết theo quy định của cơ chế giải quyết tranh chấp của hợp đồng trong ứng và khi

mà nhà thầu đã hết tất cả các cơ hội có thể kiếm lời. Đối với các hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của nhà thầu nhưng vẫn hoàn thành hợp đồng thì không được coi là hợp đồng không hoàn thành.

Đối với nhà thầu liên danh mà chỉ có thành viên trong liên danh vi phạm và bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 125 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP, vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 131 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP thì thành viên liên danh còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu.

(3) Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (tính thu nhập có liên quan với nhà thầu là hệ kinh doanh) của năm có tính gần nhất so với thời điểm đóng thầu (đối với trường hợp Hệ thống chưa cấp nhật bằng tin về nghĩa vụ nộp thuế) để đối chiếu khi được mời vào đối chiếu tài liệu. Người vụ nộp thuế là nộp thuế với giá trị thuế tương ứng với thuế suất, thu nhập chịu thuế, doanh thu tính thuế nhà thầu bị khai trên Hệ thống thuế điện tử (nộp thuế đã nộp tương ứng với số thuế phải nộp), trường hợp được chấp nhận nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế theo chính sách của Nhà nước thì thực hiện theo quy định này. Trường hợp Hệ thống chưa trích xuất tự động bằng tin về nghĩa vụ nộp thuế của nhà thầu từ nhà thầu nộp các tài liệu như sau:

- Tổ khai thuế thuộc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hệ kinh doanh và Giấy nộp tiền có xác nhận của cơ quan thuế được in từ Hệ thống thuế điện tử hoặc;

- Tổ khai thuế thuộc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hệ kinh doanh và xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế.

Trường hợp E - HSMT được phát hành sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 1 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế dự định đối với năm tài chính trước năm Y (năm Y-1) (Ví dụ, ngày phát hành E - HSMT là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu là 01/01 – 31/12 thì nhà thầu phải chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm 2022).

(4) Các số năm yêu cầu, thông thường là 02 năm trước năm có thời điểm đóng thầu (Ví dụ: là năm 2021 đến năm 2024. Trong trường hợp này, nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2021, 2022, 2023, 2024). Trường hợp nhà thầu mới thành lập, chưa đủ số năm hoạt động theo yêu cầu thì được phép nộp báo cáo tài chính chứng minh tình hình tài chính kinh doanh trong khoảng thời gian hoạt động kể từ khi thành lập tính đến thời điểm đóng thầu (Ví dụ: khi sơ một nhà thầu yêu cầu báo cáo tài chính từ năm 2021 đến năm 2023. Trường hợp nhà thầu thành lập ngày 15/5/2021, nhà thầu nộp báo cáo tài chính năm 2022 và 2023).

(5) Các số năm phải nộp với số năm yêu cầu nộp báo cáo tài chính tại tiêu chí 3.1. Mục 1 Bảng này.

(6) Cách tính toán thông thường về mức yêu cầu doanh thu tối thiểu:

a) Giá của tài liệu về mức doanh thu tối thiểu mỗi năm = (Giá của phần trong gói thầu/chỉ giá thực hiện hợp đồng theo năm) x k. Thông thường yêu cầu hệ số k trong công thức này là từ 1 đến 1,5.

b) Trường hợp thời gian thực hiện hợp đồng dưới 12 tháng thì cách tính doanh thu như sau:

Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu tối thiểu một năm = (Giá của phần trong gói thầu x k.

Thông thường yêu cầu hệ số k trong công thức này là 1.

Giao tổng phần trong gói thầu là giá để hoạch lập chọn nhà thầu của từng phần trong gói thầu đã được phê duyệt. Đơn vị tổ chức đấu thầu phải tiến hành công bố giá để hoạch lập chọn nhà thầu của từng phần trong gói thầu.

Đối với trường hợp nhà thầu liên danh, việc đánh giá dựa chuẩn về doanh thu của từng thành viên liên danh cần có văn giải trình, thời lượng dự kiến hoàn việc liên danh.

Đối với gói thầu mua sắm tập trung áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khu vực vùng cấp, doanh thu được xác định tương ứng với gói dự thầu. Trong trường hợp này, chủ đầu tư cần nêu cụ thể tỷ lệ số %.

(7) Hợp đồng cung cấp được liệt kê thuộc có truyền tương tự:

- Nhà thầu được quyền cung cấp các hợp đồng cung cấp được liệt kê thuộc có truyền hoặc lâu dài hơn hạn kỳ theo doanh mục được liệt kê thuộc có truyền đã cung cấp cho các cơ sở khám chữa bệnh hoặc các cơ sở kinh doanh được liệt kê thuộc có truyền để chứng minh kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp được liệt kê thuộc có truyền tương tự về quy mô với phần trong gói thầu mà nhà thầu được dự.

Lưu ý:

- Không bắt buộc nhà thầu chỉ được chứng minh bằng các hợp đồng cung cấp được liệt kê thuộc có truyền cho các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

- Một bằng được liệt kê thuộc có truyền tại hợp đồng tương tự không bắt buộc là một bằng thuộc dự thầu.

- Tương tự về quy mô: Được xác định bằng tổng các hợp đồng cung cấp được liệt kê thuộc có truyền tương tự đã thầu bằng 70% giá trị các gói hàng của các phần trong gói thầu mà nhà thầu được dự. Đối với các gói thầu có tính chất đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế, có thể lấy câu giá trị của hợp đồng tương đương 50% đến 70% giá trị của các phần trong gói thầu mà nhà thầu được dự.

- Đối với quy định về số lượng tối thiểu các hợp đồng tương tự trong số năm quy định tại tiêu chí về Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp được liệt kê thuộc có truyền tương tự, nhà thầu được cung cấp các hợp đồng tương tự trong thời gian quy định thời điểm đến điểm đóng thầu không bắt buộc năm nào cũng phải có đủ số lượng các hợp đồng tương tự theo yêu cầu.

Ví dụ: Hồ sơ mời thầu yêu cầu "Số lượng hợp đồng tương tự mà nhà thầu đã hoàn thành với tư cách là nhà thầu chính cấp (lập hoặc thành viên liên danh hoặc nhà thầu phụ trong vòng 03 năm trở lại đây tính đến thời điểm đóng thầu): 02 hợp đồng". Nhà thầu được cung cấp đủ 02 hợp đồng tương tự đáp ứng yêu cầu trong vòng 3 năm tính đến thời điểm đóng thầu, không có hoặc năm nào cũng phải có đủ 02 các hợp đồng tương tự đáp ứng yêu cầu trong 3 năm liền tính đến thời điểm đóng thầu.

(8) Với các hợp đồng mà nhà thầu đã tham gia với tư cách là thành viên liên danh hoặc nhà thầu phụ thì chỉ tính giá trị phần việc do nhà thầu thực hiện.

(9) Giới số năm phải hợp với số năm yêu cầu về doanh thu bình quân hàng năm từ hoạt động sản xuất, kinh doanh tại tiêu chí 1.2 bằng vậy (thông thường từ 3 đến 5 năm). Trong một số trường hợp có thể quy định 1-2 năm để lấy làm khách sạn tham gia của các nhà thầu mới thành lập.

(10) Căn cứ vào quy mô, tính chất của gói thầu và tình hình thực tế của người, địa phương để quy định cho phù hợp (thông thường từ 01 đến 03 hợp đồng).

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

3.1. Phương pháp đánh giá:

Việc đánh giá về kỹ thuật áp dụng phương pháp chấm điểm để đánh giá với thang điểm tối đa là 100, cụ thể như sau:

a) Chất lượng được liệt, vị thuốc cổ truyền: 80% tổng số điểm (80 điểm).

b) Đóng gói, bảo quản, giao hàng: 20% tổng số điểm (20 điểm).

c) Hồ sơ đề xuất về kỹ thuật được đánh giá đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi đáp ứng đủ các yếu cầu sau:

- Điểm của từng tiêu chí tại yêu cầu về chất lượng được liệt, vị thuốc cổ truyền và về đóng gói, bảo quản, giao hàng không thấp hơn 60% điểm tối đa tiêu chí đó.

- Tổng điểm của tất cả các tiêu chí đánh giá về mặt kỹ thuật không thấp hơn 80% tổng số điểm.

3.2. Bảng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật tại Phần 4 Phụ lục ban hành kèm hồ sơ mời thầu này.

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về giá

Căn cứ tính chất, quy mô của từng gói thầu cụ thể mà lựa chọn một trong hai phương pháp dưới đây để lựa chọn:

4.1. Phương pháp giá thấp nhất:

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu;

Bước 2. Sửa lỗi (thực hiện theo quy định tại phần Ghi chú (1));

Bước 3. Hiệu chỉnh sai lệch (thực hiện theo quy định tại phần Ghi chú (2));

Bước 4. Xác định giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá (nếu có);

Bước 5. Xác định giá trị ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 5.1 CĐNT;

Bước 6. Xếp hạng nhà thầu:

B - HSDT có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá (nếu có) và cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

4.2. Phương pháp giá đánh giá:

Cách xác định giá đánh giá theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu;

Bước 2. Sửa lỗi (thực hiện theo quy định tại phần Ghi chú (1));

Bước 3. Hiệu chỉnh sai lệch (thực hiện theo quy định tại phần Ghi chú (2));

Bước 4. Xác định giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá (nếu có);

Bước 5. Xác định giá đánh giá;

Việc xác định giá đánh giá được thực hiện theo công thức sau đây:

$$GBC = G + \Delta G + (\Delta UD)$$



Trong đó:

- G = (giá dự thầu + giá trị rủi ro ± giá trị hiệu chỉnh sai lệch) - giá trị giảm giá (nếu có);
- ΔG là giá trị các yếu tố được quy về một mặt bằng cho cả vòng đời sử dụng của được liệt, ví thuộc cổ truyền bao gồm:
 - + Chi phí lãi vay (nếu có);
 - + Tiến độ;
 - + Chất lượng (hiệu quả điều trị);
 - + Kiểu xử;
 - + Các yếu tố khác (nếu có).
- ΔITP là giá trị phải cộng thêm đối với đối tượng không được hưởng ưu đãi theo quy định tại Mục 31 CDNT (nếu có).

Bước 6. Xếp hạng nhà thầu E - HSDT có giá đánh giá thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Mục 5. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập

Đề gói thầu được liệt/vị thuộc cổ truyền được chia thành nhiều phần độc lập theo quy định tại Mục 32.6 CDNT thì thực hiện như sau:

5.1. Trong E - HSDT phải nêu rõ điều kiện chào thầu, biện pháp và giá trị bảo đảm dự thầu cho từng phần; tiêu chuẩn và phương pháp đánh giá đối với từng phần để các nhà thầu tính toán phương án chào thầu theo khả năng của mình;

5.2. Việc đánh giá E - HSDT và xét duyệt trúng thầu sẽ được thực hiện trên cơ sở bảo đảm giá đề nghị trúng thầu của từng phần là thấp nhất (đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá thấp nhất); giá đánh giá của từng phần trong gói thầu là thấp nhất (đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá đánh giá) và giá đề nghị trúng thầu của cả gói thầu không vượt giá gói thầu được duyệt.

5.3. Trường hợp có một phần hoặc nhiều phần thuộc gói thầu không có nhà thầu tham gia đấu thầu hoặc không có nhà thầu đáp ứng yêu cầu nêu trong E - HSDT, Chủ đầu tư báo cáo Người có thẩm quyền để điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu của gói thầu theo hướng tách các phần đó thành gói thầu riêng với giá gói thầu là tổng chi phí ước tính tương ứng của các phần; việc lựa chọn nhà thầu đối với các phần có nhà thầu tham gia và được đánh giá đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật vẫn phải bảo đảm nguyên tắc đánh giá theo quy định tại khoản 2 Mục này;

5.4. Trường hợp một nhà thầu trúng thầu tất cả các phần thì gói thầu có một hợp đồng. Trường hợp nhiều nhà thầu trúng thầu các phần khác nhau thì gói thầu có nhiều hợp đồng.

Chương IV. BIỂU MẪU MỜI THẦU VÀ DỰ THẦU

STT	Biểu mẫu	Cách thực hiện	Trách nhiệm thực hiện		Văn bản pháp lý quy định
			Bên mời thầu	Nhà thầu	
1	Mẫu số 00. Bảng phạm vi cung cấp, tiến độ cung cấp và yêu cầu kỹ thuật của được lựa/vị thuộc cổ tuyển	Webinar	X		Thực hiện theo quy định tại Pháp lệnh này
2	Mẫu số 01. Đơn dự thầu			X	
3	Mẫu số 03. Thỏa thuận liên danh			X	
4	Mẫu số 05. Bảng giá dự thầu			X	
5	Mẫu số 02. Giấy ủy quyền	Scan đính kèm lên Hệ thống		X	
6	Mẫu số 04(a). Báo lệnh dự thầu (áp dụng trong trường hợp nhà thầu độc lập)			X	
7	Mẫu số 04(b). Báo lệnh dự thầu (áp dụng trong trường hợp nhà thầu liên danh)			X	
8	Mẫu số 06(a). Bảng kê khai chi phí sản xuất trong nước đối với được lựa/vị thuộc cổ tuyển được hưởng ưu đãi	Webinar		X	
				X	
				X	
9	Mẫu số 06(b). Bảng thuyết minh chi phí sản xuất trong nước trong cơ cấu giá			X	
10	Mẫu số 07(a). Bản kê khai thông tin về nhà thầu			X	
11	Mẫu số 07(b). Bản kê khai thông tin về các thành viên của nhà thầu liên danh			X	
12	Mẫu số 08(a). Bảng tổng hợp hợp đồng trong tự do nhà thầu thực hiện			X	
13	Mẫu số 08(b). Hợp đồng trong tự do nhà thầu thực hiện			X	



14	Mẫu số 09. Tình hình tài chính của nhà thầu		X	
15	Mẫu số 10. Nguồn lực tài chính		X	
16	Mẫu số 11. Nguồn lực tài chính hàng tháng cho các hợp đồng đang thực hiện		X	
17	Mẫu số 12. Phạm vi công việc và dụng nhà thầu phụ		X	
18	Mẫu số 16. Hợp đồng cung cấp không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ		X	

Mẫu số 09 (webform trên Hệ thống)

BẢNG PHẠM VI CUNG CẤP, TIỀN ĐỘ CUNG CẤP VÀ YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT CỦA DƯỢC LIỆU/VỊ THUỐC CỔ TRUYỀN
(Dành cho Bên một đầu)

1. Đối với gói thảo dược liệu:

STT	Tên dược liệu	Tên khoa học	Bộ phận dùng	Dạng sơ chế (*)	Tiêu chuẩn chất lượng	Phân Nhóm	Nguồn gốc (**)	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch	Tiền độ cung cấp	Giá trị báo đảm dự thảo
1												
2												
...												

* Dạng sơ chế: Mô tả hình thức của dược liệu để nghỉ cung cấp (Dạng sấy cắt khúc, Dạng sấy thái phiến...)

** Nguồn gốc: Ghi cụ thể nước xuất xứ của dược liệu.

2. Đối với gói thảo vị thuốc cổ truyền:

STT	Tên vị thuốc cổ truyền	Bộ phận dùng	Tên khoa học	Phương pháp chế biến (*)	Tiêu chuẩn chất lượng	Phân Nhóm	Nguồn gốc (**)	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch	Tiền độ cung cấp	Giá trị báo đảm dự thảo
1												
2												
...												

* Phương pháp chế biến: Mô tả hình thức và phương pháp chế biến ghi theo Thông tư 10/2017/TT-BYT.

** Nguồn gốc: Ghi cụ thể nước xuất xứ của dược liệu từ nguyên liệu nên xuất vị thuốc cổ truyền.

ĐƠN DỰ THẦU⁽¹⁾

Ngày: ____/____/____ (Hệ thống tự động trích xuất)

Tên gói thầu: ____ (Hệ thống tự động trích xuất)

Kính gửi: ____ (Hệ thống tự động trích xuất)

Sau khi nghiên cứu E - HSMT, chúng tôi:

Tên nhà thầu: ____ (Hệ thống tự động trích xuất) cam kết thực hiện gói thầu ____ (Hệ thống tự động trích xuất) số THMT: ____ (Hệ thống tự động trích xuất) theo đúng yêu cầu nêu trong E - HSMT với giá dự thầu (tổng số tiền) là ____ (Hệ thống tự động trích xuất) cùng với các bằng chứng hợp giá dự thầu kèm theo.

Ngoài ra, chúng tôi tự nguyện giảm giá dự thầu với tỷ lệ phần trăm giảm giá là ____ (Hệ thống tự động trích xuất) gồm gồm, nêu rõ).

Giá dự thầu của khi trừ đi giá trị giảm giá là ____ (Hệ thống tự động trích xuất) (đã bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có)).

Hợp lệ của E - HSDT⁽²⁾: ____ (Hệ thống tự động trích xuất)

Bảo đảm dự thầu: ____ (ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đóng tiền của bên đơn dự thầu)

Hợp lệ của Bảo đảm dự thầu: ____ (ghi rõ giao nhận hợp lệ từ ngày đóng thầu)

Chúng tôi cam kết:

1. Không đang trong quá trình thực hiện, thi công giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản (không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với nhà thầu là hộ kinh doanh).
2. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.
3. Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.
4. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu. Từ ngày 01 tháng 01 năm ____ (ghi theo văn quy nêu tại TT 1 - Dạng yêu cầu được ghi về nghĩa vụ và kinh nghiệm (đóng số 01) đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có hợp đồng cung cấp thuốc không hoàn thành đủ số của nhà thầu.
5. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự (chủ bộ không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp nhà thầu là hộ kinh doanh).
6. Không thực hiện các hành vi theo những, lỗi bị, đóng thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này.
7. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (có cả hợp đồng lao động với nhà thầu và thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị xử án lần đầu có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hành vi nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu(3).
8. Những thông tin kê khai trong E-HSDT là trung thực.
9. Trường hợp trúng thầu, E-HSDT và các văn bản bổ sung, làm rõ E-HSDT tạo thành cơ sở để thực hiện hoặc trách nhiệm giữa hai bên cho tới khi hợp đồng được ký kết.
10. Nếu E-HSDT của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện theo pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của E-HSMT.
11. Có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện gói thầu(4).

12. Trường hợp chứng từ không nộp bản gốc báo đảm dự thầu theo yêu cầu của Chủ đầu tư, Bên mời thầu quy định tại Mục 18.5 CDNT, trong trường hợp giá trị báo đảm dự thầu nhỏ hơn 20 triệu đồng, không nộp tiền mặt, séc bảo chi, thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm hỏa hoạn theo quy định tại Mục 18.8 CDNT thì chứng từ sẽ bị nêu tên vào Hệ thống và tài khoản của chứng từ sẽ bị khóa trong vòng 06 tháng kể từ ngày Cục Quản lý đấu thầu, Bộ Kế hoạch và Đầu tư nhận được văn bản đề nghị của Chủ đầu tư.

Ghi chú:

- (1) Bên dự thầu được tự động chấp ký số của nhà đầu tư nếu nộp E-ESMT qua mạng.
- (2) Trong trường hợp giá trị báo đảm dự thầu nhỏ hơn 20 triệu đồng thì không áp dụng nội dung này.
- (3) E-ESMT không được yêu cầu nếu nhà thầu phát nộp lý lịch tư pháp của nhân sự đi công trình cho nội dung đánh giá kỹ.
- (4) Trường hợp gói thầu áp dụng hình thức chào hàng cạnh tranh.

GIẤY ỦY QUYỀN⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm ..., tại ...

Tôi là ... [ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu], là người đại diện theo pháp luật của [ghi tên nhà thầu] có địa chỉ tại ... [ghi địa chỉ của nhà thầu] bằng văn bản này ủy quyền cho ... [ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia đấu thầu ... [ghi tên gói thầu] thuộc dự án dự toán mua sắm ... [ghi tên dự án/dự toán mua sắm] do ... [ghi tên Chủ đầu tư] tổ chức:

- Ký các văn bản, văn kiện để giao dịch với Chủ đầu tư. Bên mời thầu trong quá trình tham gia đấu thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ E - HSMT và văn bản giải trình, làm rõ E - HSMT hoặc văn bản đề nghị rút E - HSMT, nếu đổi, thay thế E - HSMT;
- Tham gia quá trình đối chiếu tài liệu, hoàn thiện hợp đồng;
- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;
- Ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư nếu được lựa chọn;⁽²⁾

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ... [ghi tên nhà thầu], ... [ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ... [ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ... đến ngày ...⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ... có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ... bản, người được ủy quyền giữ ... bản, Bên mời thầu giữ ... bản.

... ngày ... tháng ... năm ...
 Người được ủy quyền
 [ghi tên, chức danh, vị trí và
 đóng dấu (nếu có)]

... ngày ... tháng ... năm ...
 Người ủy quyền
 [ghi tên người đại diện theo pháp luật
 của nhà thầu, chức danh
 và tư cách đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền do nhà thầu phát ra sau khi Mẫu Giấy ủy quyền trên đã được cung cấp với E - HSMT. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà có nhân viên quản được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

Dấu xác dấu nhà thầu được (Bên) tư thuộc có truyền qua mạng. Giấy ủy quyền không bao gồm ủy quyền ký đơn dự thầu và ký thỏa thuận bên được. Việc ký đơn dự thầu và ký thỏa thuận bên được được thực hiện thông qua chứng thư số của nhà thầu. Trường hợp ủy quyền ký đơn dự thầu và ký thỏa thuận bên được thì người được ủy quyền phải sử dụng chứng thư số của người ủy quyền.

Trường hợp Giám đốc chi nhánh được ủy quyền ký đơn dự thầu và Giám đốc chi nhánh sử dụng chứng thư số của mình để ký đơn dự thầu thì tên nhà thầu, trích xuất trong đơn dự thầu là tên nhánh và nhà thầu sẽ bị đánh giá không đạt về tư cách hợp lệ.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên. Người đại diện theo pháp luật của Nhà thầu có thể bổ sung thêm các nội dung ủy quyền khác.

(3) Thời ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia đấu thầu.

THỎA THUẬN LIÊN DANH ⁽¹⁾

Ngày: ____ [Hệ thống tự động trích xuất]

Gửi đến: ____ [Hệ thống tự động trích xuất]

Thuộc dự án/dự toán mua sắm: ____ [Hệ thống tự động trích xuất]

Căn cứ ⁽²⁾ ____ [Hệ thống tự động trích xuất]

Căn cứ ⁽³⁾ ____ [Hệ thống tự động trích xuất]

Căn cứ E - HSSĐT Gửi đến: ____ [Hệ thống tự động trích xuất] với số TBMT: ____ [Hệ thống tự động trích xuất]

Chúng tôi, Đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh thứ nhất: ____ [Hệ thống tự động trích xuất]

Mã số thuế: ____ [Hệ thống tự động trích xuất].

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Tên thành viên liên danh thứ hai: ____ [Hệ thống tự động trích xuất]

Mã số thuế: ____ [Hệ thống tự động trích xuất].

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

—

Tên thành viên liên danh thứ n: ____ [Hệ thống tự động trích xuất]

Mã số thuế: ____ [Hệ thống tự động trích xuất].

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu ____ [Hệ thống tự động trích xuất] thuộc dự án/dự toán mua sắm ____ [Hệ thống tự động trích xuất].

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: ____ (nhả hoặc ghi tên của liên danh).

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý thêm gia độc lập hoặc liên danh với nhà thầu khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bị phạt hoặc thiết lập cho các bên trong liên danh;
- Bị phạt hoặc thiết lập cho Chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;
- Bị xử theo xử lý khác ____ (ghi rõ hình thức xử lý khác)

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu ____ (Hội đồng tư đồng trách xuất) thuộc dự án/ dự toán mua sắm ____ (Hội đồng tư đồng trách xuất) dẫn với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh:

Các bên nhận tư phân công ____ (Hội đồng tư đồng trách xuất thành viên lập liên danh) làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau^(*):

- Sử dụng tài khoản, chứng thư số để nộp E - HSĐT cho cả liên danh.
- (- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, văn bản giới thiệu, làm rõ E - HSĐT hoặc văn bản đề nghị rút E - HSĐT;
- Thực hiện báo đảm dự thầu cho cả liên danh;
- Tham gia quá trình đối chiếu tài liệu, hoàn thiện hợp đồng;
- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;
- Các công việc khác mà việc ký kết hợp đồng ____ (ghi rõ với những công việc khác (nếu có))

2. Các thành viên trong liên danh theo chuẩn phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây^(*):

STT	Tên các thành viên trong liên danh	Nội dung công việc đảm nhận	Tỷ lệ % giá trị đảm nhận so với tổng giá dự thầu
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh (Hội đồng tư đồng trách xuất)	- ____	- ____ %
		- ____	- ____ %
2	Tên thành viên thứ 2	- ____	- ____ %
		- ____	- ____ %
...	...		
Tổng cộng		Tổng hợp công việc của gói thầu	100%

Biểu 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chứa đựng hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;
- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;
- Một thỏa liên danh không trang thanh;
- Hủy thỏa gọi thầu ____ [Hệ thống tự động trích xuất] thuộc dự án dự toán mua sắm ____ [Hệ thống tự động trích xuất] theo thông báo của Chủ đầu tư.

Thỏa thuận liên danh được lập trên sự chấp thuận của tất cả các thành viên.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỒNG ĐẦU LIÊN DANH

[xác nhận, chữ ký số]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[xác nhận, chữ ký số]

Chỉ chú:

- (1) Trường hợp gọi thầu chia thành nhiều phần độc lập thì trong Thỏa thuận liên danh phải nêu rõ tên, số hiệu của các phần mà nhà thầu liên danh tham dự thầu, trong đó nêu rõ trách nhiệm chung và trách nhiệm riêng của từng thành viên liên danh đối với phần tham dự thầu.
- (2) Hệ thống tự động cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.
- (3) Việc phân công trách nhiệm làm phần mềm hoặc phần cứng việc như đã nêu.
- (4) Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng của từng thành viên, kể cả thành viên đồng đầu liên danh. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục trong phạm vi công việc.

BẢO LÃNH DỰ THẦU⁽¹⁾

(Áp dụng đối với nhà thầu độc lập)

Bên thụ hưởng: _____ [ghi tên và địa chỉ của Chủ đầu tư quy định tại khoản 1, 1 E-BDL hoặc ghi tên bên chủ thầu theo quy định tại Mục 4.1 BDL]

Ngày phát hành bảo lãnh: _____ [ghi ngày phát hành bảo lãnh]

BẢO LÃNH DỰ THẦU số: _____ [ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]

Bên bảo lãnh: _____ [ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần trên để trên giấy in]

Chúng tôi được thông báo rằng _____ [ghi tên nhà thầu] (sau đây gọi là "Nhà thầu") sẽ tham dự thầu để được hiện gọi thầu _____ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án/dự trăn mua sắm _____ [ghi tên dự án/dự trăn mua sắm] theo Thư mời thầu E-BMT số _____ [ghi số trích yếu của Thư mời thầu E-BMT].

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho Nhà thầu bằng một khoản tiền là _____ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền từ đồng].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong _____⁽²⁾ ngày, kể từ ngày _____ tháng _____ năm _____⁽³⁾.

Theo yêu cầu của Nhà thầu, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết⁽⁴⁾ sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền là _____ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền từ đồng] khi nhận được văn bản thông báo từ Bên thụ hưởng về vi phạm của Nhà thầu trong các trường hợp sau đây:

1. Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E - HSDT, nhà thầu có văn bản của E - HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E - HSDT theo yêu cầu của E - HSDT;
2. Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 Luật Đấu thầu hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy hoặc theo quy định tại điểm d và điểm đ khoản 1 Điều 17 của Luật Đấu thầu;
3. Nhà thầu không thực hiện hiện pháp báo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 68 của Luật Đấu thầu;
4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được bằng báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng;
5. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;
6. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng;
7. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện thỏa thuận khung trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu hoặc đã hoàn thiện thỏa thuận khung nhưng từ chối hoặc không ký thỏa thuận khung, trừ trường hợp bất khả kháng.⁽⁵⁾

Trường hợp Nhà thầu trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Nhà thầu ký kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Trường hợp Nhà thầu không trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc trong vòng 30 ngày kể từ ngày hết thời hạn hiệu lực của E-HSDT, tùy theo thời điểm nào đến trước.

Bất kể yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày đó.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng
(ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Trường hợp bảo lãnh dự thầu vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT, không dùng từ đơn vị thu hưởng, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Bên mời thầu phát hành E-HSDT, hoặc có bên tham dự khác gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bản mời thầu thì bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ. Bảo lãnh dự thầu này là bảo lãnh dự thầu không hợp ngang. Trường hợp cần thiết đối với các gói thầu có quy mô lớn, để bảo đảm quyền lợi của Chủ đầu tư, Bên mời thầu trong việc tịch thu giá trị bảo đảm dự thầu khi nhà thầu vi phạm quy định nêu tại Bảo lãnh dự thầu, Chủ đầu tư, bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các tài liệu để chứng minh bảo lãnh dự thầu đã nộp trong E-HSDT là bảo lãnh dự thầu không hợp ngang.

(2) Ghi theo quy định về thời gian hiệu lực tại Mục 18.3 E-BDL.

(3) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại E-TBNT. Thời gian có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu (thời điểm kết thúc hiệu lực của bảo lãnh dự thầu nằm trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu mà không cần thiết phải đến hết 24 giờ của ngày đó).

(4) Trường hợp bảo lãnh dự thầu thiếu một hoặc một số cơ sở kết trong các nội dung cam kết nêu trên thì bị coi là điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu theo quy định tại Mục 18.3 E-CDNT và thư bảo lãnh được coi là không hợp lệ.

(5) Chỉ áp dụng đối với mua sắm tập trung có sử dụng thỏa thuận chung.

BẢO LÃNH DỰ THẦU ⁽¹⁾

(áp dụng đối với nhà thầu liên danh)

Bên thụ hưởng: ____ [ghi tên và địa chỉ của Bên với thầu quy định tại Mục 1.1 E-BID]
hoặc ghi tên Bên với thầu quy định tại Mục 4.1 BDL]

Ngày phát hành bảo lãnh: ____ [ghi ngày phát hành bảo lãnh]

BẢO LÃNH DỰ THẦU số: ____ [ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]

Bên bảo lãnh: ____ [ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]

Chúng tôi được thông báo rằng ____ [ghi tên nhà thầu] ⁽²⁾ (sau đây gọi là "Nhà thầu") sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án/ôxy toàn mục sản ____ [ghi tên dự án/ôxy toàn mục sản] theo Thư mời thầu E-TBMT số ____ [ghi số trích yếu của Thư với thầu E-TBMT].

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho Nhà thầu tham dự thầu gói thầu này bằng một khoản tiền là ____ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền từ đang].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong ____ ⁽³⁾ ngày, kể từ ngày ____ tháng ____ năm ____ ⁽⁴⁾.

Theo yêu cầu của Nhà thầu, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết ⁽⁵⁾ sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền là ____ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền từ đang] khi nhận được văn bản thông báo từ Bên thụ hưởng về vi phạm của Nhà thầu trong các trường hợp sau đây:

1. Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT, nhà thầu có văn bản rút E-HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSDT theo yêu cầu của E-HSMT.

2. Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 Luật Đấu thầu hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d và điểm đ khoản 1 Điều 17 của Luật Đấu thầu.

3. Nhà thầu không thực hiện hoặc pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 68 của Luật Đấu thầu.

4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng.

5. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng.

6. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.

7. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện thỏa thuận khung trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu hoặc đã hoàn

thiện thỏa thuận nhưng từ chối hoặc không ký thỏa thuận khung, thì trường hợp bất khả kháng;¹³

8. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh ____ (ghi đầy đủ tên của nhà thầu liên danh) vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 13.5 E-CDNT của E - HSMT thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.

Trường hợp Nhà thầu trúng thầu, bản lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Nhà thầu ký kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên dự thầu theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Trường hợp Nhà thầu không trúng thầu, bản lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng sẽ nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc trong vòng 30 ngày kể từ khi hết thời hạn hiệu lực của E - HSMT, tùy theo thời điểm nào đến trước.

Bộ hồ sơ của bất thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày đó.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng
(ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Trường hợp bảo lãnh dự thầu vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 13.2 E-CDNT, không đóng tiền đơn vị dự thầu, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Bên mời thầu phát hành E - HSMT, hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu thì bản lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ. Bảo lãnh dự thầu này là bảo lãnh dự thầu không hủy ngang. Trường hợp cần thu hồi với các gói thầu có quy mô lớn, để bảo đảm quyền lợi của Chủ đầu tư, Bên mời thầu trong việc tích thu giá trị bảo đảm dự thầu khi nhà thầu vi phạm quy định nêu tại Bản lãnh dự thầu, Chủ đầu tư, Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các tài liệu để chứng minh bản lãnh dự thầu đã nộp trong E - HSMT là bản lãnh dự thầu không hủy ngang.

(2) Tên nhà thầu có thể là một trong các trường hợp sau đây:

- Tên của cả nhà thầu liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B tham dự thầu thì tên nhà thầu ghi là "Nhà thầu liên danh A + B";
- Tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện bản lãnh dự thầu cho cả liên danh hoặc của thành viên khác trong liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B + C tham dự thầu, trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công cho nhà thầu A thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh thì tên nhà thầu ghi là "nhà thầu A (thực việc cho nhà thầu liên danh A + B + C)". Trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công nhà thầu B thực hiện bảo đảm dự thầu cho nhà thầu B và C thì tên nhà thầu ghi là "Nhà thầu B (thực việc cho nhà thầu B và C)";
- Tên của thành viên liên danh thực hiện riêng rẽ bản lãnh dự thầu.

(3) Ghi theo quy định về thời gian hiệu lực tại Mục 13.2 E-HMT.

(4) Thời ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại E-TBĐT. Thời gian có hiệu lực của báo lãnh dự thầu được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực của báo lãnh dự thầu (thời điểm hết thời hiệu lực của báo lãnh dự thầu nằm trong ngày cuối cùng có hiệu lực của báo lãnh dự thầu mà không cần thời phút đến hết 24 giờ của ngày đó).

(5) Trường hợp báo lãnh dự thầu thiếu một hoặc một số cam kết trong các nội dung cam kết nêu trên thì bị coi là điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư. Bên mời thầu theo quy định tại Mục 18.3 E-CDNT và báo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ.

(6) Chỉ áp dụng đối với mua sắm tập trung có sử dụng thỏa thuận khung.

[illegible]

BA'NG GUA DI' TIAU
 CHIAH CHIAH DIAU
 CHIAH CHIAH DIAU

1999

Take a closer look inside the new white noise

[illegible]

* *Được sử dụng. Ảnh có thể khác với ảnh gốc do ảnh được xử lý*

** Nguyên gốc của các từ ngữ này được lấy từ các tài liệu tham khảo.

614

¹ Từ cấu trúc được trình bày của một phân tử GTP, chúng ta thấy rằng phân tử này có thể chuyển đổi thành GDP, GDP + P_i hoặc GDP + PP_i. Nếu GDP được chuyển đổi thành GTP, thì phân tử GTP sẽ được chuyển đổi thành GDP + P_i hoặc GDP + PP_i.

² 1999, 2000 và 2001 được xếp hạng là những năm có giá trị nhất của gạo phôi nhũ được bán ở Việt Nam, được xếp hạng 1 trong 2 năm đầu tiên của chuỗi thời gian.

Full-text: Downloadable: The full-text article, including abstract and references

Phải có sự cộng tác giữa các cơ quan chức năng để giải quyết một cách hiệu quả.

(14) (15) (16) (17) (18) được trích xuất từ Hilda và từ Chrysomelids.

© 2004 Blackwell Publishing Ltd *Journal of Internal Medicine* 255: 103–110

BẢNG CHỈ DẪN THẢO
(Thảo cho các nhà đầu tư)
(Các nhà v) thuộc có quyền

Tên nhà đầu tư

Tên chuẩn hợp hành từ các nhà đầu tư¹⁾

STT theo E... (WDACT)	Tên v) thuộc có quyền	Bi phần đồng	Tên nhà đầu	Phương pháp chỉ dẫn (²⁾)	Quy mức đồng gửi	Thời giới phần	Hạn thời giới thời đầu	Ngân số (³⁾)	Số DAZM GPNK (⁴⁾)	Có số sản sản(⁵⁾)	Có số sản sản(⁶⁾)	Đơn v) đồng	Đơn v) đồng đồng	Số trung sản sản	Tên đồng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
1															
2															
3															
4															

¹⁾ Phương pháp chỉ dẫn: (1) là hình thức và phương pháp chỉ dẫn chỉ theo thông tin (WDACT) (WDACT).

²⁾ Ngăn chặn: (1) là các nhà đầu tư có thể được liệt kê người (1) của các v) thuộc có quyền.

Giải thích:

¹⁾ Tên chuẩn hợp hành từ các nhà đầu tư: (1) là các Giấy chứng nhận theo danh sách (GAMP, BOND-GAMP, FICIL-GAMP, ECU-GAMP) hoặc danh sách (GAMP, GAMP, GAMP) của các nhà đầu tư được cấp.

²⁾ (1) là các nhà đầu tư được cấp (GAMP): (1) là các giấy chứng nhận theo danh sách v) thuộc có quyền được cấp và giấy phép pháp định.

³⁾ (1) là các nhà đầu tư: (1) là các nhà đầu tư được cấp (1) v) thuộc có quyền.

⁴⁾ (1) là các nhà đầu tư: (1) là các nhà đầu tư được cấp (1) v) thuộc có quyền.

- Các cột (2), (3), (4), (5), (6), (7), (8), (9), (10), (11), (12) được trích xuất từ Biểu số (5) Chương này.

- Các cột của (1) và (2) được trích xuất từ Biểu số (5) Chương này.

Mẫu số 06/a) (Webform trên Hệ thống)

BẢNG KÊ KHAI CHI PHÍ SẢN XUẤT TRONG NƯỚC BƠI VỚI ĐƯỢC LIỆU, VỊ THUỘC CỔ TRUYỀN ĐƯỢC HƯỞNG LỢI ĐẶC(1)

STT	Tên thuế	Giá trị
1	Tên được liệt kê, vị thuộc cổ truyền thứ nhất	
	Giá chào của được liệt kê, vị thuộc cổ truyền trong E - HSĐT	(I)
	Giá trị thuế các loại (trong đó bao gồm thuế nhập khẩu đối với các yếu tố của thành được liệt kê, vị thuộc cổ truyền, thuế VAT và các loại thuế khác phải trả cho được liệt kê, vị thuộc cổ truyền)	(II)
	Kể khác các chi phí nhập ngoại trong được liệt kê, vị thuộc cổ truyền bao gồm các loại phí, lệ phí (nếu có)	(III)
	Chi phí sản xuất trong nước	$Q^* = (I) + (II) - (III)$
	Tỷ lệ % chi phí sản xuất trong nước	$D(\%) = Q^*(\%) / (I\%)$ Trong đó $I = (I) + (II)$
2	Tên được liệt kê, vị thuộc cổ truyền thứ hai	

....., ngày ... tháng ... năm

Bại diện hợp pháp của nhà sản
(Chữ in, chữ đánh, ký tên và đóng dấu)

(Chú chú: (1) Trường hợp được liệt kê, vị thuộc cổ truyền không thuộc đối tượng ưu đãi thì nhà sản không phải kê khai theo Mẫu này.

Mẫu số 86(b) (Worksheet trên Hệ thống)

Tên cơ sở sản xuất trong nước

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..... ngày .. tháng .. năm ..

BẢNG THUYẾT MINH CHI PHÍ SẢN XUẤT TRONG NƯỚC TRONG CƠ CẤU GIÁ
(Tính cho một đơn vị đồng giá cơ sở nhất)

Tên được liệu, vị thuốc cổ truyền:

Dạng sơ chế, chế biến, quy cách đóng gói:

Tên cơ sở sản xuất:

STT	Nội dung chi phí	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Chi phí trong nước
A	Sản lượng tính giá					
II	Chi phí sản xuất, kinh doanh					
I	Chi phí trực tiếp:					
1	Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, nhiên liệu, năng lượng trực tiếp					
2	Chi phí nhân công trực tiếp					
3	Chi phí khấu hao máy móc thiết bị trực tiếp (trường hợp được trích khấu hao)					
4	Chi phí sản xuất, kinh doanh (chưa tính ở trên) theo đặc thù của từng ngành, lĩnh vực					
II	Chi phí chung					
5	Chi phí sản xuất chung (đối với doanh nghiệp)					
6	Chi phí tài chính (nếu có)					
7	Chi phí bán hàng					
8	Chi phí quản lý					
	Tổng chi phí sản xuất, kinh doanh					
C	Chi phí phân bổ cho sản phẩm phụ (nếu có)					
D	Giá thành toàn bộ					
B	Giá thành toàn bộ 01 (một) đơn vị sản phẩm					

E	Lợi nhuận dự kiến					
G	Thuế giá trị gia tăng, thuế khác (nếu có) theo quy định					
H	Giá dự toán					

Ghi chú: nhà thầu nộp các tài liệu chứng minh liên quan chi phí sản xuất trước thuế.

Giám đốc cơ sở sản xuất

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 47 (a) (Webform trên Hệ thống)
BẢN KÊ KHAI THÔNG TIN VỀ NHÀ THẦU

Ngày: _____

Số hợp và tên gói thầu: _____

Tên nhà thầu: _____ <i>[Họ không tự động trích xuất]</i>
Trang trưởng hợp liên danh, ghi tên của từng thành viên trong liên danh
Nơi nhà thầu đăng ký kinh doanh, hợp đồng: _____ <i>[Họ không tự động trích xuất]</i>
Năm thành lập công ty: _____ <i>[Họ không tự động trích xuất]</i>
Đại chi hợp pháp của nhà thầu _____ <i>[Họ không tự động trích xuất]</i>
Thông tin về đại diện hợp pháp của nhà thầu
Tên: _____
Địa chỉ: _____
Số điện thoại/fax: _____
Địa chỉ email: _____
1. Kêu theo là bản chụp các tài liệu sau đây: 1.1. Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh được do cơ quan có thẩm quyền cấp với phạm vi kinh doanh là sản xuất được tiêu, vi thuốc có truyền hoặc hóa chất được tiêu, vi thuốc có truyền. 1.2. Giấy chứng nhận Thực hành tốt phù hợp với phạm vi kinh doanh đã cấp. 2. Trình bày sơ đồ tổ chức

..... ngày tháng năm
Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[Họ tên, chức danh, họ tên có đóng dấu]

Mẫu số 17-B) (Webform trên Hệ thống)
BẢN KÊ KHAI THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH VIÊN CỦA NHÀ THẦU LIÊN DANH()

Ngày: _____ / (Hệ thống tự động trích xuất)

Số hiệu và tên gói thầu: _____ (Hệ thống tự động trích xuất)

Tên nhà thầu liên danh:

Tên thành viên của nhà thầu liên danh:

Quốc gia nơi đăng ký công ty của thành viên Liên danh:

Năm thành lập công ty của thành viên liên danh:

Địa chỉ hợp pháp của thành viên liên danh tại quốc gia đăng ký:

Thông tin về đại diện hợp pháp của thành viên liên danh

Tên: _____

Họ và: _____

Số điện thoại: _____

Địa chỉ email: _____

1. Kèm theo là bản chụp các tài liệu sau đây:

1.1. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh được do cơ quan có thẩm quyền cấp với phạm vi kinh doanh là sản xuất được hiệu, vi thuốc, sở truyền hoặc bản bán được hiệu, vi thuốc sở truyền.

1.2. Giấy chứng nhận Thực hành tôn phù hợp với phạm vi kinh doanh đã cấp

2. Trình bày sơ đồ tổ chức:

..... ngày ... tháng ... năm
 Đại diện hợp pháp của nhà thầu
 (ghi rõ: chức danh, ký tên và đóng dấu)

Ghi chú: (1) Trường hợp nhà thầu liên danh đã từng hoạt động với các nhà thầu liên danh phải kê khai theo mẫu này

Mẫu số 88 (a) (Webform trên Hệ thống)

BẢNG TỔNG HỢP HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NHÀ THẦU THỰC HIỆN

Tên nhà thầu: _____ [gọi tên đầy đủ của nhà thầu]

Thông tin tổng hợp giá trị các hợp đồng tương tự

STT	Tên và số hợp đồng	Ngày ký hợp đồng	Ngày hoàn thành	Giá hợp đồng (đối với nhà thầu độc lập)	Giá trị hợp đồng mà nhà thầu đảm nhận (trường hợp đối với nhà thầu liên danh)	Tên dự án	Tên chủ đầu tư	Loại mặt hàng cung cấp theo hợp đồng

..... ngày tháng năm.....
Bại diện hợp pháp của nhà thầu
 [Chữ tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú: (1) Trong trường hợp liên danh, tổng thành viên trong liên danh là Đại diện liên danh.

Mẫu số 08(b) (Webform trên Hệ thống)
HỢP ĐỒNG TƯỞNG TỰ DO NHÀ THÀO THỰC HIỆN(1)

... ngày ... tháng ... năm ...

Tên nhà thầu: ... *(ghi tên đầy đủ của nhà thầu)*

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng chỉ báo đảm các thông tin sau đây:

Thông tin về hợp đồng, mẫu hợp đồng của các bên tham gia ký hợp			
Tên và số hợp đồng	<i>(ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu)</i>		
Ngày ký hợp đồng	<i>(ghi ngày, tháng, năm)</i>		
Ngày làm thành	<i>(ghi ngày, tháng, năm)</i>		
Giá hợp đồng	<i>(ghi tổng giá hợp đồng bằng số tiền và bằng chữ số)</i>		Tương đương ____ VNĐ
Trong trường hợp là thành viên trong liên danh, ghi giá trị phần hợp đồng mà nhà thầu đảm nhiệm	<i>(ghi phần trăm giá hợp đồng trong tổng giá hợp đồng)</i>	<i>(ghi số tiền và bằng chữ số)</i>	Tương đương ____ VNĐ
Tên dự án	<i>(ghi tên đầy đủ của dự án và hợp đồng đang ký thời)</i>		
Tên Chủ đầu tư	<i>(ghi tên đầy đủ của Chủ đầu tư trong hợp đồng đang ký thời)</i>		
Địa chỉ	<i>(ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của Chủ đầu tư)</i>		
Điện thoại/Số:	<i>(ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia nếu có, địa chỉ e-mail)</i>		
E-mail:			
Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại Mục 2.1 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá E - HSDT(2):			
1. Loại được mua, vị thuộc cơ tuyến	<i>(ghi thông tin phù hợp)</i>		
2. Về giá trị	<i>(ghi số tiền bằng VNĐ)</i>		
3. Về quy mô thực hiện	<i>(ghi quy mô theo hợp đồng)</i>		
4. Các đặc tính khác	<i>(ghi các đặc tính khác nếu cần thiết)</i>		

Nhà thầu phải gửi kèm theo bản chấp các văn bản, số hiệu liên quan đến các hợp đồng đã hoàn thành của Chủ đầu tư về hợp đồng đã hoàn thành theo các nội dung liên quan trong bảng trên...)

... ngày ... tháng ... năm ...
Bại diện hợp pháp của nhà thầu
(Chữ tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh ký thời theo kiểu này.
- (2) Nhà thầu chỉ ký thời nội dung tương tự với yêu cầu của gói thầu.



Mẫu số 09 (Webform và Hệ thống)
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU(1)

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): _____

Số liệu tài chính cho 3 năm gần nhất(2) [VNĐ]		
Năm 1:	Năm 2:	Năm 3:

Thông tin tài chính cân đối kế toán

Tổng tài sản			
Tổng nợ			
Giá trị tài sản ròng			
Tài sản ngắn hạn			
Nợ ngắn hạn			
Vốn lưu động			

Thông tin từ báo cáo kết quả kinh doanh

Tổng doanh thu			
Doanh thu bình quân hàng năm từ hoạt động sản xuất kinh doanh (3)			
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			

Điền kèm là bản sao gốc báo cáo tài chính (các bảng cân đối kế toán bao gồm cả thuyết minh số liên quan, và các báo cáo kết quả kinh doanh) cho ba năm gần nhất(4), như đã nêu trên, tuân thủ các điểm liệt kê sau:

1. Phần đính trình hình tài chính của chủ thầu hoặc thành viên liên danh (nếu là nhà thầu liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ hoặc công ty con hoặc công ty liên kết với nhà thầu hoặc thành viên liên danh.
2. Các báo cáo tài chính phải hoàn chỉnh, đầy đủ nội dung theo quy định.
3. Các báo cáo tài chính phải tương ứng với các kỳ kế toán đã hoàn thành. Kèm theo là bản chụp được chứng thực một trong các tài liệu sau đây:
 - Bản bản kiểm tra quyết toán thuế;
 - Tờ khai tự quyết toán thuế (thuyết minh giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai;
 - Các báo cáo tài chính được kiểm toán theo quy định;
 - Tài liệu chứng minh việc chủ thầu đã kê khai quyết toán thuế điện tử;

- Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (cấp nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế;
- Các tài liệu khác.

..... ngày ... tháng ... năm
Đại diện hợp pháp của nhà thầu
(Chữ ký, chức danh, họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Trường hợp nhà thầu làm doanh thu tổng thành viên của nhà thầu liên danh phải kê khai theo Mẫu này.
- (2), (4) Khoeung thoi gian được nêu ở đây của giống không thời gian được quy định tại Mục 2.1 Chương III - Tiêu chuẩn định giá E - HSĐT.
- (3) Để xác định doanh thu bình quân hàng năm từ hoạt động sản xuất kinh doanh, nhà thầu sẽ chia tổng doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của các năm cho số năm tham gia trên thông tin đã được cung cấp.



Mẫu số 10 (Wetform trên Hệ thống)
NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH(I)

Nêu rõ các nguồn tài chính, dự kiến, chẳng hạn như các tài sản có khả năng thanh khoản cao(2), các hạn mức tín dụng và các nguồn tài chính khác (không phải là các khoản tạm ứng theo hợp đồng) có sẵn để đáp ứng yêu cầu về nguồn lực tài chính được nêu trong Mẫu số 11 Chương này.

Nguồn lực tài chính của nhà thầu		
STT	Nguồn tài chính	Số tiền (VNĐ)
1		
2		
...		
Tổng nguồn lực tài chính của nhà thầu (TNL)		

..... ngày ... tháng ... năm
Đại diện hợp pháp của nhà thầu
(Chữ tên, chức danh, họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Tổng nhà thầu hoặc thành viên của doanh nghiệp cung cấp thông tin về nguồn lực tài chính của mình, kèm theo tài liệu chứng minh.

Nguồn lực tài chính mà nhà thầu dự kiến hợp đồng để thực hiện gói thầu được tính theo công thức sau:

$$NLTC = TNL + DTH$$

Trong đó:

- NLTC là nguồn lực tài chính mà nhà thầu dự kiến hợp đồng để thực hiện gói thầu;
- TNL là tổng nguồn lực tài chính của nhà thầu (tổng nguồn lực tài chính quy định tại Mẫu số 11);
- DTH là tổng yêu cầu về nguồn lực tài chính hàng tháng cho các hợp đồng đang thực hiện (quy định tại Mẫu số 11).

Nhà thầu được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu nếu có nguồn lực tài chính dự kiến hợp đồng để thực hiện gói thầu (NLTC) lớn hoặc bằng giá trị yêu cầu tại tiêu chí đánh giá 1.1 Mục 2.1 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá E - ISOT.

Trường hợp trong E - ISOT, nhà thầu có nộp bản sao bản gốc kết nối mạng của sổ chiếu tin đang hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, trong đó cam kết sẽ cung cấp tin dùng cho nhà thầu để thực hiện gói đang xét với hạn mức tối thiểu bằng giá trị yêu cầu tại tiêu chí đánh giá 1.1 Mục 2.1 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá E - ISOT trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng thì nhà thầu được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu và không phải kê khai thông tin theo quy định Mẫu này và Mẫu số 11.

(2) Tài sản có khả năng thanh khoản cao là tiền mặt và tương đương tiền mặt, các công cụ nợ chính ngắn hạn, các chứng khoán vốn công dễ bán, chứng khoán dễ bán, các khoản phải thu (dạng mới), các khoản phải thu từ chính ngắn hạn và các tài sản khác mà về thể chúng dễ dàng biến đổi một trong vòng một năm.

Mẫu số 11 (Webform trên Hệ thống)

NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH HÀNG THÁNG CHO CÁC HỢP ĐỒNG ĐANG THỰC HIỆN(1)

STT	Tên hợp đồng	Người liên hệ của Chủ đầu tư (Địa chỉ, điện thoại, fax)	Ngày hoàn thành hợp đồng	Thời hạn của hợp đồng tính bằng tháng (A)(2)	Giá trị hợp đồng theo thanh toán, bao gồm cả thuế (B)(3)	Yêu cầu về nguồn lực tài chính hàng tháng (B/A)
1						
2						
3						
Tổng yêu cầu về nguồn lực tài chính hàng tháng cho các hợp đồng đang thực hiện (DTH).						

..... ngày ... tháng ... năm
Đại diện hợp pháp của nhà thầu
(Chữ in, chức danh, họ tên và đóng dấu)

Chú thích:

(1) Tổng nhà thầu hoặc thành viên liên danh phải cung cấp thông tin được nêu dưới đây để tính toán tổng các yêu cầu về nguồn lực tài chính hàng tháng của: (i) các cam kết hiện tại của nhà thầu (hoặc từng thành viên trong liên danh) trong tất cả các hợp đồng mà nhà thầu (hoặc từng thành viên liên danh) đang thực hiện hoặc sẽ được thực hiện; (ii) yêu cầu về nguồn lực tài chính đối với hợp đồng đang có theo các định của Chủ đầu tư. Ngoài ra, nhà thầu cũng phải cung cấp thông tin về bất kỳ nghĩa vụ tài chính nào khác có thể ảnh hưởng đáng kể đến việc thực hiện hợp đồng đang có của nhà thầu được nêu hợp đồng.

(2) Thời hạn của hợp đồng tính tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu.

(3) Giá trị hợp đồng còn lại chưa được thanh toán tính tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu.

Mẫu số 12 (Webform trên Hệ thống)
PHẠM VI CÔNG VIỆC SỬ DỤNG NHÀ THẦU PHỤ(1)

STT	Tên nhà thầu phụ(2)	Phạm vi công việc (3)	Khối lượng công việc (4)	Giá trị % ước tính(5)	Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với nhà thầu phụ(6)
1					
2					
3					
4					
—					

..... ngày tháng năm
Đại diện hợp pháp của nhà thầu
(Chữ in, chức danh, ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Trường hợp sử dụng nhà thầu phụ thì sẽ như sau:
 - (2) Nhà thầu ghi cụ thể tên nhà thầu phụ. Trường hợp khi tham dự thầu chưa xác định được cụ thể danh tính của nhà thầu phụ thì không phải kê khai vào cột này mà chỉ kê khai vào cột "Phạm vi công việc". Sau đó, nếu được lựa chọn thì khi hợp đồng thầu phụ thực hiện công việc đã kê khai phải được sự chấp thuận của Chủ đầu tư.
 - (3) Nhà thầu ghi cụ thể tên hạng mục công việc dành cho nhà thầu phụ.
 - (4) Nhà thầu ghi cụ thể khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ.
 - (5) Nhà thầu ghi cụ thể giá trị % tổng việc mà nhà thầu phụ đảm nhận so với gói dự thầu.
 - (6) Nhà thầu ghi cụ thể có hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận, nhà thầu phải nộp kèm theo bản gốc hoặc bản chụp được chứng thực của tài liệu đó.

Mẫu số 16 (webform trên Hệ thống)

HỢP ĐỒNG CUNG CẤP KHÔNG HOÀN THÀNH DO LỖI CỦA NHÀ THẦU TRONG QUÁ KHỨ^m

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): _____

Các hợp đồng cung cấp không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ theo quy định tại khoản 2.1 Mục 2 Chương III			
☐ Không có hợp đồng cung cấp không hoàn thành do lỗi của nhà thầu kể từ ngày 01 tháng 01 năm ____ (ghi năm) theo quy định tại tên chỉ định giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc khoản 2.1 Mục 2 Chương III.			
☐ Có hợp đồng cung cấp không hoàn thành do lỗi của nhà thầu tính từ ngày 01 tháng 01 năm ____ (ghi năm) theo quy định tại Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc khoản 2.1 Mục 2 Chương III.			
Năm	Phân việc hợp đồng không hoàn thành	Mô tả hợp đồng	Tổng giá trị hợp đồng (giá trị, loại, đồng tiền, tỷ giá hối đoái, đơn vị, tương đương bằng VNĐ)
		Mô tả hợp đồng: _____ Tên Chủ đầu tư: _____ Địa chỉ: _____ Nguyên nhân không hoàn thành hợp đồng: _____	

Ghi chú:

(1) Nhà thầu phải kê khai chính xác, trung thực các hợp đồng cung cấp không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ; trường hợp Bên mời thầu phát hiện nhà thầu có hợp đồng cung cấp không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ mà không kê khai thì nhà thầu được coi là có hành vi gian lận và E-E - HSDT của nhà thầu sẽ bị loại. Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên của nhà thầu liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

Phần 2. YÊU CẦU VỀ PHẠM VI CUNG CẤP

Chương V. Phạm vi cung cấp

- Chương này bao gồm phạm vi, tiến độ cung cấp dược liệu, vị thuốc cổ truyền, yêu cầu về tiêu chuẩn kỹ thuật của dược liệu, vị thuốc cổ truyền thực hiện theo Mẫu số 00 Chương IV và được số hóa dưới dạng webform. Bên mời thầu cần nhập thông tin vào các webform tương ứng phù hợp với gói thầu để phát hành E - HSBT và nộp E - HSDT của Hệ thống.

Mục 1. Phạm vi và tiến độ cung cấp dược liệu, vị thuốc cổ truyền

1. Phạm vi cung cấp dược liệu, vị thuốc cổ truyền và dịch vụ liên quan (nếu có)

PHẠM VI CUNG CẤP DƯỢC LIỆU, VỊ THUỐC CỔ TRUYỀN

Bên mời thầu liệt kê chi tiết dưới mục các dược liệu, vị thuốc cổ truyền của cung cấp. Trong đó cần nêu rõ danh mục dược liệu, vị thuốc cổ truyền với số lượng và các thông tin cụ thể theo các hàng phạm vi cung cấp, tiến độ cung cấp và yêu cầu về kỹ thuật của dược liệu, vị thuốc cổ truyền.

2. Biểu tiến độ cung cấp

BIỂU TIẾN ĐỘ CUNG CẤP

Tiến độ yêu cầu cung cấp cần được Bên mời thầu lập thành biểu dưới đây, trong đó nêu rõ tên dược liệu, vị thuốc cổ truyền với số lượng yêu cầu, địa điểm và tiến độ cung cấp cụ thể.

Dược liệu, vị thuốc cổ truyền có thể được yêu cầu cung cấp thành một hoặc nhiều đợt khác nhau tùy theo yêu cầu của gói thầu. Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu cũng như loại dược liệu, vị thuốc cổ truyền cụ thể mà quy định, ví dụ: yêu cầu cung cấp vào một thời điểm cụ thể (ngày tháng cụ thể), sau một số tuần nhất định kể từ khi hợp đồng có hiệu lực hoặc quy định trong một khoảng thời gian (từ tuần thứ ____ đến tuần thứ ____ kể từ khi hợp đồng có hiệu lực).

Địa điểm cung cấp: ____ (ghi rõ Bao nhiêu lần).

- Số nhà/số tầng/số phòng:

- Tên đường, phố:

- Thành phố:

- Mã bưu điện:

- Số điện thoại:

Mục 2. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm yêu cầu đặc tính kỹ thuật (màng tính kỹ thuật thuần túy) và các yêu cầu khác liên quan đến việc cung cấp dược liệu, vị thuốc cổ truyền (trà gói). Yêu cầu về kỹ thuật phải được nêu đầy đủ, rõ ràng và cụ thể để làm cơ sở cho nhà thầu lập E - HSDT.

Trong yêu cầu về kỹ thuật không được đưa ra các điều kiện nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh

không bình đẳng, đồng thời cũng không đưa ra các yêu cầu quá cao dẫn đến làm tăng giá dự thầu hoặc làm hạn chế sự tham gia của các nhà thầu.

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm các nội dung cơ bản như sau:

2.1. Giới thiệu chung về dự án và gói thầu

Mục này nêu thông tin tóm tắt về dự án và về gói thầu như: địa điểm thực hiện dự án, quy mô của dự án, yêu cầu về cung cấp được liệu, vị thuốc cổ truyền thuộc gói thầu, thời gian thực hiện gói thầu và những thông tin khác tùy theo tính chất và yêu cầu của gói thầu.

2.2. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm yêu cầu về kỹ thuật chung và yêu cầu về kỹ thuật chi tiết đối với được liệu, vị thuốc cổ truyền thuộc phạm vi cung cấp của gói thầu.

Yêu cầu về mặt kỹ thuật chung là các yêu cầu về được liệu, vị thuốc cổ truyền (bao gồm: Tên được liệu, vị thuốc cổ truyền, tên khoa học, nguồn gốc, dạng sơ chế, phương pháp chế biến, đơn vị tính, đóng gói, vận chuyển, các điều kiện khi hậu tại nơi được liệu, vị thuốc cổ truyền được sử dụng).

Nếu Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu cung cấp trong E - HSDT của mình một phần hoặc toàn bộ các thông số kỹ thuật, các hàng hiệu kỹ thuật hoặc các thông tin kỹ thuật khác thì Bên mời thầu phải quy định rõ tính chất và mức độ thông tin yêu cầu và cách trình bày các thông tin đó trong E - HSDT. [nếu yêu cầu cung cấp bản tóm tắt thông số kỹ thuật thì Bên mời thầu phải ghi thông tin vào hàng dưới đây. Nhà thầu sẽ scan một bảng tương tự để chứng minh được liệu, vị thuốc cổ truyền do nhà thầu chào thầu phù hợp với các yêu cầu đó.]

2.3. Các yêu cầu khác

Các yêu cầu khác về kỹ thuật bao gồm yêu cầu về phạm vi cung cấp, yêu cầu về tiến độ cung cấp theo quy định tại Mục 1 Chương này, yêu cầu về phương thức thanh toán, yêu cầu về cung cấp tài chính (nếu có) và điều kiện tin dụng kèm theo. Các yêu cầu này phải được nêu chi tiết để nhà thầu chuẩn bị E - HSDT.

Mục 3. Kiểm tra và kiểm nghiệm

Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có: ____ [ghi danh sách các kiểm tra và kiểm nghiệm].

**BẢNG PHẠM VI CUNG CẤP, TIỀN ĐỘ CUNG CẤP VÀ YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT
CỦA DƯỢC LIỆU/VỊ THUỐC CỔ TRUYỀN**

1. Đối với gia truyền được liệt:

S/T	Tên Dược liệu	Bộ phận dùng	Tên khoa học	Dạng sơ chế	Nguồn gốc	Phân Nhóm	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch	Tiền độ cung cấp	Giá trị hóa đơn dự thảo
1											
2											
...											

2. Đối với gia truyền vị thuốc cổ truyền:

S/T	Tên vị thuốc cổ truyền	Bộ phận dùng	Tên khoa học	PP chế biến	Nguồn gốc	Phân Nhóm	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch	Tiền độ cung cấp	Giá trị hóa đơn dự thảo
1											
2											
...											

Phần 3A. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG

Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng

1. Định nghĩa	Trong hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau: 1.1. "Chủ đầu tư" là tổ chức được quy định tại ĐKCT; 1.2. "Hợp đồng" là thỏa thuận giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu, thể hiện bằng văn bản, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và tài liệu kèm theo; 1.3. "Nhà thầu" là Nhà thầu trúng thầu (có thể là Nhà thầu độc lập hoặc liên danh) và được quy định tại ĐKCT; 1.4. "Nhà thầu phụ" là một cá nhân hay tổ chức có tên trong danh sách các nhà thầu phụ do nhà thầu chính đề xuất trong E - HSDT hoặc nhà thầu thực hiện các phần công việc mà nhà thầu chính đề xuất trong E - HSDT, ký hợp đồng với nhà thầu chính để thực hiện một phần công việc trong Hợp đồng theo nội dung đã kê khai trong E - HSDT được Chủ đầu tư chấp thuận; 1.5. "Tài liệu Hợp đồng" nghĩa là các tài liệu được liệt kê trong Hợp đồng, bao gồm bản ký làm của đôi, bộ rang của Hợp đồng; 1.6. "Giá hợp đồng" là tổng số tiền ghi trong hợp đồng cho việc cung cấp được loại, vị thuộc cơ tuyến và dịch vụ liên quan. Giá hợp đồng đã bao gồm tất cả các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có); 1.7. "Ngày" là ngày dương lịch, "tháng" là tháng dương lịch; 1.8. "Thực hiện" là việc Nhà thầu hoàn tất các dịch vụ liên quan theo các điều khoản và điều kiện quy định tại hợp đồng; 1.9. "Địa điểm dự án" là địa điểm được quy định tại ĐKCT.
2. Thứ tự ưu tiên	Các tài liệu cấu thành hợp đồng được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên sau đây: 2.1. Hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng; 2.2. Thư chấp thuận E - HSDT và báo hợp đồng; 2.3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu; 2.4. ĐKCT; 2.5. BKC; 2.6. E - HSDT về các văn bản kèm theo E - HSDT của Nhà thầu; 2.7. E - HSDT về các tài liệu kèm theo E - HSDT (nếu có); 2.8. Các tài liệu khác quy định tại ĐKCT.
3. Luật và ngôn ngữ	Luật điều chỉnh hợp đồng là luật của Việt Nam, ngôn ngữ của hợp đồng là tiếng Việt.
4. Quyền	Trừ khi có quy định khác nêu tại ĐKCT, Chủ đầu tư có thể ủy quyền thực hiện bất kỳ trách nhiệm nào của mình cho người khác, sau khi thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu và có thể rút lại quyết định ủy quyền sau khi đã thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu.
5. Thông báo	5.1. Tất cả thông báo nào với một bên gửi cho bên kia liên quan đến hợp đồng phải được thể hiện bằng văn bản, theo địa chỉ quy định tại ĐKCT.

	5.2. Thông báo của một bên sẽ được coi là có hiệu lực kể từ ngày bên kia nhận được hoặc theo ngày hiệu lực của văn thông báo, tùy theo ngày nào đến muộn hơn.
6. Bảo đảm thực hiện hợp đồng	6.1. Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được nộp theo Chữ đầu tư không muộn hơn ngày quy định tại Thỏa chấp thuận E - HSĐT và theo hợp đồng. Bảo đảm thực hiện hợp đồng được áp dụng theo: hình thức, giá trị và hiệu lực quy định tại BKCT. 6.2. Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại BKCT.
7. Nhà thầu phụ	7.1. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ quy định tại BKCT để thực hiện một phần công việc nêu trong E - HSĐT. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các nghĩa vụ của Nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm trước Chủ đầu tư về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các nghĩa vụ khác liên quan với phần việc do nhà thầu phụ thực hiện. Việc thay thế, bổ sung nhà thầu phụ ngoài danh sách các nhà thầu phụ đã được quy định tại Mục này chỉ được thực hiện khi có lý do xác đáng, hợp lý và được Chủ đầu tư chấp thuận. Việc sử dụng nhà thầu phụ phải phù hợp với yêu cầu của nhà thầu trong thực hiện hợp đồng, nhà thầu phụ phải đáp ứng về năng lực, kinh nghiệm theo yêu cầu của nhà thầu. 7.2. Nhà thầu không được sử dụng nhà thầu phụ cho các công việc khác ngoài công việc kế hoạch sử dụng nhà thầu phụ nêu trong E - HSĐT. 7.3. Nhà thầu có trách nhiệm thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho nhà thầu phụ theo các điều khoản thỏa thuận giữa nhà thầu và nhà thầu phụ. Yêu cầu khác về nhà thầu phụ quy định tại BKCT.
8. Giải quyết tranh chấp	8.1. Chủ đầu tư và Nhà thầu có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải. 8.2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian quy định quy định tại BKCT kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế được quy định tại BKCT.
9. Phạm vi cung cấp	Được liệt kê, vị thuộc cơ tuyến phải được cung cấp theo quy định tại Chương V - Phạm vi cung cấp và được đính kèm đánh Phụ lục hàng giá hợp đồng và là một bộ phận không tách rời của hợp đồng này, bao gồm các loại được liệt kê, vị thuộc cơ tuyến mà nhà thầu phải cung cấp cùng với đơn giá của các loại được liệt kê, vị thuộc cơ tuyến đó.
10. Tiến độ cung cấp được liệt kê, vị thuộc cơ tuyến, lịch hoàn thành các dịch vụ liên quan (nếu có) và tài liệu chứng từ	Tiến độ cung cấp được liệt kê, vị thuộc cơ tuyến phải được thực hiện theo quy định tại Mục 1 Chương V - Phạm vi cung cấp. Nhà thầu phải cung cấp các báo đơn và/hoặc các chứng từ tài liệu khác theo quy định tại BKCT.
11. Trách nhiệm của Nhà thầu	Nhà thầu phải cung cấp toàn bộ được liệt kê, vị thuộc cơ tuyến trong phạm vi cung cấp quy định tại Mục 9 BKCT và theo tiến độ cung cấp được liệt kê, vị thuộc cơ tuyến, lịch hoàn thành các dịch vụ liên quan quy định tại Mục 10 BKCT.

12. Loại hợp đồng	Loại hợp đồng: theo quy định tại ĐKCT.
13. Giá hợp đồng	13.1. Giá hợp đồng được ghi tại ĐKCT là toàn bộ chi phí để thực hiện hoàn thành việc cung cấp được liệu, ví thuộc cổ truyền và dịch vụ liên quan của gói thầu nêu trong Bảng giá hợp đồng trên cơ sở báo đầu tiên độ, chất lượng theo đúng yêu cầu của gói thầu. Giá hợp đồng đã bao gồm toàn bộ các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có). 13.2. Bảng giá hợp đồng quy định tại Phụ lục bảng giá hợp đồng là một bộ phận không tách rời của hợp đồng này, bao gồm phần ví cung cấp và thành tiền của các hạng mục.
14. Thuế, phí, lệ phí	14.1. Nhà thầu chịu trách nhiệm đối với toàn bộ chi phí về thuế, phí, lệ phí phát sinh cho đến khi được liệu, ví thuộc cổ truyền được giao cho chủ đầu tư. 14.2. Trường hợp nhà thầu thuộc đối tượng được miễn, giảm thuế, phí, lệ phí, chủ đầu tư tạo điều kiện tối đa cho nhà thầu áp dụng các chính sách miễn, giảm thuế, phí, lệ phí. 14.3. Việc điều chỉnh thuế thực hiện theo quy định tại ĐKCT.
15. Thanh toán	15.1. Việc thanh toán thực hiện theo quy định tại ĐKCT. Trường hợp Chủ đầu tư thanh toán chậm, Nhà thầu sẽ được trả lãi trên số tiền thanh toán chậm vào lần thanh toán kế tiếp. Lãi suất thanh toán chậm được tính từ ngày trả lãi ra phải thanh toán cho đến ngày thanh toán thực tế và mức lãi suất áp dụng là mức lãi suất hiện hành đối với các khoản vay thương mại hàng VND. 15.2. Đồng tiền thanh toán là VND.
16. Bảo quyền	Nhà thầu phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung bài phát sinh do việc khai thác các bên thứ ba về việc vi phạm bản quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến được liệu, ví thuộc cổ truyền mà Nhà thầu đã cung cấp cho Chủ đầu tư.
17. Sử dụng các tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng	17.1. Nếu không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Chủ đầu tư, Nhà thầu không được tiết lộ nội dung của hợp đồng cũng như đặc tính kỹ thuật, thông tin do Chủ đầu tư hoặc đại diện của Chủ đầu tư đưa ra cho bất cứ ai không phải là người có liên quan đến việc thực hiện hợp đồng. Việc Nhà thầu cung cấp các thông tin cho người có liên quan đến việc thực hiện hợp đồng được thực hiện theo chế độ bảo mật và trong phạm vi cần thiết cho việc thực hiện hợp đồng này. 17.2. Nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Chủ đầu tư, Nhà thầu không được sử dụng bất cứ thông tin hoặc tài liệu nào nêu trong Mục 17.1 ĐKC vào mục đích khác trừ khi vì mục đích thực hiện hợp đồng. 17.3. Các tài liệu quy định tại Mục 17.1 ĐKC thuộc quyền sở hữu của Chủ đầu tư. Khi Chủ đầu tư có yêu cầu, Nhà thầu phải trả lại cho Chủ đầu tư các tài liệu này (bao gồm cả các bản chụp) sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng.
18. Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn	Được liệu, ví thuộc cổ truyền được cung cấp theo Hợp đồng này sẽ phải tuân theo các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đề cập ở Mục 2 Chương V - Phạm vi cung cấp.

19. Đóng gói được liệu, vị thuốc cổ truyền	Nhà thầu phải đóng gói được liệu, vị thuốc cổ truyền đúng yêu cầu quy định tại ĐKCT phù hợp với từng loại được liệu, vị thuốc cổ truyền và hình thức vận chuyển. Việc đóng gói phải bảo đảm được liệu, vị thuốc cổ truyền không bị hư hỏng, thay đổi đặc tính trong quá trình bốc dỡ vận chuyển và các tác động của môi trường. Kích thước và trọng lượng của mỗi kiện hàng phải phù hợp với việc vận chuyển và giao nhận.
20. Bảo hiểm	Được liệu, vị thuốc cổ truyền cung cấp theo hợp đồng phải được bảo hiểm đầy đủ để bù đắp những mất mát, tổn thất bất thường trong quá trình vận tải, vận chuyển, lưu kho và giao hàng theo những nội dung được quy định tại ĐKCT.
21. Vận chuyển, giao hàng và các dịch vụ phát sinh	Yêu cầu về vận chuyển, giao hàng được liệu, vị thuốc cổ truyền và các yêu cầu khác quy định tại ĐKCT.
22. Kiểm tra và kiểm nghiệm được liệu, vị thuốc cổ truyền	22.1. Chủ đầu tư hoặc đại diện của Chủ đầu tư có quyền kiểm tra, kiểm nghiệm được liệu, vị thuốc cổ truyền được cung cấp để khẳng định được liệu, vị thuốc cổ truyền đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng. Nội dung, địa điểm và cách thức tiến hành kiểm tra, thí nghiệm được quy định tại ĐKCT. 22.2. Bất kỳ được liệu, vị thuốc cổ truyền nào qua kiểm tra, kiểm nghiệm mà không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Chủ đầu tư có quyền từ chối.
23. Bồi thường thiệt hại	Tru truợng hợp bất khả kháng theo quy định tại Mục 25 ĐKC, nếu Nhà thầu không thực hiện một phần hay toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng thì Chủ đầu tư có thể khấu trừ vào giá hợp đồng một khoản tiền bồi thường tương ứng với % giá trị công việc chậm thực hiện như quy định tại ĐKCT tính cho mỗi tuần chậm thực hiện hoặc không thực hiện khác như thỏa thuận cho đến khi nội dung công việc đó được thực hiện. Chủ đầu tư sẽ khấu trừ đến % tối đa như quy định tại ĐKCT. Khi đạt đến mức tối đa, Chủ đầu tư sẽ từ chối xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Mục 28 ĐKC.
24. Yêu cầu về nguồn gốc, chất lượng và hạn sử dụng được liệu, vị thuốc cổ truyền	24.1. Nhà thầu bảo đảm được liệu, vị thuốc cổ truyền được cung cấp có nguồn gốc, xuất xứ theo đúng quy định tại Thông tư số 18/2021/TT-BYT, trừ khi có quy định khác nêu tại ĐKCT. 24.2. Nhà thầu bảo đảm chất lượng được liệu, vị thuốc cổ truyền cung cấp theo hợp đồng phải đáp ứng theo tiêu chuẩn chất lượng quy định tại Thông tư số 38/2021/TT-BYT và các quy định khác nêu tại ĐKCT. Ngoài ra, nhà thầu cũng phải bảo đảm được liệu, vị thuốc cổ truyền được cung cấp theo hợp đồng sẽ không có các vấn đề này sinh có thể dẫn đến những bất lợi trong quá trình sử dụng bất thường của được liệu, vị thuốc cổ truyền. 24.3. Yêu cầu về hạn sử dụng đối với được liệu, vị thuốc cổ truyền quy định tại ĐKCT.
25. Bất khả kháng	25.1. Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là những sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát và khả năng lường trước của các bên, chẳng hạn như chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, thiên tai, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch.

	25.2. Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải lập thời điểm báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng. Trong khoảng thời gian không thể thực hiện hợp đồng do điều kiện bất khả kháng, Nhà đầu tư theo hướng dẫn của Chủ đầu tư vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng của mình theo toàn cảnh thực tế của pháp luật và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng. Trong trường hợp này, Chủ đầu tư phải xem xét để bồi hoàn cho Nhà đầu tư các khoản phụ phí cần thiết và hợp lý mà họ phải gánh chịu. 25.3. Một bên không hoàn thành nhiệm vụ của mình do trường hợp bất khả kháng sẽ không phải bồi thường thiệt hại, bị phạt hoặc bị chấm dứt hợp đồng. Trường hợp phát sinh tranh chấp giữa các bên do sự kiện bất khả kháng xảy ra hoặc kéo dài thì tranh chấp sẽ được giải quyết theo quy định tại Mục 8 ĐKCT.
26. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng	26.1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau: a) Thay đổi phương thức vận chuyển hoặc đóng gói; b) Thay đổi địa điểm giao hàng; c) Thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng; d) Các nội dung khác quy định tại ĐKCT. 26.2. Chủ đầu tư và Nhà đầu tư tiến hành thương thảo để làm cơ sở kỹ thuật phụ lục bổ sung hợp đồng trong trường hợp hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng.
27. Điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng	Tiến độ thực hiện hợp đồng chỉ được điều chỉnh trong trường hợp sau đây: 27.1. Trường hợp bất khả kháng, không liên quan đến vi phạm hoặc sơ suất của các bên tham gia hợp đồng; 27.2. Thay đổi phạm vi cung cấp, biện pháp cung cấp do yêu cầu khách quan làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng; 27.3. Trường hợp điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng mà không làm kéo dài tiến độ hoàn thành dự án thì các bên tham gia hợp đồng thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh. Trường hợp điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng làm kéo dài tiến độ hoàn thành dự án thì phải báo cáo người có thẩm quyền xem xét, quyết định. 27.4. Các trường hợp khác quy định tại ĐKCT.
28. Chấm dứt hợp đồng	28.1. Chủ đầu tư hoặc Nhà đầu tư có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản vi phạm hợp đồng như sau: a) Nhà đầu tư không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Chủ đầu tư gia hạn; b) Chủ đầu tư hoặc Nhà đầu tư phá sản hoặc phải thanh lý tài sản do tài cơ cấu hoặc sụp đổ;

	c) Có bằng chứng cho thấy Nhà đầu tư vi phạm một trong các hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 Luật đầu tư số 22/2023/QH15 trong quá trình đầu tư hoặc thực hiện Hợp đồng; d) Các hành vi khác quy định tại ĐKKT. 28.2. Trong trường hợp Chủ đầu tư chấm dứt việc thực hiện một phần hay toàn bộ hợp đồng theo điểm a Mục 28.1 ĐKKT, Chủ đầu tư có thể ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt đó. Nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Chủ đầu tư những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt này. Tuy nhiên, Nhà thầu vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng không bị chấm dứt và chịu trách nhiệm hoàn thành phần hợp đồng do mình thực hiện. 28.3. Trong trường hợp Chủ đầu tư chấm dứt hợp đồng theo điểm b Mục 28.1 ĐKKT, Chủ đầu tư không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Chủ đầu tư được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.
--	--

Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng

Trip khi có quy định khác, toàn bộ ĐKCT phải được Bên mời thầu ghi đầy đủ vào trước khi phát hành E - HSNM.

BKC 1.1	Chủ đầu tư là: ____/ghi tên hợp pháp đầy đủ của Chủ đầu tư/.
BKC 1.3	Nhà thầu: ____/ghi tên Nhà thầu trong thầu/.
BKC 1.9	Địa điểm Dự án/Điểm giao hàng cuối cùng là: ____/ghi tên và đường số chi tiết về địa điểm/.
BKC 1.2 k)	Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng: ____/tên tài liệu/.
BKC 4	Chữ ký in [số tên hoặc đóng dấu] ủy quyền của người và và trách nhiệm của mình cho người khác.
BKC 5.1	Các thông báo cần gửi về Chủ đầu tư theo địa chỉ dưới đây: Người nhận: ____/ghi tên đầy đủ của người nhận, nếu có/.. Địa chỉ: ____/ghi đầy đủ địa chỉ/.. Điện thoại: ____/ghi số điện thoại, bao gồm mã quốc gia và mã thành phố/.. Fax: ____/ghi số fax, bao gồm mã quốc gia và mã thành phố/.. Địa chỉ email: ____/ghi địa chỉ email (nếu có)/.
BKC 6.1	- Hình thức báo đảm thực hiện hợp đồng: ____/căn cứ tính chất, yêu cầu của gói thầu, quy định Nhà thầu cung cấp vật bảo đảm thực hiện hợp đồng theo hình thức thế báo bằng do Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành hoặc theo hình thức đặt cọc bằng tiền. Trường hợp Nhà thầu nộp Thư bảo lãnh của Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành thì phải là Bảo đảm bằng có dấu hiệu (trả tiền tín có yêu cầu theo Mẫu số 1) Chương VIII - Điều kiện Hợp đồng/.. - Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: ____ % Giá hợp đồng, (ghi giá trị cụ thể của gói thầu, từ 1 % đến 10 % Giá Hợp đồng/.. - Thời hạn của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến hết ngày ____ tháng ____ năm ____/căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định rút hạn này, ví dụ: Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải có hiệu lực cho đến khi toàn bộ được hiệu, ví thuộc có truyền dưới bản gốc. Mọi bên bị hiện bản người thu và Nhà thầu chấp thuận bằng ngày và bản hành theo quy định/.
BKC 6.2	Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: ____/ghi cụ thể thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu/.
BKC 7.1	Danh sách nhà thầu phụ: (ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong E - HSNM).
BKC 7.3	Nêu các yêu cầu cần thiết khác về nhà thầu phụ (ghi yêu cầu khác về nhà thầu phụ (nếu có)).
BKC 8.2	- Thời gian để bên hành hòa giải: ____/ghi số ngày để hành hòa giải với đối/.. - Giải quyết tranh chấp: ____/ghi cụ thể thời gian và cơ chế xử lý tranh chấp của cơ quan, tổ chức của gói thầu. Trong đó cần nêu rõ thời gian giải yêu cầu giải quyết tranh chấp, tổ chức giải quyết tranh chấp, chi phí cho việc giải quyết tranh chấp. /.

BKC 10	Nhà thầu phải cung cấp các thông tin và chứng từ về vận vận chuyển được liệt, vị thuộc cổ truyền của đây: ____ [Hỏa đơn được liệt, vị thuộc cổ truyền, phải kèm nghiệm chất lượng hàng ứng với từng lô hàng, từ hóa chứng minh nguồn gốc, xuất xứ của các lô hàng; điều kiện bảo quản trong quá trình vận chuyển]. Chỉ dẫn tin phải nhận được các tài liệu chứng từ nói trên trước khi được liệt, vị thuộc cổ truyền đến nơi, nếu không Nhà thầu sẽ phải chịu trách nhiệm về bất kỳ chi phí nào phát sinh do không thực hiện quy định này. Nhà thầu phải tuân theo Phiếu kiểm nghiệm chất lượng của từng lô hàng để tiêu chuẩn chất lượng theo đúng quy định.
BKC 12	Loại hợp đồng: ____ [căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, chỉ dẫn tin quy định cụ thể loại hợp đồng theo quy định Luật đấu thầu số 22/2023/QH15]
BKC 13.1	Ghi hợp đồng: ____ [ghi gói hợp đồng theo giá trị nêu trong Thư chấp thuận K - HSDT và vào hợp đồng]
BKC 14.3	Điều chỉnh thuế: ____ [ghi "được phép" hoặc "không được phép" áp dụng điều chỉnh thuế. Trường hợp được phép áp dụng điều chỉnh thuế thì ghi: "trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tự do thương mại hoặc miễn thuế chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời Nhà thầu phải trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phải nộp thì khoản chỉnh lệch của chính sách về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng"]
BKC 15.1	Phương thức thanh toán: ____ [căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định cụ thể nội dung này. Việc thanh toán cho Nhà thầu có thể quy định thành toàn hàng tuần, nửa tháng, hàng tháng, chuyển khoản... số lần thanh toán là nhiều lần trong quá trình thực hiện hoặc thanh toán một lần khi hoàn thành hợp đồng. Thời hạn thanh toán trong vòng không quá 90 ngày kể từ khi Nhà thầu hoàn thành đầy đủ các công việc theo đúng quy định của pháp luật. Đồng thời, các quy định cụ thể về chứng từ thanh toán phải hợp với quy định của pháp luật].
BKC 19	Đồng giá được liệt, vị thuộc cổ truyền: ____ [căn cứ quy mô, tính chất của từng loại được liệt, vị thuộc cổ truyền cũng như phương thức vận chuyển mà quy định cụ thể việc đồng giá. Trong đó cần nêu rõ quy định về cách thức đồng giá, vật liệu đồng giá, đồng giá về được liệt, vị thuộc cổ truyền ghi trên bao bì khi đồng giá, các chỉ dẫn cho việc bốc dỡ, vận chuyển...]. Việc quy định quy cách đồng giá phải bảo đảm thuận tiện trong quá trình vận chuyển, bốc dỡ.
BKC 20	Nội dung bảo hiểm: ____ [căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định cụ thể nội dung này trên cơ sở bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật cũng như phù hợp với các điều kiện thương mại được áp dụng]
BKC 21	- Yêu cầu về vận chuyển, giao hàng được liệt, vị thuộc cổ truyền: ____ [nếu yêu cầu về vận chuyển được liệt, vị thuộc cổ truyền, bao gồm cả địa điểm được liệt, vị thuộc cổ truyền được giao đến. Tùy theo yêu cầu và tính chất của gói thầu, trong đó phải nêu rõ yêu cầu khi giao nhận hàng hóa cùng cấp các giấy tờ chứng minh nguồn gốc, xuất xứ theo quy định tại mục 1.1.1. CĐT]. - Các yêu cầu khác: ____ [căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà quy định nội dung này...]

BKC 22.1	Kiểm tra, kiểm nghiệm được liệu, vị thuốc cổ truyền: ____/căn cứ quy mô, chất lượng của gói thảo mộc quy định cụ thể việc kiểm tra, kiểm nghiệm của Nhà sản xuất cơ sở phải hợp với yêu cầu quy định tại Mục 4 Chương V - Phụ lục và cấp. Việc kiểm tra, kiểm nghiệm có thể quy định theo từng giai đoạn như trước khi giao được liệu, vị thuốc cổ truyền; khi được liệu, vị thuốc cổ truyền được giao đến... Trong các quy định về kiểm tra, kiểm nghiệm cần nêu được nội dung cơ bản như: thời gian, địa điểm, cách thực hiện hình thức, chi phí cho việc kiểm tra, kiểm nghiệm... cũng như quy định về cách thức và hệ thống với các được liệu, vị thuốc cổ truyền được giao yêu cầu qua kiểm tra, kiểm nghiệm.
BKC 23	Tổng giá trị bồi thường thiệt hại tối đa là: ____% (ghi mức bồi thường thiệt hại tối đa). Mức khấu trừ: ____%tuần (hoặc ngày, tháng...) /căn cứ quy định về mức khấu trừ từ bao nhiêu % nội dung công việc chăm sóc, huấn luyện theo định chế và yêu cầu của gói thảo mộc. Mức khấu trừ tối đa: ____% (ghi mức khấu trừ tối đa).
BKC 24.1	Nội dung yêu cầu báo đảm khác đối với được liệu, vị thuốc cổ truyền: ____/nếu nội dung yêu cầu báo đảm khác đối với được liệu, vị thuốc cổ truyền (nếu có).
BKC 24.2	Yêu cầu về chất lượng: ____/nếu nội dung yêu cầu trên cơ sở quy định nội dung sau: - Đối với được liệu: Phải có Phiếu kiểm nghiệm của li được liệu với đầy đủ các chỉ tiêu chất lượng quy định tại một trong các được liệu theo quy định tại Thông tư số 38/2021/TT-BYT hoặc theo tiêu chuẩn chất lượng mà cơ sở tự công bố hoặc đã được cấp giấy đăng ký lưu hành. - Đối với vị thuốc cổ truyền: Phải có Phiếu kiểm nghiệm của li vị thuốc cổ truyền với đầy đủ các chỉ tiêu chất lượng theo tiêu chuẩn chất lượng đã được cấp giấy đăng ký lưu hành).
BKC 24.3	Yêu cầu về hạn sử dụng: ____/nếu nội dung yêu cầu trên cơ sở quy định nội dung sau: - Hạn báo còn hạn sử dụng: Hạn sử dụng còn lại của được liệu, vị thuốc cổ truyền trong thời điểm li được liệu, vị thuốc cổ truyền cung ứng cho cơ sở y tế phải đảm bảo tối thiểu của 06 tháng đối với được liệu, vị thuốc cổ truyền có hạn dùng từ 02 năm trở lên; 03 tháng đối với được liệu, vị thuốc cổ truyền có hạn dùng từ 01 đến dưới 02 năm; 1/4 hạn dùng đối với được liệu, vị thuốc cổ truyền có hạn dùng dưới 01 năm. - Cơ chế giải quyết các được liệu, vị thuốc cổ truyền, hư hỏng, kém chất lượng phát sinh trong quá trình sử dụng được liệu, vị thuốc cổ truyền: Cần nêu thời gian Chủ đầu tư thông báo cho Nhà sản xuất các hư hỏng, kém chất lượng phát sinh của được liệu, vị thuốc cổ truyền; thời hạn Nhà sản xuất phải tiến hành khắc phục các hư hỏng, kém chất lượng; chi phí cho việc khắc phục các hư hỏng, kém chất lượng mà Nhà sản xuất chịu trách nhiệm chi phí cho việc khắc phục...].
BKC 24.10d)	Các nội dung khác về hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng: ____/nếu cụ thể các nội dung khác (nếu có). Trong quá trình cung ứng được liệu, vị thuốc cổ truyền trong thảo mộc, Chủ đầu tư có thể xem xét đề nhà sản xuất thay đổi đơn vị cung cấp, nhưng cần

	chất lượng không thay đổi. Trường hợp thay thế đơn vị cung ứng được liên vị thuộc sở truyền, nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin cần thiết để Chủ đầu tư có thể đánh giá việc thay thế, bao gồm: Hồ sơ pháp lý của đơn vị cung ứng được thay thế (Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh được phân vị sản xuất hoặc bán buôn được liên vị thuộc sở truyền); tài liệu chứng minh nguồn gốc, xuất xứ được liên vị thuộc sở truyền; tiêu chuẩn chất lượng của được liên vị thuộc sở truyền.
BKC 17.4	Các trường hợp khác: ____/nếu có thể các nội dung khác (nếu có).
BKC 28.1(d)	Các hình vi khác: ____/nếu hình vi khác (nếu có).

Phần 3B. THỎA THUẬN KHUNG

Chương VI. Điều kiện chung của thỏa thuận khung

1. Định nghĩa	Trong hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau: 1.1. "Chủ đầu tư" là tổ chức được quy định tại DKCT; 1.2. "Thỏa thuận khung" là thỏa thuận giữa chủ đầu tư và nhà thầu, thể hiện bằng văn bản, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và tài liệu kèm theo; 1.3. "Nhà thầu" là Nhà thầu trúng thầu (có thể là Nhà thầu độc lập hoặc liên danh) và được quy định tại DKCT; 1.4. "Nhà thầu phụ" là một cá nhân hay tổ chức có sẵn trong danh sách các nhà thầu phụ do nhà thầu chính đề xuất trong E - HSDT hoặc nhà thầu thực hiện các phần công việc mà nhà thầu chính đề xuất trong E - HSDT, ký hợp đồng với nhà thầu chính để thực hiện một phần công việc trong Hợp đồng theo nội dung đã kê khai trong E - HSDT được Chủ đầu tư chấp thuận; 1.5. "Tài liệu Hợp đồng" nghĩa là các tài liệu được liệt kê trong Hợp đồng, bao gồm bản ký kết sửa đổi, bổ sung của Hợp đồng; 1.6. "Giá hợp đồng" là tổng số tiền ghi trong hợp đồng cho việc cung cấp được hiện, vì thuốc và truyền và dịch vụ liên quan. Giá hợp đồng đã bao gồm tất cả các chi phí và thuế, phí, lệ phí (nếu có); 1.7. "Ngày" là ngày dương lịch, "tháng" là tháng dương lịch; 1.8. "Hoàn thành" là việc Nhà thầu hoàn tất các dịch vụ liên quan theo các điều khoản và điều kiện quy định tại hợp đồng; 1.9. "Địa điểm dự án" là địa điểm được quy định tại DKCT.
2. Tài liệu thỏa thuận khung và thứ tự ưu tiên	2.1. Tất cả các tài liệu nêu tại Mục 2.2. DKC (bao gồm cả các phần của tài liệu) sẽ cấu thành Thỏa thuận khung để tạo thành thể thống nhất, có tính trong tổ, bổ sung và giải thích cho nhau. 2.2. Các tài liệu cấu thành thỏa thuận khung được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên sau đây: - Thỏa thuận khung, kèm theo các phụ lục; - Biên bản đối chiếu tài liệu và thương thảo thỏa thuận khung hợp đồng (nếu có), biên bản thỏa thuận khung; - Thư chấp thuận E - HSDT và tạo hợp đồng; - Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu; - DKCT; - DKC; - E - HSDT và các văn bản kèm với E - HSDT của Nhà thầu; - E - HSMT và các tài liệu sửa đổi E - HSMT (nếu có); - Các tài liệu khác quy định tại DKCT.
3. Luật và ngôn ngữ	Luật điều chỉnh hợp đồng là luật của Việt Nam, ngôn ngữ của hợp đồng là tiếng Việt.
4. Ủy quyền	Trừ khi có quy định khác nêu tại DKCT, Chủ đầu tư có thể ủy quyền thực hiện bản ký kết, nhiệm vụ của mình cho người khác, sau khi

	thống kê, bảng vận hành cho Nhà thầu và có thể rút lại quyết định ủy quyền sau khi đã thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu.
5. Thống kê	5.1. Bảng cơ thống kê của một bên gửi cho bên kia liên quan đến hợp đồng, phải được thể hiện bằng văn bản, theo địa chỉ quy định tại ĐKCT. 5.2. Thống kê của một bên sẽ được coi là có hiệu lực kể từ ngày bên kia nhận được hoặc theo ngày hiệu lực nêu trong thông báo, tùy theo ngày nào đến muộn hơn.
6. Bảo đảm thực hiện hợp đồng	6.1. Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được nộp lên Chủ đầu tư không muộn hơn ngày quy định tại Thư chấp thuận E - HSDT và theo hợp đồng. Bảo đảm thực hiện hợp đồng được áp dụng theo hình thức, giá trị và hiệu lực quy định tại ĐKCT. 6.2. Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại ĐKCT.
7. Nhà thầu phụ	7.1. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ quy định tại ĐKCT để thực hiện một phần công việc nêu trong E - HSDT. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các nghĩa vụ của Nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm trước Chủ đầu tư về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các nghĩa vụ khác đối với phần việc do nhà thầu phụ thực hiện. Việc thay thế, bổ sung nhà thầu phụ ngoài danh sách các nhà thầu phụ đã được quy định tại Mục này chỉ được thực hiện khi có lý do xác đáng, hợp lý và được Chủ đầu tư chấp thuận. Việc sử dụng nhà thầu phụ phải phù hợp với nhu cầu của nhà thầu trong thực hiện hợp đồng, nhà thầu phụ phải đáp ứng về năng lực, kinh nghiệm theo yêu cầu của nhà thầu. 7.2. Nhà thầu không được sử dụng nhà thầu phụ cho các công việc khác ngoài công việc kế khai sử dụng nhà thầu phụ nêu trong E - HSDT. 7.3. Nhà thầu có trách nhiệm thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho nhà thầu phụ theo các điều khoản thỏa thuận giữa nhà thầu và nhà thầu phụ. Yêu cầu khác về nhà thầu phụ quy định tại ĐKCT.
8. Giải quyết tranh chấp	8.1. Chủ đầu tư và Nhà thầu có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải. 8.2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian quy định quy định tại ĐKCT kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bên ký bên nào cũng đều có thể yêu cầu đơn vị tranh chấp và giải quyết theo cơ chế được quy định tại ĐKCT.
9. Phạm vi cung cấp	Được liệt kê, vị thuộc cơ truyền phải được cung cấp theo quy định tại Chương V - Phạm vi cung cấp và được đính kèm thành Phụ lục bằng giá hợp đồng và là một bộ phận không tách rời của Hợp đồng này, bao gồm các loại được liệt kê, vị thuộc cơ truyền mà nhà thầu phải cung cấp cùng với đơn giá của các loại được liệt kê, vị thuộc cơ truyền đó.
10. Tiến độ cung cấp được liệt kê, vị thuộc cơ truyền, lịch hoàn thành các dịch vụ liên	Tiến độ cung cấp được liệt kê, vị thuộc cơ truyền phải được thực hiện theo quy định tại Mục 1 Chương V - Phạm vi cung cấp. Nhà thầu phải cung cấp các hóa đơn và/hoặc các chứng từ tài liệu khác theo quy định tại ĐKCT.

quan (nếu có) và tài liệu chứng từ	
11. Trích nhiệm của Nhà thầu	Nhà thầu phải cung cấp toàn bộ được liệt kê, và thuộc cổ truyền trong phạm vi cung cấp quy định tại Mục 9 DKC và theo tiến độ cung cấp được liệt kê, và thuộc cổ truyền, lịch hoàn thành các dịch vụ liên quan quy định tại Mục 10 DKC.
12. Loại hợp đồng	Loại hợp đồng: theo quy định tại DKCT.
13. Giá hợp đồng	13.1. Giá hợp đồng được ghi tại DKCT là toàn bộ chi phí để thực hiện hoặc thành việc cung cấp được liệt kê, và thuộc cổ truyền và dịch vụ liên quan của gói thầu nêu trong Bảng giá hợp đồng trên cơ sở báo đảm tiền độ, chất lượng theo đúng yêu cầu của gói thầu. Giá hợp đồng đã bao gồm toàn bộ các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có). 13.2. Bảng giá hợp đồng quy định tại Phụ lục bảng giá hợp đồng là một bộ phận không tách rời của hợp đồng này, bao gồm phạm vi cung cấp và thành tiền của các hạng mục.
14. Thuế, phí, lệ phí	14.1. Nhà thầu chịu trách nhiệm đối với toàn bộ chi phí về thuế, phí, lệ phí phát sinh cho đến khi được liệt kê, và thuộc cổ truyền được giao cho chủ đầu tư. 14.2. Trường hợp nhà thầu thuộc đối tượng được miễn, giảm thuế, phí, lệ phí, chủ đầu tư tạo điều kiện tối đa cho nhà thầu áp dụng các chính sách miễn, giảm thuế, phí, lệ phí. 14.3. Việc điều chỉnh thuế thực hiện theo quy định tại DKCT.
15. Thanh toán	15.1. Việc thanh toán thực hiện theo quy định tại DKCT. Trường hợp Chủ đầu tư thanh toán chậm, Nhà thầu sẽ được trả lãi trên số tiền thanh toán chậm vào lần thanh toán kế tiếp. Lãi suất thanh toán chậm được tính từ ngày mà lẽ ra phải thanh toán cho đến ngày thanh toán thực tế và mức lãi suất áp dụng là mức lãi suất hiện hành đối với các khoản vay thương mại bằng VND. 15.2. Đồng tiền thanh toán là: VND.
16. Bảo quyền	Nhà thầu phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về mọi thiệt hại phát sinh do việc thiếu hụt của bên thứ ba về việc vi phạm bảo quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến được liệt kê, và thuộc cổ truyền mà Nhà thầu đã cung cấp cho Chủ đầu tư.
17. Sử dụng các tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng	17.1. Nếu không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Chủ đầu tư, Nhà thầu không được tiết lộ nội dung của hợp đồng cũng như đặc tính kỹ thuật, thông tin do Chủ đầu tư hoặc đại diện của Chủ đầu tư đưa ra cho bất cứ ai không phải là người có liên quan đến việc thực hiện hợp đồng. Việc Nhà thầu cung cấp các thông tin cho người có liên quan đến việc thực hiện hợp đồng được thực hiện theo chế độ bảo mật và trong phạm vi cần thiết cho việc thực hiện hợp đồng này. 17.2. Nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Chủ đầu tư, Nhà thầu không được sử dụng bất cứ thông tin hoặc tài liệu nào nêu trong Mục 17.1 DKC vào mục đích khác từ khi vi phạm đích thực hiện hợp đồng. 17.3. Các tài liệu quy định tại Mục 17.1 DKC thuộc quyền sở hữu của Chủ đầu tư. Khi Chủ đầu tư có yêu cầu, Nhà thầu phải trả lại cho Chủ

	đầu tư các tài liệu này (bao gồm cả các bản chụp) sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng.
18. Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn	Được liệu, vị thuộc cổ truyền được cung cấp theo Hợp đồng này sẽ phải tuân theo các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đã cấp ở Mục 2 Chương V - Phạm vi cung cấp.
19. Bông gói được liệu, vị thuộc cổ truyền	Nhà đầu phải đóng gói được liệu, vị thuộc cổ truyền đúng yêu cầu quy định tại DKCT phù hợp với từng loại được liệu, vị thuộc cổ truyền và hình thức vận chuyển. Vật đóng gói phải bảo đảm được liệu, vị thuộc cổ truyền không bị hư hỏng, thay đổi đặc tính trong quá trình bốc dỡ vận chuyển và các tác động của môi trường. Kích thước và trọng lượng của mỗi kiện hàng phải phù hợp với việc vận chuyển và giao nhận.
20. Bảo hiểm	Được liệu, vị thuộc cổ truyền cung cấp theo hợp đồng phải được bảo hiểm đầy đủ để bù đắp những mất mát, tổn thất bất thường trong quá trình sản xuất, vận chuyển, lưu kho và giao hàng theo thông nội dung được quy định tại DKCT.
21. Vận chuyển, giao hàng và các dịch vụ phát sinh	Vận chuyển và vận chuyển, giao hàng được liệu, vị thuộc cổ truyền và các yêu cầu khác quy định tại DKCT.
22. Kiểm tra và kiểm nghiệm được liệu, vị thuộc cổ truyền	22.1. Chủ đầu tư hoặc đại diện của Chủ đầu tư có quyền kiểm tra, kiểm nghiệm được liệu, vị thuộc cổ truyền được cung cấp để khẳng định được liệu, vị thuộc cổ truyền đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng. Nội dung, địa điểm và cách thức tiến hành kiểm tra, thử nghiệm được quy định tại DKCT. 22.2. Bản ký được liệu, vị thuộc cổ truyền sau quá kiểm tra, kiểm nghiệm mà không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Chủ đầu tư có quyền từ chối.
23. Bồi thường thiệt hại	Tin tưởng hợp bất khả kháng theo quy định tại Mục 25 DKC, nếu Nhà đầu không thực hiện một phần hay toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng thì Chủ đầu tư có thể khiếu nại vào giá hợp đồng một khoản tiền bồi thường tương ứng với % giá trị công việc chậm thực hiện như quy định tại DKCT tính cho mỗi tuần chậm thực hiện hoặc không thực hiện khác như thỏa thuận cho đến khi nội dung công việc đó được thực hiện. Chủ đầu tư sẽ không trả đến % tối đa như quy định tại DKCT. Khi đạt đến mức tối đa, Chủ đầu tư có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Mục 28 DKC.
24. Yêu cầu về nguồn gốc, chất lượng và hạn sử dụng được liệu, vị thuộc cổ truyền	24.1. Nhà đầu bảo đảm được liệu, vị thuộc cổ truyền được cung cấp có nguồn gốc, xuất xứ theo đúng quy định tại Thông tư số 38/2021/TT-BYT, nếu khi có quy định khác nêu tại DKCT. 24.2. Nhà đầu bảo đảm chất lượng được liệu, vị thuộc cổ truyền cung cấp theo hợp đồng phải đáp ứng theo tiêu chuẩn chất lượng quy định tại được diễn theo quy định tại Thông tư số 38/2021/TT-BYT hoặc tiêu chuẩn chất lượng đã công bố hoặc đã được cấp giấy đăng ký lưu hành và các quy định khác nêu tại DKCT. Ngoài ra, nhà đầu cũng phải bảo đảm được liệu, vị thuộc cổ truyền được cung cấp theo hợp đồng sẽ không có các vấn đề này sinh có thể

	dẫn đến chứng bất lợi trong quá trình sử dụng dịch vụ thương mại được cấp, vi phạm sở hữu trí tuệ. 24.3. Yêu cầu về hạn sử dụng đối với được cấp, vi phạm sở hữu trí tuệ quy định tại ĐKCT.
25. Bất khả kháng	25.1. Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là những sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát và khả năng lường trước của các bên, chẳng hạn như: chiến tranh, bạo loạn, dịch bệnh, hỏa hoạn, thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do biến dịch. 25.2. Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một cơ quan có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng. Trong khoảng thời gian không thể thực hiện hợp đồng do điều kiện bất khả kháng, Nhà đầu tư theo hướng dẫn của Chủ đầu tư vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng của mình theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng. Trong trường hợp này, Chủ đầu tư phải xem xét để bồi hoàn cho Nhà đầu tư các khoản phụ phí của thuế và hợp lý mà họ phải gánh chịu. 25.3. Một bên không hoàn thành nhiệm vụ của mình do trường hợp bất khả kháng sẽ không phải bồi thường thiệt hại, bị phạt hoặc bị chấm dứt hợp đồng. Trường hợp phát sinh tranh chấp giữa các bên do sự kiện bất khả kháng xảy ra hoặc kéo dài thì tranh chấp sẽ được giải quyết theo quy định tại Mục 3 ĐKC.
26. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng	26.1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau: a) Thay đổi phương thức vận chuyển hoặc đóng gói; b) Thay đổi địa điểm giao hàng; c) Thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng; d) Các nội dung khác quy định tại ĐKCT. 26.2. Chủ đầu tư và Nhà đầu tư sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng trong trường hợp hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng.
27. Điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng	Tiến độ thực hiện hợp đồng chỉ được điều chỉnh trong trường hợp sau đây: 27.1. Trường hợp bất khả kháng, không liên quan đến vi phạm hoặc sự siết của các bên tham gia hợp đồng; 27.2. Thay đổi phạm vi cung cấp, biến pháp cung cấp do yêu cầu khách quan làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng; 27.3. Trường hợp điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng mà không làm biến đổi tiến độ hoàn thành dự án thì các bên tham gia hợp đồng thỏa thuận, đồng nhất việc điều chỉnh. Trường hợp điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng làm kéo dài tiến độ hoàn thành dự án thì phải báo cáo người có thẩm quyền xem xét, quyết định.

	27.4. Các trường hợp khác quy định tại ĐKKT.
28. Chấm dứt hợp đồng thuê không	28.1. Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu có thể chấm dứt hợp đồng thuê một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau: a) Nhà thầu không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Chủ đầu tư gia hạn; b) Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu bị phá sản hoặc phải thanh lý tài sản để trả nợ của hoặc sắp nhận; c) Có bằng chứng cho thấy Nhà thầu đã vi phạm một trong các hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 Luật đầu thầu số 22/2023/QH15 trong quá trình đấu thầu hoặc thực hiện Hợp đồng; d) Các hành vi khác quy định tại ĐKKT. 28.2. Trong trường hợp Chủ đầu tư chấm dứt việc thực hiện một phần hay toàn bộ hợp đồng theo điểm a Mục 28.1 ĐKK, Chủ đầu tư có thể ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt đó. Nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Chủ đầu tư những chi phí phát sinh cho việc thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt này. Tuy nhiên, Nhà thầu vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng không bị chấm dứt và chịu trách nhiệm bảo hành phần hợp đồng do mình thực hiện. 28.3. Trong trường hợp Chủ đầu tư chấm dứt hợp đồng theo điểm b Mục 28.1 ĐKK, Chủ đầu tư không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Chủ đầu tư được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.

Chương VII. Điều kiện cụ thể của thỏa thuận không

Từ khi có quy định khác, toàn bộ ĐKUT phải được Bên mời thầu ghi đầy đủ trước khi phát hành E - HSM/T

BKC 1.1	Chủ đầu tư là: ____ [ghi tên hợp pháp đầy đủ của Chủ đầu tư].
BKC 1.3	Nhà thầu: ____ [ghi tên Nhà thầu trúng thầu].
BKC 1.5	Địa điểm Dự án (Điểm giao hàng cuối cùng là: ____ [ghi tên và thông tin chi tiết về địa điểm].
BKC 1.2 k)	Các từ viết tắt đầy đủ cũng là một phần của hợp đồng: ____ [đặt ở vị trí rỗng].
BKC 4	Chủ đầu tư [có thể hoặc không thể] ủy quyền các nghĩa vụ và trách nhiệm của mình cho người khác.
BKC 5.1	Các thông báo cần gửi về Chủ đầu tư theo địa chỉ dưới đây: Người nhận: ____ [ghi tên đầy đủ của người nhận, nếu có]. Địa chỉ: ____ [ghi đầy đủ địa chỉ]. Điện thoại: ____ [ghi số điện thoại, bao gồm mã quốc gia và mã thành phố]. Fax: ____ [ghi số fax, bao gồm mã quốc gia và mã thành phố]. Địa chỉ email: ____ [ghi địa chỉ email (nếu có)].
BKC 6.1	- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: ____ [còn cả thanh chất, yêu cầu của gói thầu, quy định Nhà thầu cung cấp xuất bảo đảm thực hiện hợp đồng theo hình thức thư bảo lãnh từ Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam hoặc nước khác theo hình thức đặt cọc bằng Séc. Trường hợp Nhà thầu nộp Thư bảo lãnh của Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phải nêu rõ phải là bảo đảm không có điều kiện trở tiền khi nó yêu cầu theo Mẫu số 15 Chương VIII - Điều mẫu hợp đồng]. - Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: ____ % Giá hợp đồng. [ghi giá trị cụ thể còn cả yêu cầu của gói thầu, từ 1 % đến 3 % Giá hợp đồng]. - Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến hết ngày ____ tháng ____ năm ____ [còn cả thanh chất và yêu cầu của gói thầu và quy định thời hạn nộp, ví dụ: Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải có hiệu lực cho đến hết năm bị được lên, ví dụ: có truyền được hóa giao, hai bên ký hóa bản nghiệm thu và Nhà thầu chuyển sang nghĩa vụ tác hành theo quy định].
BKC 6.2	Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: ____ [ghi cụ thể thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng còn cả thanh chất và yêu cầu của gói thầu].
BKC 7.1	Danh sách nhà thầu phụ: [ghi danh sách nhà thầu phụ phải hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong E - HSM/T].
BKC 7.3	Nêu các yêu cầu cụ thể khác về nhà thầu phụ. [ghi yêu cầu khác về nhà thầu phụ (nếu có)].
BKC 8.2	- Thời gian để tiến hành hòa giải: ____ [ghi số ngày tiến hành hòa giải rõ ràng]. - Giải quyết tranh chấp: ____ [ghi cụ thể thời gian và cơ chế xử lý tranh chấp còn cả quy mô, tính chất của gói thầu. Trong đó cần nêu rõ thời gian giải quyết của giải quyết tranh chấp, tổ chức giải quyết tranh chấp, chi phí cho việc giải quyết tranh chấp.].

BKC 10	Nhà thầu phải cung cấp các thông tin và chứng từ về việc vận chuyển được liệt kê, ví thuộc cổ truyền sau đây: ____ (Hỏa đơn được liệt kê, ví thuộc cổ truyền, phải hiển nguyên chất lượng tương ứng với từng lô hàng, tài liệu chứng minh nguồn gốc, xuất xứ của các lô hàng; đầu dẫn bảo quản trong quá trình vận chuyển). Chủ đầu tư phải nhận được các tài liệu chứng từ rõ ràng trước khi được liệt kê, ví thuộc cổ truyền đến nơi, nên không Nhà thầu sẽ phải chịu trách nhiệm về bất kỳ chi phí nào phát sinh do không thực hiện quy định này. Nhà thầu phải tuân thủ Điều kiện nguyên chất lượng của từng lô hàng đạt tiêu chuẩn chất lượng theo đúng quy định.
BKC 12	Loại hợp đồng: ____ (căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, chủ đầu tư quy định cụ thể loại hợp đồng theo quy định Luật đấu thầu số 22/2023/QH13).
BKC 13.1	Giá hợp đồng: ____ (ghi gói hợp đồng theo giá trị nêu trong Thư chấp thuận E - MSOT và đơn hợp đồng).
BKC 14.3	Điều chỉnh thuế: ____ (ghi "được phép" hoặc "không được phép" áp dụng điều chỉnh thuế. Trường hợp được phép áp dụng điều chỉnh thuế thì ghi: "trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán lần cuối tính về thuế có sự thay đổi đáng kể (hoặc nhóm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời Nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì được chỉnh lịch của chính sách về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng").
BKC 15.1	Phương thức thanh toán: ____ (căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu và quy định cụ thể nội dung này. Việc thanh toán cho Nhà thầu có thể quy định thành toàn hợp tiền mặt, trả từ ngân hàng, chuyển khoản... số lần thanh toán là nhiều lần trong quá trình thực hiện hoặc thanh toán một lần khi hoàn thành hợp đồng. Thời hạn thanh toán trong vòng không quá 90 ngày kể từ khi Nhà thầu xuất trình đầy đủ các chứng từ theo đúng quy định của pháp luật. Đồng thời, cần quy định cụ thể về chứng từ thanh toán phải hợp với quy định của pháp luật).
BKC 19	Đồng gói được liệt kê, ví thuộc cổ truyền: ____ (căn cứ quy mô, tính chất của từng loại được liệt kê, ví thuộc cổ truyền cũng như phương thức vận chuyển và quy định cụ thể việc đồng gói. Trong đó cần nêu rõ quy định về cách thức đồng gói, ví dụ đồng gói, thông tin về được liệt kê, ví thuộc cổ truyền ghi trên bao bì đồng gói, các chỉ dẫn cho việc bốc dỡ, vận chuyển...). Việc quy định quy cách đồng gói phải bảo đảm thuận tiện trong quá trình vận chuyển, bảo quản.
BKC 20	Nội dung bảo hiểm: ____ (căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định cụ thể nội dung này. Việc có sự bảo hiểm phải hợp với quy định của pháp luật cũng như phải hợp với các điều kiện thương mại được áp dụng).
BKC 21	- Yêu cầu về vận chuyển, giao hàng được liệt kê, ví thuộc cổ truyền: ____ (nêu yêu cầu về vận chuyển được liệt kê, ví thuộc cổ truyền, bao gồm cả địa điểm được liệt kê, ví thuộc cổ truyền được giao đến. Tùy theo yêu cầu và tính chất của gói thầu, trong đó phải nêu rõ khi giao nhận hàng phải cung cấp các giấy tờ chứng minh nguồn gốc, xuất xứ theo quy định tại mục 1.3.1. GINT). - Các yêu cầu khác ____ (căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà quy định nội dung này...).

BKC 22.1	Kiểm tra, kiểm nghiệm được liệu, vị thuốc cổ truyền: ____ [theo cơ sở dữ liệu, tình chất của gói thầu mà quy định cụ thể việc kiểm tra, kiểm nghiệm của Nhà thầu trên cơ sở phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục 4 Chương II - Phụ lục vi cung cấp. Việc kiểm tra, kiểm nghiệm có thể quy định theo từng gói thầu như: trước khi giao được liệu, vị thuốc cổ truyền; khi được liệu, vị thuốc cổ truyền được giao đến... Trong các quy định về kiểm tra, kiểm nghiệm của nhà được các nội dung cơ bản như: thời gian, địa điểm, cách thức tiến hành, chi phí cho việc kiểm tra, kiểm nghiệm... cũng như quy định về cách thức xử lý đối với các được liệu, vị thuốc cổ truyền không đạt yêu cầu của gói kiểm tra, kiểm nghiệm].
BKC 23	Tổng giá trị bồi thường thiệt hại tối đa là: ____% [ghi mức bồi thường dưới 1% tối đa]. Mức khấu trừ: ____% [năm (hoặc ngày, tháng...)] [ghi cụ thể quy định về mức khấu trừ là bao nhiêu % với tổng công việc chậm thực hiện theo tính chất và yêu cầu của gói thầu]. Mức khấu trừ tối đa: ____% [ghi mức khấu trừ tối đa].
BKC 24.1	Nội dung yêu cầu bảo đảm khác đối với được liệu, vị thuốc cổ truyền: ____ [theo nội dung của các báo đảm khác đối với được liệu, vị thuốc cổ truyền (nếu có)].
BKC 24.2	Yêu cầu về chất lượng: ____ [theo nội dung yêu cầu trên cơ sở quy định một số nội dung sau: - Đối với được liệu: Phải có Phiếu kiểm nghiệm của là được liệu với đầy đủ các chỉ tiêu chất lượng quy định tại nội dung các được liệu theo quy định tại Thông tư số 78/2021/TT-BYT hoặc theo tiêu chuẩn chất lượng mà cơ sở tự công bố hoặc đã được cấp giấy đăng ký lưu hành. - Đối với vị thuốc cổ truyền: Phải có Phiếu kiểm nghiệm của là vị thuốc cổ truyền với đầy đủ các chỉ tiêu chất lượng theo tiêu chuẩn chất lượng đã được cấp giấy đăng ký lưu hành].
BKC 24.3	Yêu cầu về hạn sử dụng: ____ [theo nội dung yêu cầu trên cơ sở quy định một số nội dung sau: - Hạn bảo đảm hạn sử dụng: Hạn sử dụng còn lại của được liệu, vị thuốc cổ truyền trong thời điểm từ thời điểm được liệu, vị thuốc cổ truyền cung ứng cho cơ sở y tế phải bảo đảm tối thiểu còn 36 tháng đối với được liệu, vị thuốc cổ truyền có hạn dùng từ 02 năm trở lên; 03 tháng đối với được liệu, vị thuốc cổ truyền có hạn dùng từ 01 đến dưới 02 năm; 1/4 hạn dùng đối với được liệu, vị thuốc cổ truyền có hạn dùng dưới 01 năm. - Cơ chế giữ gìn các được liệu, vị thuốc cổ truyền, hư hỏng, hạn chất lượng phải định trong quá trình sử dụng được liệu, vị thuốc cổ truyền. Các nhà thầu tham gia đấu thầu phải báo cáo Nhà thầu về các hư hỏng, hạn chất lượng phải xử lý của được liệu, vị thuốc cổ truyền; thời hạn Nhà thầu phải nêu hình thức phục các hư hỏng, hạn chất lượng; chi phí cho việc sửa chữa, phục các hư hỏng, hạn chất lượng và Nhà thầu phải chịu toàn bộ chi phí cho việc khắc phục...].
BKC 26.1(a)	Các nội dung khác về hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng: ____ [theo cụ thể các nội dung khác (nếu có)]. Trong quá trình cung ứng được liệu, vị thuốc cổ truyền trong thầu, Chủ đầu tư có thể tạm thời để nhà thầu thay đổi đơn vị cung cấp, nhưng tiêu

	chất lượng không thay đổi. Trường hợp thay thế đơn vị cung ứng được lựa chọn thuộc cổ truyền, nhà sản xuất cung cấp tất cả các thông tin cần thiết để Chủ đầu tư có thể đánh giá việc thay thế, bao gồm: Hồ sơ pháp lý của đơn vị cung ứng được thay thế (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh được phép vì sản xuất hoặc bán buôn được lựa chọn, vị thuộc cổ truyền, tài liệu chứng minh nguồn gốc, xuất xứ được lựa chọn, vị thuộc cổ truyền, tên chất lượng của được lựa chọn, vị thuộc cổ truyền).
ĐKC 23.4	Các trường hợp khác: ____ (nếu có thể các tài liệu khác cần có).
ĐKC 23.1(d)	Các hình thức khác: ____ (nếu hình thức khác (nếu có)).

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..... ngày tháng năm

THỎA THUẬN KHUNG

Số

V/v tăng cấp được thầu/vị thuộc cổ tuyển thuộc Gói
Đầu số (theo quyết định được phê duyệt)

Căn cứ Luật Đầu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/06/2023 của Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 28/05/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc mua sắm tài sản nhà nước theo phương thức tập trung;

Căn cứ Thông tư số/2024/TT-BYT ngày của Bộ Y tế quy định việc mua sắm thuốc tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-..... ngày của (ghi tên cơ quan quyết) về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu (ghi tên gói thầu) của (ghi tên đơn vị mua sắm tập trung) ...;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-..... ngày của (ghi tên đơn vị mua sắm tập trung) về việc phê duyệt Hồ sơ yêu cầu (ghi tên gói thầu) ...;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-..... ngày của (ghi tên đơn vị mua sắm tập trung) về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu (ghi tên gói thầu) ...;

Căn cứ Tờ chấp thuận Hồ sơ đề xuất và trao đổi thỏa thuận khung của (ghi tên đơn vị mua sắm tập trung) ...;

..... (ghi thêm các căn cứ khác nếu có) ...;

Hôm nay, ngày tháng năm, tại (ghi tên địa điểm ký thỏa thuận khung) ... Chúng tôi gồm:

I. Cơ quan ký thỏa thuận khung (sau đây gọi là Bên A):

Tên Chủ đầu tư (ghi tên chủ đầu tư)

Địa chỉ:

Điện thoại:

Tax:

E-mail:

Tên Kế toán:

Mã số thuế:

Đại diện là ông/bà:

Chức vụ:

Cấp ủy quyền ký Thỏa thuận bằng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

II. Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu (đối với nhà thầu riêng (độc)) _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Cấp ủy quyền ký Thỏa thuận bằng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

Hai bên thống nhất ký kết Thỏa thuận khung cho việc cung cấp dịch vụ thuốc có truyền cho các cơ sở y tế trên toàn quốc/dịa phương dựa kết quả lựa chọn nhà thầu. Gói thầu số như sau:

1. Phạm vi cung cấp

- Phạm vi cung cấp là các mặt hàng được liệt kê thuộc cổ truyền trong danh sách theo số lượng của từng phần được phân bổ cho các cơ sở y tế trên địa bàn.
- Tên cơ sở Thỏa thuận khung này. Nhà thầu và các cơ sở y tế trên toàn quốc sẽ ký hợp đồng để cung ứng được dịch vụ thuốc có truyền cho từng cơ sở y tế.

2. Thời gian, địa điểm giao hàng:

- Nhà thầu giao hàng làm nhiều đợt trong thời gian từ ngày đến hết ngày quy định trong hợp đồng. Các cơ sở y tế (bên mua) dự trả số hàng được liệt kê thuộc cổ truyền tùy theo chỉ tiêu thực tế của từng đơn vị; nhà thầu phải đáp ứng cung cấp đủ số lượng, đợt chất lượng hàng hóa theo thời gian thỏa thuận với các cơ sở y tế được quy định trong hợp đồng. Bên mua có thể dự trả hàng đặc xuất khi cần thiết phục vụ kịp thời cho công tác khám chữa bệnh.

- Địa điểm giao hàng: Hàng hóa được giao tại kho của bên mua theo danh mục các cơ sở y tế phân bổ thuộc Gói thầu

3. Điều kiện bán giao hàng hóa, thanh toán, thanh lý hợp đồng

Chỉ rõ các điều kiện cụ thể, phù hợp với tình hình cụ thể trên địa bàn.

4. Hướng dẫn sử dụng hàng hóa, điều kiện bán hàng

Chỉ rõ điều kiện cụ thể đối với từng địa bàn cụ thể

5. Trách nhiệm của Bên A(1)

- Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu và thỏa thuận khung đến các cơ sở y tế y tế thuộc phạm vi cung cấp của Thỏa thuận khung theo quy định tại Thông tư số/2024/TT-BYT ngày/2024 của Bộ Y tế quy định việc đưa thuốc thuộc bị các cơ sở y tế cung cấp.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho Nhà thầu trong việc thương thảo và ký hợp đồng với các cơ sở y tế.

- ... Bổ sung thêm các điều khoản chi tiết phù hợp với tình hình từng địa phương. ...

6. Trách nhiệm của bên B(1)

- Tiến hành ký kết Thỏa thuận không với chủ ... (ghi tên đơn vị mua sắm tập trung) ... để cung cấp các mũi hàng được hiệu/vị thuốc cổ truyền theo gói đầu.

- Ký hợp đồng mua bán được hiệu/vị thuốc cổ truyền với các cơ sở y tế theo số lượng của từng mũi hàng để phân bổ cho từng cơ sở y tế. (ghi rõ thời gian, địa điểm, quy định cụ thể)

- Cung ứng đầy đủ được hiệu/vị thuốc cổ truyền và đóng tiền đủ theo đúng, đúng loại, số lượng, đơn giá không vượt quá giá trúng thầu đã được phê duyệt.

- Thực hiện đầy đủ các yêu cầu trong điều kiện chung nêu tại Chương V và điều kiện cụ thể nêu tại Chương VI và nội dung của Biên bản kết được nêu trong Hồ sơ yêu cầu (đính kèm các biên bản kết với nhà thầu).

- Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng đã ký giữa Nhà thầu với các cơ sở y tế.

- ... Bổ sung thêm các điều khoản chi tiết phù hợp với tình hình từng địa phương. ...

7. Hiệu lực và thời hạn được hiệu thỏa thuận không

- Thỏa thuận không này là cơ sở để các cơ sở y tế ký hợp đồng mua được hiệu/vị thuốc cổ truyền với nhà thầu cung cấp được hiệu/vị thuốc cổ truyền.

- Thời gian được hiệu Thỏa thuận không: Kể từ ngày ký đến hết ngày:

8. Xử phạt do vi phạm

- Việc xử phạt do vi phạm các điều khoản của Thỏa thuận không/Hợp đồng đã ký kết được thực hiện theo các quy định hiện hành.

Thỏa thuận không này được làm thành 04 bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 bản/.

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU

**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ MUA SẮM TẬP
TRUNG**

Ghi chú:

(1) Thỏa thuận không phải quy định rõ các điều khoản về trách nhiệm của Bên A và Bên B trong quá trình thực hiện Thỏa thuận không.

PHỤ LỤC THỎA THUẬN KHUNG

(Kèm theo Thỏa thuận khung số ____, ngày __ tháng __ năm __)

Phụ lục này được lập trên cơ sở yêu cầu nêu trong E - HSMT, E - HSDT và những thỏa thuận đã đạt được trong quá trình đàm phán, hoàn thiện thỏa thuận khung, bao gồm giá (thành tiền) cho từng hạng mục, nội dung công việc, phạm vi cung cấp, Chi (thành tiền) cho từng hạng mục, nội dung công việc đã bao gồm các chi phí và thuế, phí, lệ phí (nếu có) được thanh toán, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng tiền theo quy định:

STT	Tên đơn liệu/vị thuế có truyền	Tên khu phần học dùng	Bộ phận dùng	Dạng vẽ chế thương pháp chế hiển	Quy cách đóng chất gói lưu trữ	Tiêu chẩn đóng (Tuân theo)	Hạng mục đóng	Số ĐCLN/ GPNK/ Số GACP/ Số chứng số TCTD/ Số phần bìa Được đính áp dụng	Cơ sở nào xuất	Cơ sở cung cấp	Nguồn gốc	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (có VAT)	Thành tiền (có VAT)
1															
2															
3															
4															

PHỤ LỤC 3: PHẠM VI CUNG CẤP CHI TIẾT THEO TỪNG MẶT HÀNG

(Kèm theo Thỏa thuận khung số ____, ngày __ tháng __ năm __)

STT	Tên dược hệ/vị thuốc cổ truyền	Tên khoa học	Họ phân đồng	Dạng sơ chế Phương pháp chế biến	Quy cách đóng gói	Đơn vị định	Đơn giá (có VAT)	Số lượng	Thành tên (có VAT)	Tên cơ sở y tế	Tỉnh/thành phố
1											
2											
3											
...											

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ
TRÁU**

(ghi tên, chức danh, kí tên và đóng dấu)

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ ĐẦU
TƯ**

(ghi tên, chức danh, kí tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC 3: PHẠM VI CUNG CẤP CHI TIẾT THEO TỪNG CƠ SỞ Y TẾ

(Kèm theo Thỏa thuận khung số __, ngày __ tháng __ năm __)

STT	Tên dược liệu/vị thuốc có truyền	Tên khoa/phần bọc dùng	Bộ phận chính	Phương pháp chế biến	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Hạn dùng (Tuần thứ)	SƠ ĐỒ LƯU GPHK, SƠ GACP, SƠ CÔNG SƠ TUCL hoặc phân tích Được nhận áp dụng	Cơ sở sản xuất	Cơ sở cung cấp	Nguồn gốc	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (có VAT)	Thành tiền (có VAT)
	Tên cơ sở y tế 1: Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Ninh														I
1															
2															
...															
	Tên cơ sở y tế 1: Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang														I
1															
2															
...															
	Một hàng -														I

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ
THẦU**

(ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ
THẦU**

(ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

Chương VIII. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương này ban gồm các biểu mẫu mà sau khi ghi thông tin hoàn chỉnh sẽ trở thành một phần của hợp đồng. Mẫu ban lãnh thực hiện hợp đồng và Mẫu ban Ban điều hành ứng dụng cho Nhà thầu trình thầu ghi thông tin và hoàn chỉnh sau khi được trao hợp đồng.

Mẫu số 13, Thư chấp thuận hồ sơ dự thầu và trao hợp đồng.

Mẫu số 14, Hợp đồng.

Mẫu số 15, Báo lãnh thực hiện hợp đồng.

Mẫu số 13.

THƯ CHẤP THUẬN HỒ SƠ DỰ THẦU VÀ TRAO HỢP ĐỒNG.

_____ ngày _____ tháng _____ năm _____

Kính gửi: *[ghi tên và địa chỉ của Nhà thầu trình thầu, sau đây gọi tắt là "Nhà thầu"]*

Về việc: Thông báo chấp thuận hồ sơ dự thầu và trao hợp đồng

Căn cứ Quyết định số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ của Chủ đầu tư *[ghi tên Chủ đầu tư, sau đây gọi tắt là "Chủ đầu tư"]* về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu: _____ *[ghi tên, số hiệu gói thầu]*, Bên mời thầu *[ghi tên Bên mời thầu, sau đây gọi tắt là "Bên mời thầu"]* xin thông báo Chủ đầu tư đã chấp thuận hồ sơ dự thầu và trao hợp đồng cho Nhà thầu để thực hiện gói thầu *[ghi tên, số hiệu gói thầu]*. Trường hợp gói thầu chứa nhiều phần thì ghi tên, số hiệu của phần mà Nhà thầu được lựa chọn với giá hợp đồng là: _____ *[ghi giá trúng thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu]* với thời gian thực hiện hợp đồng là: _____ *[ghi thời gian thực hiện hợp đồng trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu]*.

Để nghị đại diện hợp pháp của Nhà thầu tiến hành hoàn thiện và ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư, Bên mời thầu theo kế hoạch như sau:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: _____ *[ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng]*, tại địa điểm *[ghi địa điểm hoàn thiện hợp đồng]*;

- Thời gian ký kết hợp đồng: _____ *[ghi thời gian ký kết hợp đồng]*, tại địa điểm *[ghi địa điểm ký kết hợp đồng]*, giám sát theo Dự thảo hợp đồng.

Để nghị Nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo Mẫu số 15 Chương VIII - Biểu mẫu hợp đồng của hồ sơ mời thầu với số tiền _____ và thời gian hiệu lực _____ *[ghi số tiền bảo ứng và thời gian có hiệu lực theo quy định tại Mục 6.1 DKCT của E - HSMT]*.

Văn bản này là một phần không thể tách rời của hồ sơ hợp đồng. Sau khi nhận được văn bản này, Nhà thầu phải có văn bản chấp thuận đến hoàn thiện, ký kết hợp đồng và thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo yêu cầu nêu trên, trong đó Nhà thầu phải cam kết ứng lực hiện tại của Nhà thầu vẫn đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời thầu. Chủ đầu tư sẽ từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng với Nhà thầu trong trường hợp phát hiện năng lực hiện tại của Nhà thầu không đáp ứng yêu cầu thực hiện gói thầu.

Nếu đến ngày ____ tháng ____ năm ____ (1) mà Nhà đầu không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu nêu trên thì Nhà đầu sẽ bị loại và không được nhận lại bảo đảm dự thầu.

Bộ phận hợp pháp của Bên mời thầu
(ghi rõ, chức danh, họ tên và đóng dấu)

Tài liệu đính kèm: Dự thảo hợp đồng

Chú thích:

(1) Ghi thời gian phù hợp với thời gian quy định trong Mẫu thư bảo lãnh dự thầu.

Mẫu số 14
HỢP ĐỒNG (1)

____ ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____

Gửi thư: _____ [ghi tên gửi thư]

Thuộc dự án: _____ [ghi tên dự án]

- Căn cứ(2) _____ (Bộ luật Dân sự);

- Căn cứ(2) _____ (Luật đầu thầu);

- Căn cứ(2) _____ (Nghị định);

- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu _____ [ghi tên gói thầu] và thông báo chấp thuận E - HSDT và trao hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của Bên mời thầu;

- Căn cứ biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng đã được Bên mời thầu và Nhà thầu trùng thẩm ký ngày ____ tháng ____ năm ____;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)

Tên Chủ đầu tư [ghi tên Chủ đầu tư]: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Chữ ký quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên Nhà thầu _____ [ghi tên Nhà thầu trùng thầu];

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ (trường hợp được ủy quyền).

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp được liệt kê, vị thuốc cổ truyền với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Đối tượng của hợp đồng là các dược liệu, vị thuốc cổ truyền được nêu chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phụ lục và cung cấp và bằng giá cùng các Phụ lục khác);
2. Biên bản thương thảo, biên thiện hợp đồng;
3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
4. Điều kiện cụ thể của hợp đồng;
5. Điều kiện chung của hợp đồng;
6. Hồ sơ dự thầu và các văn bản làm rõ hồ sơ dự thầu của Nhà thầu trúng thầu (nếu có);
7. Hồ sơ mời thầu và các tài liệu văn bản hồ sơ mời thầu (nếu có);
8. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

Bên A cam kết thành mãn cho Bên B theo giá hợp đồng quy định tại Điều 5 của hợp đồng này theo phương thức được quy định trong điều kiện cụ thể của hợp đồng cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng. Trường hợp Bên A chậm thanh toán so với thời hạn quy định tại Hợp đồng, Bên A sẽ phải chịu mức lãi suất Ngân hàng Nhà nước tương ứng với số ngày chậm thanh toán.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại dược liệu, vị thuốc cổ truyền như quy định tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: _____ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng];
2. Phương thức thanh toán: _____ [ghi phương thức thanh toán theo quy định tại Mục 15.1 Điều kiện cụ thể của hợp đồng của hồ sơ mời thầu].

Điều 6. Loại hợp đồng



Loại hợp đồng:

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng: _____ [ghi thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với quy định tại Mục 12 DSC, E - HSDT và kết quả thương thảo, hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên].

Điều 8. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ _____ [ghi cụ thể ngày có hiệu lực của hợp đồng].

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành _____ bộ. Chủ đầu tư giữ _____ bộ. Nhà thầu giữ _____ bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ ĐẦU TƯ
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Các vi phạm mà, tính chất của gói thầu, nội dung hợp đồng theo mẫu này có thể của đối, bị xem chỉ phù hợp, đặc biệt là đối với các nội dung thể thương thảo có sự khác biệt so với DSC.

(2) Các nội dung nêu trên quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

(3) Hợp đồng phải quy định rõ các điều khoản về trách nhiệm giữa nhà thầu và cơ sở y tế và việc không giải ngân được tiền để số lượng và việc thanh toán không đúng hạn, và được được lập, và được cơ sở y tế không đúng quy định theo hợp đồng để ký kết giữa nhà thầu và cơ sở y tế.

PHỤ LỤC BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số ____, ngày __ tháng __ năm __)

Phụ lục này được lập trên cơ sở yêu cầu nêu trong F - HSM, E - HSDT và những thỏa thuận đã đạt được trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng, bao gồm giá (thành tiền) cho công hàng, máy, nội dung công việc. Giá (thành tiền) cho công hàng máy, nội dung công việc đã bao gồm các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 15 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định.

BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG (Đối với gói thầu được liệt)

STT	Tên được liệt	Tên được liệt	Tên được liệt	Đơn vị tính (nếu có)	Đơn vị tính (nếu có)	Đơn vị tính (nếu có)	Tên được liệt	Hạng	Số HCH/GPNK, số GACPI, số công bố TCCL, báo phải là Được duyệt áp dụng	Các chi phí	Có chi phí	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (có VAT)	Thành tiền (có VAT)
1															
2															
3															
Tổng cộng giá hợp đồng (tính chuyển sang Dấu 5 hợp đồng)															

BẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU

(Ký, ghi rõ họ tên)

BẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ ĐẦU TƯ

(Ký, ghi rõ họ tên)

BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Điền với gói thầu v) thuộc hồ truyền)

STT	Tên vị thiết bị truyền	Tên thiết bị	Bi pháp đăng	Phương pháp chế biến	Quy cách đăng gửi	TU C1	Hợp đồng	Người gửi	Số Ghi BKLH hoặc CĐNK	Cơ sở nân nghi	Cơ sở vận chức	Đơn vị định	Cá hợp	Đơn gửi (có VAT)	Thành nhi (có VAT)
1															
2															
3															
...															
	Tổng cộng giá hợp đồng (Kể cả thuế suất thuế GTGT)														

BẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU

(Ký, ghi rõ họ tên)

**BẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ ĐẦU
TƯ**

(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 15

BẢO LÀNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG (1)

____ ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ [ghi tên cơ sở y tế ký hợp đồng]

(sau đây gọi là Chủ đầu tư)

Theo đề nghị của _____ [ghi tên Nhà thầu] (sau đây gọi là Nhà thầu) là Nhà thầu đã trúng thầu gói thầu _____ [ghi tên gói thầu] và cam kết sẽ ký kết hợp đồng cung cấp được liệt kê, vì thuộc cơ truyền cho gói thầu trên (sau đây gọi là hợp đồng) (2).

Theo quy định trong E - HSMT (hoặc hợp đồng), Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng.

Chúng tôi, _____ [ghi tên của ngân hàng] ở _____ [ghi tên quốc gia hoặc vùng lãnh thổ] có trụ sở đăng ký tại _____ [ghi địa chỉ của ngân hàng] (sau đây gọi là "Ngân hàng"), xin cam kết bảo lãnh của việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là _____ [ghi rõ ghi trị tương ứng bằng số, bằng chữ và đồng tiền sẽ được đưa vào danh mục lục 6.1 ĐMCT của E - HSMT]. Chúng tôi cam kết thành toàn vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn _____ [ghi số tiền bảo lãnh thực tế nêu trên, khi có văn bản của Chủ đầu tư thông báo Nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng].

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày ____ tháng ____ năm ____ (4).

Đại diện hợp pháp của ngân hàng
[ghi tên, chức danh, họ tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Chỉ áp dụng trong trường hợp việc pháp luật hiện hành hiện hợp đồng là thu bảo lãnh của ngân hàng hoặc tổ chức tài chính.

(2) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký với cấp giấy bảo lãnh thì bên một bên sẽ báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể xóa bỏ như sau:

"Theo đề nghị của _____ [ghi tên Nhà thầu] (sau đây gọi là Nhà thầu) là Nhà thầu trúng thầu gói thầu _____ [ghi tên gói thầu] đã ký hợp đồng số _____ [ghi số hợp đồng] ngày ____ tháng ____ năm ____ (sau đây gọi là hợp đồng) -"

(3) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(4) Ghi thời hạn phải nộp tiền vào quy định tại Mục 6.1 ĐMCT.

Phần 4. PHỤ LỤC
BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ KỸ THUẬT

Tiêu chí	Mức điểm	Điểm chi tiết
1. Các tiêu chí đánh giá về chất lượng được lựa, vj thuốc cổ truyền: 80 điểm		
1. Một hàng được lựa, vj thuốc cổ truyền tham dự thầu được cung cấp bởi cơ sở sản xuất được lựa, vj thuốc cổ truyền(1):	20	
1.1. Được cơ quan quản lý Dược Việt Nam đánh giá, thẩm nhận đáp ứng nguyên tắc, tiêu chuẩn GMP phạm vi sản xuất tương ứng với một hàng dự thầu và có phòng kiểm nghiệm dự Thực hành tốt phòng thí nghiệm thuốc, nguyên liệu làm thuốc (GLP).		20
1.2. Được cơ quan quản lý Dược Việt Nam đánh giá, thẩm nhận đáp ứng nguyên tắc, tiêu chuẩn GMP phạm vi sản xuất tương ứng với một hàng dự thầu nhưng chưa có phòng kiểm nghiệm dự Thực hành tốt phòng thí nghiệm thuốc (GLP).		15
1.3. Các trường hợp còn lại không thuộc mục 1.1 và 1.2 nêu trên		15
2. Tình hình vi phạm chất lượng của một hàng được lựa, vj thuốc cổ truyền dự thầu(2):	20	
2.1. Không có vi phạm hoặc vi phạm chất lượng ở mức độ 3 sẽ không bị dừng tài vi phạm chất lượng trên Trung thống tin điện tử của Cục Quản lý Y, Dược cổ truyền hoặc bị vi phạm chất lượng nhưng đã được rút khỏi danh sách vi phạm chất lượng tính từ thời điểm đóng thầu trở về trước.		20
2.2. Vi phạm chất lượng ở Mức độ 3 và bị dừng tài vi phạm chất lượng trên Trung thống tin điện tử của Cục Quản lý Y, Dược cổ truyền nhưng chưa được rút khỏi Danh sách vi phạm chất lượng tính từ thời điểm đóng thầu trở về trước.		18
2.3. Vi phạm chất lượng ở Mức độ 2 nhưng chưa được rút khỏi Danh sách vi phạm chất lượng tính từ thời điểm đóng thầu trở về trước.		15
2.4. Vi phạm chất lượng ở Mức độ 1 hoặc từ 02 lần trở lên vi phạm chất lượng ở Mức độ 2 nhưng chưa được rút khỏi Danh sách vi phạm chất lượng tính từ thời điểm đóng thầu trở về trước.		0
3. Tình hình vi phạm chất lượng của cơ sở sản xuất một hàng được lựa, vj thuốc cổ truyền dự thầu(3):	20	
3.1. Không có một hàng vi phạm hoặc có một hàng vi phạm chất lượng ở mức độ 3 nhưng không bị dừng tài vi phạm chất lượng hoặc có tổng dưới 03 một hàng vi phạm chất lượng ở mức độ 3 bị dừng tài vi phạm chất lượng trên Trung thống tin điện tử của Cục Quản lý Y, Dược cổ truyền hoặc bị vi phạm chất lượng nhưng đã được rút khỏi danh sách vi phạm chất lượng tính từ thời điểm đóng thầu trở về trước.		20

3.2. Có tổng từ 03 một hàng trở lên vi phạm ở mức độ 3 bị đăng tải vi phạm chất lượng trên Trang thông tin điện tử của Cục Quản lý Y, Dược cổ truyền hoặc có dưới 03 một hàng vi phạm chất lượng ở mức độ 2 nhưng chưa được rút khỏi Danh sách vi phạm chất lượng tính từ thời điểm đăng tải trở về trước.		15
3.3. Có tổng từ 03 một hàng trở lên vi phạm ở mức độ 2 hoặc có 01 một hàng vi phạm chất lượng ở mức độ 1 nhưng chưa được rút khỏi Danh sách vi phạm chất lượng tính từ thời điểm đăng tải trở về trước.		0
4. Tiêu chí đánh giá về nguồn nguyên liệu sản xuất một hàng tham gia dự thầu (4)	20	
4.1. Một hàng là được liệu được được liệu ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quyết định số 171/QĐ-TTg ngày 14/10/2023		20
4.2. Một hàng là được liệu đạt GACP hoặc vi thuộc cổ truyền được sản xuất từ nguyên liệu là được liệu đạt GACP.		17
4.3. Một hàng tham dự thầu là được liệu trong nước chưa đạt GACP hoặc vi thuộc cổ truyền được sản xuất từ nguyên liệu là được liệu trong nước chưa đạt GACP.		14
4.4. Một hàng tham dự thầu là được liệu nước ngoài chưa đạt GACP hoặc vi thuộc cổ truyền được sản xuất từ nguyên liệu là được liệu nước ngoài chưa đạt GACP.		17
4.5. Một hàng không đạt các tiêu chí trên.		0
II. Các tiêu chí đánh giá về đóng gói, bảo quản, giao hàng:	20	
5. Một hàng được liệu, vi thuộc cổ truyền được dự thầu tới nhà thầu:(5)	8	
5.1. Đáp ứng nguyên tắc, tiêu chuẩn về "Thực hành tốt bảo quản thuốc, nguyên liệu làm thuốc" (GSP) phù hợp vi phù hợp với một hàng dự thầu.		8
5.2. Đáp ứng nguyên tắc, tiêu chuẩn về "Thực hành tốt phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc"(GPP) phù hợp vi phù hợp với một hàng dự thầu.		5
6. Khả năng đáp ứng yêu cầu của nhà thầu về điều kiện giao hàng (6):	2	
6.1. Đáp ứng được yêu cầu về điều kiện giao hàng tại chỗ và môi trường.		2
6.2. Không đáp ứng được yêu cầu về điều kiện giao hàng tại chỗ và môi trường.		0
7. Một hàng được liệu, vi thuộc cổ truyền được cung ứng bởi nhà thầu có uy tín trong thực hiện hợp đồng (7)	5	
7.1. Nhà thầu đã trúng thầu tại đơn vị:		
a) Cung ứng được liệu, vi thuộc cổ truyền báo đảm tiến độ theo hợp đồng.		5
b) Cung ứng được liệu, vi thuộc cổ truyền không báo đảm tiến độ theo hợp đồng.		3
7.2. Nhà thầu có vi phạm trong thực hiện hợp đồng cung ứng được liệu, vi thuộc cổ truyền cho các cơ sở y tế đã được công bố trên Trang thông tin điện tử của Cục Quản lý Y, Dược cổ truyền		7
7.3. Nhà thầu chưa trúng thầu tại đơn vị		3

8. Một hàng được liệt, vị thuộc cổ truyền tham dự thảo hội nhà thảo và hệ thống phân phối, cung ứng rộng khắp tại các địa bàn miền bắc, khu miền (8):	5	
8.1. Nhà thảo cổ hệ thống phân phối, cung ứng rộng khắp trên địa bàn tỉnh (thị trường đối với các tỉnh Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lào Cai, Yên Bái, Bắc Giang, Điện Biên, Lai Châu, Sơn La, Quảng Bắc, Quảng Trị, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Ninh Thuận, Kiên Giang, Lâm Đồng, Hà Tĩnh, Chu Lai, Phú Yên, Hòa Bình, Tuyên Quang):		5
8.2. Các trường hợp khác:		4

Ghi chú:

(1) Căn cứ thông tin về "Cơ sở sản xuất hàng hóa sản xuất (GMP) được liệt kê thuộc cổ truyền" được đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Cục Quản lý Y. Được cổ truyền (địa chỉ hợp pháp) một gói và một dạng được chứng nhận tại Giấy chứng nhận GMP được liệt kê và thuộc cổ truyền thuộc cổ truyền để tính điểm.

- Trường hợp được liệt kê thuộc cổ truyền dự thảo cổ nhiều cơ sở cũng theo giá quá trình sản xuất thì các cơ sở nguyên tắc, tiêu chuẩn GMP thấp nhất tại cơ sở sản xuất được đánh giá đáp ứng để tính điểm.

- Đối với được liệt kê vị thuộc cổ truyền được sản xuất tại cơ sở gia công thì căn cứ nguyên tắc, tiêu chuẩn GMP mà cơ sở gia công được đánh giá đáp ứng để tính điểm.

(2)(3) Căn cứ vào "Danh sách các cơ sở kinh doanh cổ được liệt kê và thuộc cổ truyền và phạm vi chất lượng" và thời điểm danh sách này được đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Cục Quản lý Y. Được cổ truyền (địa chỉ hợp pháp) một gói và để tính điểm. Trường hợp nhà thảo không bị vị phạm chất lượng được liệt kê và thuộc cổ truyền, nhưng có mặt được liệt kê và thuộc cổ truyền từ cơ sở sản xuất bị vị phạm chất lượng để tham gia đấu thầu thì nhà thảo ở cơ sở chỉ 2 và nhà chỉ 3.

Ví dụ:

- Ngày Cục Quản lý YDCT đăng tải Danh sách các cơ sở kinh doanh cổ được liệt kê và thuộc cổ truyền và phạm vi chất lượng trên Trang thông tin điện tử của Cục là ngày 23/03/2022. Đến ngày 23/03/2022 cơ sở được nêu tên thời điểm Danh sách các cơ sở kinh doanh cổ được liệt kê và thuộc cổ truyền và phạm vi chất lượng thì thời điểm đăng tải của ngày 26/03/2022, thời điểm đăng bị tính là vị phạm chất lượng. Trong quá trình chấm thầu nhà bị đăng tải vị phạm chất lượng thì vẫn bị tính là vị phạm chất lượng.

- Trường hợp ngày đăng tải vị phạm chất lượng trên Trang thông tin điện tử của Cục Quản lý Y. Được cổ truyền là ngày 25/03/2022. Đến ngày 25/03/2022 (sau khi thông) cơ sở được nêu tên thời điểm danh sách cơ sở cổ được liệt kê và thuộc cổ truyền bị vị phạm chất lượng. Thời điểm đăng thầu của ngày 26/03/2022, thời điểm không bị tính là vị phạm chất lượng. Trong quá trình chấm thầu nhà bị đăng tải vị phạm chất lượng thì vẫn bị tính là vị phạm chất lượng.

(4)

- Căn cứ vào thông tin về dự án được liệt kê trên báo cáo Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Cục Quản lý Y. Được cổ truyền (địa chỉ hợp pháp) một gói và hoặc Trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố hoặc Trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân các huyện theo quy định tại Thông tư số 10/2022/TT-BYT ngày 23/09/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn triển khai nội dung dân tư hỗ trợ phát triển vùng

Handwritten signature

trông được tiếp tục thuộc chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bằng sông Cửu Long, số và nội dung quy định 2021-2030, giai đoạn I, từ năm 2021 đến năm 2023.

- Căn cứ vào "Danh sách các cơ sở có được hiệu lực GACP" được công bố trên trang thông tin điện tử của Cục Quản lý T. Được có truyền tải địa chỉ: <http://www.jalci.mnh.gov.tw>

- Căn cứ thông tin nhà điều tra công bố về nguồn gốc, xuất xứ của được liệu (Giấy chứng nhận nguồn gốc, xuất xứ của được liệu đối với được liệu nhập khẩu; Bản cam kết về địa điểm nuôi trồng, thu hái được liệu đối với được liệu trong nước) trên trang thông tin điện tử của Cục Quản lý T. Được có truyền tải địa chỉ: <http://www.jalci.mnh.gov.tw> đối với nhà hàng có được liệu chưa đạt GACP hoặc vi phạm; có truyền được sản xuất từ nguồn liệu là được liệu chưa đạt GACP.

- Nhà điều tra chịu trách nhiệm về tính xác thực của cơ sở tiếp về sản lượng, nguồn gốc, xuất xứ và các thông tin khác (nếu có) theo đúng quy định của Pháp luật về dẫn xuất.

(5) Căn cứ thông tin về "Danh sách các cơ sở kinh doanh được liệu, vi phạm có truyền tải địa chỉ" của quốc đáp ứng các nguyên tắc, tiêu chuẩn GSP theo quy định tại Thông tư số 26/2018/TT-BE" được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Cục Quản lý T. Được có truyền tải địa chỉ <http://www.jalci.mnh.gov.tw>. Danh sách các cơ sở đạt GSP do Sở Y tế cấp.

(6) Nhà điều tra nêu rõ trong Hồ sơ dự thảo việc đáp ứng hoặc không đáp ứng yêu cầu của chủ đầu tư bên mua liệu về điều kiện giao hàng, số lượng hàng ghi trong Hồ sơ một thỏa tại "Bảng phân vi và tiêu độ cung ứng" mục 1 Chương V - Phạm vi cung cấp.

(7) Các điều kiện nêu đang này phải còn cũ vào một trong các thông tin sau:

- Thông tin về vi phạm trong quá trình cung ứng được liệu, vi phạm có truyền tải của chủ nhà điều tra các cơ sở y tế trên toàn quốc được công bố trên Trang thông tin điện tử của Cục Quản lý T. Được có truyền tải địa chỉ: <http://www.jalci.mnh.gov.tw> trong vòng 12 tháng tính từ thời điểm đồng thuận trở về trước.

- Việc thực hiện "Hợp đồng cung ứng được liệu, vi phạm có truyền tải" giữa nhà điều tra và chủ đầu tư phải mới nhất trong vòng 24 tháng tính từ thời điểm đồng thuận trở về trước.

(8) Chỉ áp dụng cho các gói thầu của các cơ sở y tế thuộc địa bàn các tỉnh trong danh sách nêu tại Bảng tiêu chuẩn đánh giá kỹ thuật. Căn cứ vào thực trạng các nhà điều tra cung ứng được liệu, vi phạm tại tổng độ phương. Sở Y tế các địa phương thể hiện chỉ để đánh giá việc cung ứng của các nhà điều tra có hệ thống phân phối tại địa phương để tính điểm. (Lưu ý: Chỉ số không được hiểu là điểm điểm cho các nhà điều tra có hệ thống phân phối, cung ứng tại nơi có các tỉnh trong danh sách nêu tại Bảng tiêu chuẩn đánh giá kỹ thuật mà điểm điểm cho nhà điều tra có hệ thống phân phối rộng khắp đến hầu hết các tỉnh cung ứng được liệu, vi phạm có truyền tải của các cơ sở y tế tại địa bàn tỉnh được dự thầu).

